(Bám sát cấu trúc đề thi mới nhất, chuẩn bị cho kì thi THPT Quốc gia 2016)

Phương pháp
TỰ LUẬN

ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI
(Nguyên giáo viên chuyên Sử, Trường chuyên Lê Khiết - Quảng Ngãi)

BỘ ĐỀ THI
THPT QUỐC GIA
MÔN LỊCH SỬ



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI
(Nguyên GV chuyên Sử, Trường chuyên Lê Khiết - Quảng Ngãi)

BỘ ĐỀ THI
THPT QUỐC GIA
môn
LỊCH SỬ

(Bám sát cấu trúc đề thi mới nhất, chuẩn bị cho kì thi THPT Quốc gia 2016)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: *Biên tập – Chế bản:* (04) 39714896;
Quản lý xuất bản: (04) 39728806; Tổng biên tập: (04) 39715011
Fax: (04) 39729436

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập: TS. PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập: NGUYỄN NGỌC OANH
Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN
Trình bày bìa: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Đối tác liên kết xuất bản:

NHÀ SÁCH HỒNG ÂN
20C Nguyễn Thị Minh Khai - Q1 - TP. Hồ Chí Minh

SÁCH LIÊN KẾT

BỘ ĐỀ THI THPT QUỐC GIA MÔN LỊCH SỬ

Mã số: 2LP - 872ĐH2015
In 1.000 cuốn, khổ 17 × 24cm tại Công ti Cổ phần Văn hóa Văn Lang.
Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Trung Trực - P5 - Q. Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh
Số xuất bản: 1813- 2015/CXB,IPH/22 – 258/ĐHQGHN, ngày 08/7/2015.
Quyết định xuất bản số: 842 LK-XH/QĐ - NXBĐHQGHN, ngày 10/8/2015
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2015.

Lời nói đầu

Cùng các em học sinh thân mến!

Từ năm 2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức một kỳ thi quốc gia (gọi là kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia) lấy kết quả để xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông và làm căn cứ xét tuyển sinh Đại học, Cao đẳng,...

Để được xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông và xét tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, thí sinh phải thi 4 môn (gọi là 4 môn thi tối thiểu) gồm 3 môn bắt buộc là Toán, Ngữ Văn, Ngoại ngữ và 1 môn tự chọn trong số các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử và Địa lí...Theo đó, môn Lịch sử là một trong các môn thí sinh có thể lựa chọn đăng ký thi tốt nghiệp và là môn để các thí sinh đăng ký thi đại học khối C.

Cũng như các môn học khác, đề thi môn Lịch sử đánh giá thí sinh ở 4 mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao, đảm bảo phân hóa trình độ thí sinh. Đây là vấn đề mới và khó đối với các em.

Để giúp học sinh có tài liệu ôn thi đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với kỳ thi THPT Quốc gia, chúng tôi biên soạn cuốn sách **BỘ ĐỀ THI THPT QUỐC GIA MÔN LỊCH SỬ**

Sách gồm bốn phần phần:

- **Phần một:** Hướng dẫn cách học và làm bài thi môn Lịch sử. Trong phần này, chúng tôi rèn luyện cho các em kĩ năng ôn tập để nắm vững kiến thức, kĩ năng làm bài thi va nhận dạng cac đề thi môn Lịch sử.

- **Phần hai:** Giới thiệu đề thi tuyển sinh đại học từ năm 2010 đến nay.

Đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng, chúng tôi sưu tầm nguyên bản các đề thi của Bộ Giáo dục - Đào tạo, nhưng phần hướng dẫn làm bài, chúng tôi sử dụng kiến thức của chương trình sách giáo khoa hiện hành.

- **Phần ba:** Sưu tầm, giới thiệu một số đề thi thử THPT Quốc gia năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục - Đào tạo và các trường THPT. Chúng tôi chỉ sưu tầm đề và đáp án, không giới thiệu biểu điểm từng câu trong đáp án.

- **Phần bốn:** Giới thiệu một số đề thi thử THPT Quốc gia do tác giả biên soạn.

Với những kiến thức chúng tôi giới thiệu trong cuốn sách này, hi vọng rằng các em sẽ không còn lúng túng trong kì thi THPT Quốc gia, tuyển sinh Đại học đối với môn Lịch sử.

Trong quá trình sưu tầm, biên soạn, chắc chắn còn có những sai sót, rất mong nhận được sự góp ý từ phía quý thầy, cô giáo và các em học sinh.

TÁC GIẢ

Phần một.

HƯỚNG DẪN CÁCH HỌC VÀ LÀM BÀI THI MÔN LỊCH SỬ

I. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ÔN TẬP LỊCH SỬ

1. Kĩ năng ghi nhớ các sự kiện lịch sử cơ bản

Học lịch sử không phải bắt buộc học sinh phải học thuộc lòng một cách máy móc, một lúc phải nhớ quá nhiều sự kiện, song phải biết ghi nhớ, hiểu một số sự kiện quan trọng, gắn với niên đại, địa danh, nhân vật lịch sử. Nếu không ghi nhớ và không hiểu sự kiện lịch sử thì không thể nào làm tốt bài thi lịch sử, bởi vì bài lịch sử không thể viết như một bài chính trị mà cần phải có sự kiện để minh chứng. Chẳng hạn, khi học về Cách mạng tháng Tám, học sinh phải ghi nhớ và hiểu Hội nghị toàn quốc từ ngày 14 đến ngày 15 - 8 - 1945 hay Đại hội Quốc dân Tân Trào từ ngày 16 đến ngày 17 - 8 - 1945.

Muốn ghi nhớ tốt sự kiện lịch sử, học sinh phải tự tìm cho mình một cách nhớ riêng, làm thế nào để sau mỗi lần học xong các bài, các chương lịch sử các em còn đọng lại trong mình các sự kiện cần nhớ. Sau đây là một vài gợi ý về cách ghi nhớ:

Thứ nhất, ghi nhớ thời gian xảy ra sự kiện lịch sử. Mỗi bài, mỗi chương đều có những sự kiện gắn với thời gian nhất định. Các em cần có kĩ năng ghi nhớ lôgic, biết tìm ra điểm tựa để nhớ, có thể lập dàn ý, lập bảng hệ thống hoá.

Chẳng hạn, khi học về cuộc Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 - 9 - 1940); Khởi nghĩa Nam Kì (23 - 11 - 1940); Binh biến Đô Lương (14 - 1 - 1941), các em có thể ghi nhớ bằng cách: lấy mốc Khởi nghĩa Bắc Sơn làm chuẩn rồi suy ra cứ cách nhau hai tháng diễn ra một sự kiện hay các sự kiện đều diễn ra trong các tháng lẻ.

Các em có thể ghi nhớ một cách máy móc mối quan hệ giữa các sự kiện, giữa thời gian và địa điểm xảy ra sự kiện. Ví dụ, khi học bài "Chiến dịch Điện Biên Phủ" các em phải nắm vững ba đợt tấn công của quân ta vào cứ điểm Điện Biên Phủ bằng cách lấy ngày 13 - 3 - 1954 là ngày mở đầu, rồi dùng sự kiện Ngày Quốc tế phụ nữ (8 - 3) làm điểm tựa và suy ra, cách 5 ngày đến ngày quân ta mở đợt tấn công đầu tiên vào cứ điểm Điện Biên Phủ và tính ra rằng đợt 1 diễn ra trong 5 ngày... Cứ như vậy, các em tìm cách nhớ đợt 2 và đợt 3.

Thứ hai, ghi nhớ các nhân vật lịch sử. Thông thường trong lịch sử mỗi sự kiện đều gắn với những nhân vật nhất định, để dễ ghi nhớ các nhân vật lịch sử, theo chúng tôi nghĩ có hai cách: một là lấy người để nói việc, hai là lấy việc để nói người. Ví dụ, khi nói về chiến thắng Bạch Đằng, các em nghĩ ngay đến Ngô Quyền hay khi nói về Hồ Chí Minh chúng ta có thể liên hệ đến bản Tuyên ngôn Độc lập hoặc Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến; khi nói về chiến thắng Điện Biên Phủ chúng ta nghĩ ngay đến Đại tướng Võ Nguyên Giáp...

2. Kĩ năng khái quát, tổng hợp các sự kiện lịch sử

Khái quát và tổng hợp các sự kiện là một yêu cầu rất quan trọng trong học tập lịch sử. Khái quát, tổng hợp các sự kiện lịch sử là trên cơ sở nắm vững từng sự kiện phải biết xâu chuỗi lại thành một hệ thống các sự kiện thể hiện bản chất của một thời kì hoặc một giai đoạn lịch sử với những nét nổi bật của nó. Ví dụ, khi học xong giai đoạn lịch sử 1930 - 1945, học sinh phải biết khái quát, tổng hợp để chứng minh Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi trong 15 ngày nhưng phải được chuẩn bị trong 15 năm với các lần diễn tập 1930 - 1931; 1936 - 1939; 1939 - 1945.

Để khái quát, tổng hợp các sự kiện lịch sử, trước hết học sinh phải biết lựa chọn những sự kiện lịch sử tiêu biểu trong từng bài, trên cơ sở đó sắp xếp, hệ thống hoá kiến thức theo thứ tự thời gian. Ví dụ, khi học về "Quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến 1930", học sinh phải khái quát các sự kiện cơ bản: Năm 1919, đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxai; năm 1920, đọc Sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa; bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp; năm 1921, thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa và viết Báo "Người cùng khổ"; năm 1925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và năm 1930 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi đã nêu được các mốc thời gian quan trọng, các em dựa vào đó viết bài lịch sử khái quát, tổng hợp.

3. Kĩ năng liên hệ, so sánh, đối chiếu tài liệu lịch sử

Với kĩ năng này yêu cầu các em phải biết liên hệ, so sánh, đối chiếu tài liệu lịch sử đang học với hiện tại. Công việc này được tiến hành trên cơ sở nắm vững sự kiện đang học và hiểu rõ tình hình, nhiệm vụ hiện nay. Có nhiều biện pháp tiến hành:

Một là, rút ra bài học kinh nghiệm của quá khứ cho hiện tại. Ví dụ, bài học kinh nghiệm về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam; bài học về xây dựng Mặt trận để đoàn kết toàn dân... Những bài học này được vận dụng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay: Kiên trì con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được Đảng ta lựa chọn, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hai là, so sánh, đối chiếu hai sự kiện khác nhau để rút ra bản chất của chúng. Ví dụ, so sánh điểm khác nhau cơ bản giữa Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) với Hiệp định Giơnevơ (21 - 7 - 1954) để thấy bước tiến của ta trong đấu tranh ngoại giao.

Điểm khác nhau cơ bản: Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946), Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một quốc gia tự do, nằm trong Liên hiệp Pháp và trong Liên bang Đông Dương. Còn trong Hiệp định Giơnevơ (21 - 7 - 1954), Pháp và các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ ba nước Đông Dương.

Trong lúc kí Hiệp định Sơ bộ do ta còn yếu hơn địch nên ta phải chấp nhận điều khoản đó. Đây là sách lược mềm dẻo để phân hoá kẻ thù. Còn trong khi kí Hiệp định Giơnevơ ta đã giành được thắng lợi quyết định ở Điện Biên Phủ, quyết định sự thất bại của thực dân Pháp ở Đông Dương.

So với Hiệp định Sơ bộ, Hiệp định Giơnevơ là một bước tiến vượt bậc trong đấu tranh ngoại giao của ta.

4. Kĩ năng lập bảng thống kê các niên đại, sự kiện lịch sử

Để nắm vững, nhớ lâu các mốc thời gian diễn ra sự kiện lịch sử đòi hỏi các em phải lập bảng thống kê về niên đại và sự kiện lịch sử. Việc làm này vừa giúp các em hệ thống hoá toàn bộ các sự kiện theo từng chương, từng giai đoạn hoặc cả một quá trình lịch sử. Ví dụ, lập bảng thống kê các niên đại, sự kiện lịch sử Việt Nam giai đoạn 1919 - 1930, chúng ta có thể làm như sau:

Thời gian	*Nội dung sự kiện*
1) Ngày 18 - 6 - 1919	Nguyễn Ái Quốc gửi yêu sách đến Hội nghị Vecxai đòi các quyền tự do dân chủ, bình đẳng và dân tộc tự quyết cho dân tộc Việt Nam.

Thời gian	*Nội dung sự kiện*
2) Ngày 6 - 7 - 1920	Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đăng trên báo Nhân đạo.
3) Ngày 25 - 12 - 1920	Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng xã hội Pháp ở Tua, bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
4) Tháng 4 - 1922	Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập ra báo "Người cùng khổ" của Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pháp.
5) Tháng 6 - 1925	Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập.
6) Ngày 25 - 12 - 1927	Việt Nam Quốc dân Đảng ra đời.
7) Ngày 14 - 7 - 1928	Tân Việt Cách mạng Đảng thành lập.
8) Tháng 6 - 1929	Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời ở Bắc Kì.
9) Tháng 9 - 1929	Đông Dương Cộng sản Liên đoàn ra đời ở Trung Kì.
10) Ngày 9 - 2- 1930	Khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân Đảng bùng nổ.

5. Kĩ năng làm một số bài tập thực hành cần thiết để ghi nhớ các sự kiện lịch sử

Thông qua các bài tập lịch sử để các em hiểu sâu sắc hơn các sự kiện lịch sử. Bài tập lịch sử nhằm phát triển tư duy học tập lịch sử của các em. Có nhiều loại bài tập lịch sử như: nhóm bài tập nhận biết lịch sử, nhằm tái tạo hình ảnh quá khứ, rèn luyện kĩ năng ghi nhớ, tái hiện lịch sử một cách chính xác. Nhóm bài tập nhận thức lịch sử, đòi hỏi học sinh tìm hiểu bản chất sự kiện, phù hợp với trình độ của mình. Nhóm bài tập thực hành, nhằm rèn luyện kĩ năng thực hành bộ môn, nâng cao trình độ tư duy lịch sử.

Trong các đề thi đại học, cao đẳng những năm gần đây, chúng ta thường gặp các dạng đề theo kiểu bài tập lịch sử. Nếu các em không tập làm quen và không có khả năng hiểu biết về bài tập lịch sử sẽ bị lúng túng khi tiếp xúc với đề thi. Ví dụ, khi kiểm tra về Cách mạng tháng Tám năm 1945, người ta có thể nêu câu hỏi: *Vì sao Cách mạng tháng Tám là một biến cố lịch sử đối với dân tộc Việt Nam ?* Hay là *Vì sao Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu?...*

II. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LÀM BÀI THI LỊCH SỬ

1. Kĩ năng đọc và hiểu đề thi

Khi tiếp xúc với đề thi các em phải đọc kĩ đề, hiểu yêu cầu của đề nhằm tránh tình trạng xa đề, lạc đề, không phân phối đủ thời gian cho bài viết.

Đọc kĩ đề, rồi viết ra giấy nháp những cụm từ quan trọng, nội dung cơ bản của đề thi và những vấn đề cốt lõi về yêu cầu của đề. Trên cơ sở đó, bắt đầu suy nghĩ với đề ra như vậy sử dụng những kiến thức nào để làm bài. Trong thực tế nhiều năm qua, có nhiều học sinh nắm rất vững kiến thức nhưng khi tiếp xúc với đề thi, không đọc kĩ để hiểu yêu cầu của đề, vội vàng làm bài nên kết quả cuối cùng bị điểm thấp. Ví dụ, khi tiếp xúc với đề *"Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thực hiện chủ trương gì để Việt Nam với tư cách là một nước độc lập đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật"*. Nếu không đọc kĩ đề, các em sẽ hiểu nhầm yêu cầu của đề hỏi về tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Trong khi đó, yêu cầu của đề là trình bày Hội nghị toàn quốc (từ ngày 14 đến 15 - 8 - 1945), quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật và sau đó tiếp tục trình bày Đại hội quốc dân Tân Trào (từ ngày 16 đến 17 - 8 - 1945) và Tổng khởi nghĩa tháng Tám....

Sau khi đọc kĩ đề, các em phải hiểu đề. Đầu tiên các em bỏ một thời gian nhất định để suy nghĩ, phân tích, tìm hiểu những yêu cầu, nội dung cơ bản của đề, tức là nêu những đòi hỏi của đề bài cần tập trung giải quyết. Hiểu được yêu cầu của đề sẽ giúp các em định hướng cho cách làm bài của mình. Ví dụ, khi tiếp xúc với đề *"Những thắng lợi của quân Đồng minh trong việc tiêu diệt phát xít Nhật và tác động của những thắng lợi đó đối với Việt Nam năm 1945"*. Các em phải hiểu rằng, cuối năm 1944 đầu năm 1945, quân Đồng minh phản công và giành thắng lợi trên khắp các mặt trận. Tình thế đó buộc Nhật đảo chính Pháp (9 - 3 - 1945). Đến ngày 14 - 8 - 1945, phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại làm cho bọn Nhật ở Đông Dương hoang mang cực độ. Ta chớp thời cơ quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

2. Kĩ năng xây dựng đề cương bài viết

Xây dựng đề cương bài viết nhằm đáp ứng những yêu cầu cơ bản của bài, giữ được sự cân đối giữa các phần, chủ động được thời gian làm bài.

Đề cương bài viết chỉ là phác thảo những nét chính, gồm các phần chủ yếu sau:

- *Phần mở đầu:* đặt vấn đề, giới thiệu ngắn gọn những điểm cần giải quyết. Ví dụ ở đề bài "Hãy phân tích nội dung *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19 - 12 - 1946)". Các em nêu phần mở đầu ngắn gọn: *"Sau khi Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước (14 - 9 - 1946) được kí kết giữa ta và Pháp. Về phía ta, thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản đã kí kết, còn thực dân Pháp bội ước. Trước tình thế đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng và Chính phủ ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào đêm 19 - 12 - 1946".*

- *Phần thân bài:* đây là phần chủ yếu và quan trọng nhất của bài, các em phải trình bày các sự kiện, ý tưởng... nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra. Trong phần thân bài, các em cần nêu cho được các luận điểm và mỗi luận điểm có các luận cứ để trình bày. Ví dụ, với đề nêu trên, chúng ta có thể lập đề cương phần thân bài như sau:

+ Nêu khái quát hoàn cảnh ra đời của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Nêu và phân tích nội dung cơ bản của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

+ Nêu ngắn gọn ý nghĩa của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

- *Phần kết luận:* nêu khái quát các ý đã trình bày ở phần mở đầu và thân bài.

Trong việc lập đề cương một bài viết cần tránh hai việc: một là, lập đề cương quá sơ lược, không định hướng được bài viết làm cho khi viết bài một cách tuỳ tiện; hai là, lập đề cương quá chi tiết, mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc hoàn thành bài viết.

3. Kĩ năng phân bố thời gian làm bài

Trong thực tế nhiều năm qua, không ít học sinh làm bài thi môn xã hội nói chung và làm bài thi môn Lịch sử nói riêng thường bị lạm dụng về thời gian. Việc bố trí thời gian để làm các câu hỏi trong đề bài là rất cần thiết. Muốn vậy, khi tiếp xúc với đề, các em phải biết bố trí thời gian để trả lời từng câu hỏi như thế nào. Trước hết, chúng ta phải xác định câu nào có số điểm cao nhất, yêu cầu lượng kiến thức nhiều nhất, chúng ta dành thời gian cho các câu đó nhiều nhất. Phải tránh tình trạng học câu nào thuộc thì chăm chú làm câu đó mà không biết phân định về hời gian. Ví dụ, đề bài có ba câu như sau:

Câu 1. Anh (chị) hãy phân tích những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám (1945).

Câu 2. Dựa vào ba sự kiện quan trọng sau đây: chiến thắng Việt Bắc (1947), chiến thắng Biên giới (1950) và chiến thắng Điện Biên Phủ (1954), anh (chị) hãy làm sáng tỏ các bước phát triển của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

Câu 3. Anh (chị) hãy trình bày những thành tựu (từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991) của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai của nhân loại.

Với ba câu của đề thi như vậy, chắc chắn rằng các em phải dành thời gian nhiều nhất cho câu 2. Trong 180 phút làm bài, các em nên phân bố thời gian cho mỗi câu như sau:

- Câu 1. khoảng 35 phút; Câu 2: 90 phút; Câu 3: 40 phút. Tổng cộng 165 phút, cộng với 15 phút cho việc lập đề cương và đọc lại bài sau khi đã làm.

III. NHẬN DẠNG CÁC ĐỀ THI LỊCH SỬ

1. Đề thi tìm hiểu diễn biến của sự kiện lịch sử

Ví dụ đề thi: Hãy nêu diễn biến chính của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

Để làm được đề này, học sinh phải nắm vững các vấn đề cơ bản sau đây:

- Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua 3 đợt:

+ Đợt 1 (từ ngày 13 đến ngày 17 - 3 - 1954): Quân ta tấn công vào Him Lam và toàn bộ phân khu phía Bắc (Độc Lập, Bản Kéo).

+ Đợt 2 (từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954): Quân ta đồng loạt tấn công vào các cao điểm phía đông khu trung tâm Mường Thanh. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, nhất là ở đồi A_1, C_1. Vòng vây khép chặt, dần dần đường tiếp tế bằng hàng không bị cắt đứt.

+ Đợt 3 (từ ngày 1 - 5 đến ngày 7 - 5 - 1954): Quân ra đồng loạt tấn công vào khu trung tâm Mường Thanh và phân khu phía Nam. Chiều ngày 7 - 5, quân ta đánh vào Sở chỉ huy địch. Đến 7 giờ 30 ngày 7 – 5, lá cờ "Quyết chiến, quyết thắng" bay lên nóc hầm Đờ Caxtơri. Chiến dịch toàn thắng.

- Sau 56 ngày đêm liên tục chiến đấu, quân ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ: 16.200 tên, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, cơ sở vật chất kĩ thuật; đập tan kế hoạch Na-va và mọi mưu đồ của đế quốc Pháp – Mĩ.

2. Đề thi xác định nguyên nhân thành công của một sự kiện lịch sử

Ví dụ đề thi: Hãy nêu nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Để làm được đề này, học sinh phải nắm vững các vấn đề cơ bản sau đây:

Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả tổng hợp của những nhân tố khách quan và chủ quan.

- Về khách quan:

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai của bọn đế quốc đã làm cho chúng ngày càng thêm suy yếu. Tiếp đó là cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và lực lượng dân chủ đã từng bước làm thất bại chủ nghĩa phát xít Đức - Italia - Nhật Bản. Tất cả đã tác động đến quá trình cách mạng thế giới, thúc đẩy các dân tộc thuộc địa đấu tranh giải phóng.

Đến khi lực lượng Đồng minh và Liên Xô đánh bại Phát xít Nhật ở châu Á - Thái Bình Dương vào ngày 14 - 8 - 1945 đã tạo nên thời cơ khách quan cho Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Đó là thời cơ "ngàn năm có một" được Đảng ta triệt để lợi dụng, kịp thời chớp lấy, phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa, và đã giành được thắng lợi mau lẹ, ít đổ máu.

Tuy nhiên, điều kiện khách quan đó chỉ có thể được phát huy thông qua điều kiện chủ quan của ta.

- Về chủ quan:

+ Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập, tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh phất cao ngọn cờ cứu nước thì mọi người hăng hái hưởng ứng, nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo với đường lối cách mạng đúng đắn kịp thời. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nguyên nhân quyết định thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945.

+ Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám còn là thắng lợi của việc xây dựng lực lượng cách mạng, trước tiên là lực lượng chính trị của quần chúng.

Trên cơ sở lực lượng chính trị, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang. Đó là hai lực lượng hùng hậu được Đảng sử dụng hợp lí nhằm phát huy sức mạnh to lớn vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

3. Đề thi yêu cầu lập bảng niên biểu về các sự kiện lịch sử.

Ví dụ đề thi: Ghi sự kiện lịch sử vào bảng thống kê dưới đây cho phù hợp với thời gian diễn ra cuộc Tổng nghĩa tháng Tám năm 1945.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
Ngày 14 - 8 - 1945	....
Chiều 16 - 8 - 1945	....
Ngày 18 - 8 - 1945	....
Ngày 19 - 8 - 1945.	....
Ngày 23 - 8 - 1945	....
Ngày 25 - 8 - 1945	....
Ngày 28 - 8 - 1945	....

Học sinh phải ghi được nội dung các sự kiện như sau:

Thời gian	Sự kiện lịch sử
Ngày 14 - 8 - 1945	Quảng Ngãi khởi nghĩa giành thắng lợi ở tỉnh lị.
Chiều 16 - 8 - 1945	Một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước.
Ngày 18 - 8 - 1945	Nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lị.
Ngày 19 - 8 - 1945.	Hàng chục vạn nhân dân nội ngoại thành Hà Nội xuống đường biểu dương lực lượng. Quần chúng cách mạng có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, lần lượt chiếm các cơ quan đầu não của địch: Phủ Khâm sai Bắc Bộ, Sở Cảnh sát Trung ương, Sở Bưu điện, Trại Bảo an binh... Tối 19 – 8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
Ngày 23 - 8 - 1945	Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế.
Ngày 25 - 8 - 1945	Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn.
Ngày 28 - 8 - 1945	Khởi nghĩa giành thắng lợi trong toàn quốc.

4. Đề thi xác định, phân tích tính chất của sự kiện lịch sử

Ví dụ đề thi: "Hãy trình bày nội dung của Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Nguyễn Ái Quốc soạn thảo".

Để làm được đề này, học sinh phải nắm vững các vấn đề cơ bản sau đây:

a. Nêu hoàn cảnh ra đời của Cương lĩnh chính trị đầu tiên:

Tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930), các đại biểu đã thảo luận và thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng.

b. Phân tích nội dung của Cương lĩnh

- Cương lĩnh xác định đường lối chiến lược cách mạng của Đảng là tiến hành cuộc "*tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*".

- Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do; lập chính phủ công nông binh; tổ chức quân đội công nông, tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất...

- Lực lượng cách mạng là công - nông, tiểu tư sản, trí thức. Còn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.

- Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

c. Nêu ý nghĩa của Cương lĩnh: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo tuy còn vắn tắt, song đây là một cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, sớm kết hợp đúng đắn về vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng chủ yếu của cương lĩnh này.

5. Đề thi xác lập mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện lịch sử của thế giới với Việt Nam.

Ví dụ đề thi: Trình bày tác động của hai sự kiện lịch sử sau đây đối với cách mạng Việt Nam thời kì 1939 – 1945:

- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9 - 1939);
- Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh (tháng [redacted] - 1945).

Để làm được đề này, học sinh phải nắm vững các vấn đề cơ bản sau đây:

**** Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9 - 1939)***

- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ vào ngày 1 - 9 - 1939 với sự kiện Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau Anh, Pháp tuyên chiến với Đức.

- Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, bọn Pháp ở Đông Dương phát xít hoá bộ máy nhà nước, tăng cường vơ vét bóc lột nhân dân và đàn áp phong trào cách mạng. Vận mệnh các dân tộc Đông Dương bị đe doạ nghiêm trọng.

- Trước tình hình đó, Đảng ta chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp thiết. Chủ trương đó được thể hiện trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11 - 1939). Nêu nội dung và ý nghĩa của Hội nghị.

**** Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh (tháng 8 - 1945)***

- Đến tháng 8 - 1945, quân đội Nhật liên tiếp bị thất bại ở mặt trận châu Á – Thái Bình Dương, nhất là khi đội quân Quan Đông đứng trước nguy cơ bị Hồng quân Liên Xô tiêu diệt và bị Mĩ ném hai quả bom nguyên tử. Ngày 15 - 8 - 1945, Nhật chính thức đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương bị tê liệt, chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Thời cơ cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã đến.

- Trước tình hình đó, Đảng ta triệu tập Hội nghị toàn quốc (từ ngày 14 đến ngày 15 - 8 - 1945) quyết định phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương... Tiếp đó, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (từ ngày 16 đến ngày 17 - [redacted] - 1945) tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng; thông qua 10 chính sách của Việt Minh, thành lập Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

6. Đề thi xác định tính kế thừa giữa các sự kiện, giai đoạn, thời kì lịch sử.

Với dạng đề thi này đòi hỏi học sinh phải hiểu rõ quá trình phát triển liên tục, thống nhất, tính phong phú, đa dạng, cụ thể của các sự kiện, giai đoạn, thời kì lịch sử. Khi làm loại đề thi này, học sinh phải nắm vững một vấn đề có tính quy luật trong sự phát triển là sự tiếp nối lôgic giữa quá khứ – hiện tại - tương lai.

Ví dụ đề thi: "Qua trình bày những sự kiện chủ yếu trong phong trào cách mạng 1930 - 1931; 1936 - 1939 và phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945, nêu rõ các cuộc đấu tranh này dẫn tới thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945".

Để làm được đề thi này học sinh cần phải nắm vững kiến thức chủ yếu sau:

• Bối cảnh lịch sử diễn ra ở mỗi phong trào cách mạng:

- Phong trào cách mạng 1930 - 1931 nổ ra trong hoàn cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã tác động nặng nề đến kinh tế Đông Dương và lúc này Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo phong trào. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, thực dân Pháp trút gánh nặng của khủng hoảng lên đầu nhân dân ta, làm cho mâu thuẫn dân tộc trở nên gay gắt, phong trào cách mạng ngày càng dâng cao. Ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng công - nông khắp cả nước.

- Phong trào cách mạng 1936 - 1939 diễn ra khi chủ nghĩa phát xít ra đời ở Đức, Italia và Nhật Bản ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới. Trong tình hình ấy, tháng 7 - 1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Mátxcơva (Liên Xô). Đại hội quyết định nhiều vấn đề trọng đại, như xác định kẻ thù và nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là chống chủ nghĩa phát xít nhằm mục tiêu đấu tranh giành dân chủ, bảo vệ hoà bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi. Tháng 6 - 1936, Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp. Chính phủ mới đã cho thi hành một số cải cách tiến bộ ở thuộc địa.

+ Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945 diễn ra trong điều kiện Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (ngày 1 - [redacted] - 1939). Tháng 6 - 1940, Pháp đầu hàng Đức. Ở Đông Dương, chính quyền mới của Pháp thực hiện một loạt chính sách vơ vét sức người, sức của của Việt Nam đốc vào cuộc chiến tranh.

Cuối tháng 9 - 1940, quân Nhật vượt biên giới Việt - Trung vào miền Bắc Việt Nam. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng. Phát xít Nhật giữ nguyên bộ máy thống trị của thực dân Pháp, dùng nó để bóc lột kinh tế phục vụ cho nhu cầu chiến tranh và đàn áp phong trào cách mạng. Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Nhật - Pháp. Tháng 6 - 1941, Đức tấn công Liên Xô. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng Việt Nam.

**** Những chủ trương của Đảng trong mỗi phong trào cách mạng:***

- Trong phong trào cách mạng 1930 - 1931, Đảng Cộng sản Việt Nam mới thành lập đã đảm nhận việc tổ chức và lãnh đạo những cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp khác nhằm thực hiện hai khẩu hiệu *"Độc lập dân tộc"* và *"Ruộng đất dân cày"*.

- Trong phong trào cách mạng 1936 - 1939, Đảng nhận định kẻ thù chủ yếu, trước mắt của nhân dân Đông Dương không phải là thực dân Pháp nói chung mà là bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng, từ đó chủ trương đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình. Chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất Nhân dân phản đế Đông Dương, đến tháng 3 - 1938 đổi thành Mặt trận thống nhất Dân chủ Đông Dương.

- Trong phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11 - 1939) đề ra chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược; đến Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 - 1941) đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc và chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương, sau đó là Mặt trận Việt Minh; chuẩn bị lực lượng tiến tới đấu tranh giành thắng lợi.

**** Kết quả đấu tranh:***

+ Phong trào cách mạng 1930 - 1931: Giáng một đòn nặng nề vào bọn thực dân Pháp và tay sai của chúng; thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh...

+ Phong trào cách mạng 1936 - 1939: Đòi được một số quyền tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình; tập hợp được một lực lượng chính trị của đông đảo quần chúng...

+ Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945: Mặt trận Việt Minh được thành lập, chuẩn bị mọi mặt tiến tới tổng khởi nghĩa; phát triển lực lượng chính trị của quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang; phát động cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

* Dựa vào kiến thức cơ bản từng giai đoạn rút ra bài học kinh nghiệm để tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

7. Đề thi tìm hiểu khuynh hướng phát triển của một sự kiện, một thời đại hay một xã hội nói chung

Kiểu đề thi này đòi hỏi học sinh phải nắm bắt được phương pháp tư duy biện chứng để đoán định sự phát triển tương lai của một sự kiện lịch sử trên cơ sở hiểu rõ quá khứ và hiện tại.

Ví dụ đề thi: "Khi nghe tin Nhật bị Đồng minh đánh bại, Đảng ta và Hồ Chí Minh đã chuẩn bị những gì để phát động quần chúng Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945?"

- Ngay từ ngày 13 - 8 - 1945, khi nhận được những thông tin về Nhật đầu hàng, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập *Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc*. 23 giờ cùng ngày Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố "*Quân lệnh số 1*" chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Từ ngày 14 đến ngày 15 - 8 - 1945, *Hội nghị toàn quốc của Đảng* họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

- Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 17 - 8 - 1945, *Đại hội Quốc dân* được triệu tập ở Tân Trào. Đại hội tán thành lệnh Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra *Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam* do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh làm Quốc kì, bài hát Tiến quân ca làm Quốc ca.

8. Đề thi tìm hiểu ý nghĩa của sự kiện và rút ra bài học kinh nghiệm lịch sử đối với ngày nay.

Ví dụ đề thi: "Hãy phân tích ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945."

**** Ý nghĩa lịch sử***

- Cách mạng tháng Tám "*mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta*". Nó đã phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm, ách thống trị của phát xít Nhật gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến ngự trị ngót chục thế kỉ ở nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ.

- Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do; kỉ nguyên nhân dân lao động nắm quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã góp phần chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm suy yếu chúng, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng, "có ảnh hưởng trực tiếp và rất to lớn đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào".

**** Bài học kinh nghiệm***

- Bài học về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, nắm bắt được tình hình thế giới và cách mạng trong nước để thay đổi chủ trương chỉ đạo chiến lược cho phù hợp.

- Bài học về việc giải quyết đúng đắn giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đề cao vấn đề dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

- Bài học về tập hợp, tổ chức đoàn kết lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, trên cơ sở liên minh công nông, tạo nên sức mạnh toàn dân, phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù rồi tiến lên đánh bại chúng.

- Bài học về sự linh hoạt kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp với chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần, khởi nghĩa ở nông thôn và thành thị tiến tới tổng khởi nghĩa.

- Bài học về việc kết hợp giữa đấu tranh và xây dựng để ngày càng vững mạnh về tổ chức, tư tưởng chính trị.

Phần hai.

GIỚI THIỆU ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG TỪ NĂM 2010 - 2015

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2010

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH *(7,0 điểm)*

Câu 1. *(3,0 điểm)* Trình bày nội dung cơ bản chiến lược toàn cầu của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1973 và việc triển khai chiến lược đó ở Tây Âu trong những năm 1947 - 1949.

Câu 2. *(2,0 điểm)* Nêu và nhận xét về nhiệm vụ và lực lượng cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 3. *(2,0 điểm)* Bằng những sự kiện lịch sử có chọn lọc từ năm 1941 đến năm 1945, hãy làm sáng tỏ vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

II. PHẦN RIÊNG *(3,0 điểm)*

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu 4a hoặc 4b)

Câu 4a. Theo Chương trình Chuẩn: Chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) là chiến dịch nào? Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, chủ trương của ta và ý nghĩa của chiến dịch đó.

Câu 4b. Theo Chương trình Nâng cao: Cuộc tiến công chiến lược nào của quân và dân ta ở miền Nam đã buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam ?

Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, diễn biến và kết quả của cuộc tiến công đó.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI NĂM 2010

Câu 1. Nội dung cơ bản chiến lược toàn cầu của Mĩ 1945 - 1973:

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với tiềm lực về kinh tế và quân sự to lớn, Mĩ đã triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới. Nội dung cơ bản:

+ Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xoá bỏ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

+ Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, phong trào chống chiến tranh, vì hoà bình, dân chủ trên thế giới.

+ Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh của Mĩ.

- Việc triển khai chiến lược toàn cầu ở Tây Âu 1947 - 1949:

+ Ngày 12 - 3 - 1947, tổng thống Mĩ Truman đọc thông điệp trước Quốc hội Mĩ, khẳng định: sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mĩ và đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho hai nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì.

+ Đầu tháng 6 - 1947, Mĩ đề ra "kế hoạch Mácsan" với khoản viện trợ 17 tỉ USD để giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh. Và thông qua kế hoạch này, Mĩ còn nhằm tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

+ Ngày 4 - 4 - 1949, Mĩ thành lập khối quân sự - Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Câu 2.

- Nhiệm vụ cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam: đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và phản cách mạng, làm cho Việt Nam được độc lập tự do; lập chính phủ công nông binh; tổ chức quân đội công nông, tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc; tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cải cách ruộng đất...

- Nhận xét: Đây là nhiệm vụ đúng đắn và sáng tạo, sớm kết hợp vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng chủ yếu.

Lực lượng cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam : công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức. Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.

- Nhận xét: Thể hiện được vấn đề đoàn kết dân tộc rộng rãi để đánh đuổi kẻ thù, rất phù hợp với hoàn cảnh một nước thuộc địa như Việt Nam. Nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn.

Câu 3.

Sau 30 năm bôn ba ở hải ngoại, đến ngày 28 - 1 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Sau đó, Người tổ chức và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19 - 5 - 1941 để hoàn thành chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đã được đề ra trong Hội nghị Trung ương tháng 11 - 1939, đó là:

- Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc.

- Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương. Như vậy, tại mỗi nước Đông Dương phải thành lập mặt trận thống nhất của nước mình để lãnh đạo cách mạng. Do đó, tại Việt Nam thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh.

- Đề ra chủ trương khởi nghĩa giành chính quyền, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa khi thời cơ thuận lợi; đặt nhiệm vụ chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là trung tâm.

- Hoạt động chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền:

+ Sáng lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 - 5 - 1941), một hình thức mặt trận có quy mô và tổ chức rộng khắp cả nước do Người đứng đầu, là một trung tâm đoàn kết đấu tranh chống Pháp - Nhật để giành độc lập.

+ Ra chỉ thị thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (ngày 22 - 12 - 1944), là đội quân chính quy cách mạng đầu tiên.

+ Tổ chức xây dựng căn cứ địa cách mạng, ban đầu là căn cứ Cao Bằng, đến tháng 6 - 1945 thành lập Khu giải phóng Việt Bắc. Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng được thành lập. Khu giải phóng Việt Bắc là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

+ Năm 1942 và 1945 Người đi Trung Quốc liên hệ để tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng đồng minh chống phát xít.

+ Sáng suốt dự đoán thời cơ cách mạng và khi thời cơ đến, Người cùng với Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố "Quân lệnh số 1", chính thức phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước.

+ Từ ngày 14 đến ngày 15 - 8 - 1945, Người cùng với Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị toàn quốc tại Tân Trào (Tuyên Quang), Hội nghị thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

+ Từ ngày 16 đến ngày 17 - 8 - 1945, Người cùng với Tổng bộ Việt Minh triệu tập Đại hội Quốc dân cũng ở Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Người làm chủ tịch.

+ Ngày 28 - 8 - 1945 theo đề nghị của Người, Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Người đứng đầu. Người soạn thảo và công bố Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (ngày 2 - 9 - 1945).

Câu 4a.

- Chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) là chiến dịch Biên giới.

- Hoàn cảnh lịch sử: Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến của ta có thêm nhiều thuận lợi:

+ Ngày 1 - 10 - 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.

+ Ngày 18 - 1 - 1950, Chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; ngày 30 - 1 - 1950 Chính phủ Liên Xô và trong vòng một tháng sau, các nước trong phe xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đây là thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam.

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân ta được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới.

Chủ trương của ta: tháng 6 - 1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những thuận lợi mới thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

- Ý nghĩa: với chiến thắng Biên giới, con đường liên lạc của ta với các nước XHCN được khai thông. Quân đội ta đã trưởng thành, giành được thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Câu 4b.

Cuộc tiến công chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam đã buộc Mĩ phải

tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam là cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

- Hoàn cảnh lịch sử, diễn biến và kết quả:

+ Bước vào năm 1972, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược từ ngày 30 - 3, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu bên cạnh các hướng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam.

+ Quân ta tiến công địch với cường độ mạnh, quy mô lớn, trên hầu khắp các địa bàn chiến lược quan trọng. Chỉ trong thời gian ngắn (cuối tháng 3 đến cuối tháng [redacted] - 1972), quân ta chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là: Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn tên địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

+ Sau đòn mở đầu bất ngờ của quân [redacted], quân đội Sài Gòn có sự yểm trợ của Mĩ đã phản công lại, gây cho ta nhiều tổn thất; còn Mĩ gây trở lại chiến tranh phá hoại miền Bắc từ ngày [redacted] - 4 - 1972.

+ Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược (tức là thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh").

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2011

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7,0 điểm)

Câu I (3,0 điểm).

Phân tích nguyên nhân ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành.

Câu II (2,0 điểm).

Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương có những điểm gì khác so với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam ? Những vấn đề đó được giải quyết như thế nào trong giai đoạn 1939 - 1945?

Câu III (2,0 điểm).

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975), nhân dân Việt Nam đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ "đánh cho Mĩ cút" bằng thắng lợi nào? Nêu tác động của thắng lợi đó đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam.

II. PHẦN RIÊNG (3,0 điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IV.a hoặc IV.b)

Câu IV.a. Theo chương trình Chuẩn (3,0 điểm)

Khái quát quá trình hình thành và phát triển của tổ chức liên kết chính trị – kinh tế lớn nhất hành tinh từ năm 1951 đến năm 2000.

Câu IV.b. Theo chương trình Nâng cao (3,0 điểm)

Tóm tắt sự ra đời của các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á trong năm 1945.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI NĂM 2011

Câu I. (3,0 điểm).

- *Đất nước bị xâm lược, giải phóng dân tộc là yêu cầu cấp thiết*

+ Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Việt Nam không chỉ bị bóc lột về kinh tế, mà còn phải chịu nỗi nhục mất nước. Độc lập tự do là khát vọng của cả dân tộc Việt Nam.

+ Mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc, trong đó chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phản động tay sai. Nhiệm vụ cứu nước được đặt ra vô cùng cấp thiết.

- *Sự khủng hoảng về đường lối đặt ra yêu cầu phải tìm con đường cứu nước mới:*

+ Cuối thế kỉ XIX, nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp bị đàn áp đẫm máu..., con đường giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ phong kiến đã bị thất bại.

+ Đầu thế kỉ XX, các sĩ phu yêu nước tiếp thu trào lưu tư tưởng mới, tiến hành cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản..., nhưng cũng không thành công. Sự nghiệp giải phóng dân tộc lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối.

- *Nguyễn Tất Thành sớm có chí "đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào"*

+ Tiếp thu truyền thống yêu nước của gia đình và quê hương, Nguyễn Tất Thành sớm có chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Người rất khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối, nhưng không tán thành con đường của họ, nên quyết định tìm con đường cứu nước mới.

+ Được tiếp xúc với văn minh Pháp, Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây để tìm hiểu xem nước Pháp và các nước khác làm cách mạng thế nào, rồi trở về giúp đồng bào, giải phóng dân tộc.

Câu II. (2,0 điểm)

- Những điểm khác

+ Về nhiệm vụ cách mạng: Nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất, không đưa ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

+ Về lực lượng cách mạng: Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tiểu tư sản; khả năng chống đế quốc và phong kiến của tư sản dân tộc; khả năng lôi kéo một bộ phận trung, tiểu địa chủ chống đế quốc và tay sai.

- Trong giai đoạn 1939 - 1945

+ Về nhiệm vụ cách mạng: Các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11 - 1939 và tháng 5 - 1941) đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.

+ Về lực lượng cách mạng: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11 - 1939 chủ trương tập hợp lực lượng các dân tộc, giai cấp, tầng lớp trong Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5 - 1941 chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh, đoàn kết toàn thể dân tộc Việt Nam.

Câu III. (2,0 điểm).

- Với việc kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (ngày 27 - 1 - 1973), nhân dân Việt Nam đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ "đánh cho Mĩ cút".

- Tác động đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam

+ So sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng: Mĩ phải rút quân; quân đội Sài Gòn ngày càng suy yếu; lực lượng cách mạng được tăng cường.

+ Tạo cơ sở pháp lí để đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, chống âm mưu và hành động mới của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

+ Vùng giải phóng được giữ vững và mở rộng, tạo thế và lực, tiến tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu IV.a. Theo chương trình Chuẩn (3,0 điểm)

Khái quát quá trình hình thành và phát triển của tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh từ năm 1951 đến năm 2000.

- Tổ chức liên kết chính trị – kinh tế lớn nhất hành tinh là Liên minh châu Âu (EU).

- Năm 1951, sáu nước Tây Âu thành lập "Cộng đồng Than – Thép châu Âu" (ECSC); đến năm 1957, thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" (URATOM) và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC).

- Năm 1967, ba tổ chức trên được hợp nhất thành "Cộng đồng châu Âu" (EC). Năm 1991, các nước thành viên EC kí Hiệp ước Maxtrích (có hiệu lực từ năm 1993) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU).

- Các nước thành viên EU hợp tác, liên minh trong nhiều lĩnh vực: kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh; bầu một nghị viện chung (Nghị viện châu Âu); sử dụng đồng tiền chung (EURO).

- Năm 1995, bảy nước EU huỷ bỏ sự kiểm soát việc đi lại của công dân các nước này qua biên giới của nhau.

- Đến cuối thập kỉ 90 của thế kỉ XX, EU có 15 nước thành viên, chiếm hơn 1/4 GDP của thế giới.

Câu IV.b. Theo chương trình Nâng cao (3,0 điểm)

Tóm tắt sự ra đời của các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á trong năm 1945.

- Inđônêxia

+ Ngày 17 - 8 - 1945, sau khi quân phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, Xucácnô đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Inđônêxia. Hưởng ứng Tuyên ngôn Độc lập, nhân dân cả nước nổi dậy giành chính quyền.

+ Ngày 18 - 8 - 1945, Hội nghị của Uỷ ban trù bị độc lập Inđônêxia, thông qua Hiến pháp, bầu Xucácnô làm Tổng thống nước Cộng hoà Inđônêxia.

- Việt Nam

+ Tháng 8 - 1945, Đảng và Mặt trận Việt Minh quyết định phát động Tổng khởi nghĩa, thành lập Uỷ ban Dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Cả dân tộc Việt Nam vùng dậy tổng khởi nghĩa thắng lợi.

+ Ngày 2 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Lào

+ Tháng 8 - 1945, lợi dụng thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền.

+ Ngày 12 - 10 - 1945, Chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập.

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2012

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tác động như thế nào đến nền kinh tế Việt Nam ?

Câu 2: (2 điểm)

Từ năm 1919 đến năm 2000, lịch sử Việt Nam đã trải qua những thời kì nào? Khái quát nội dung chính của thời kì lịch sử diễn ra sự kiện quân và dân ta đập tan tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương của thực dân Pháp.

Câu 3: (3 điểm)

Cuối tháng 3 - 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có quyết định gì để hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam? Quyết định đó được đề ra dựa trên những cơ sở nào? Tóm tắt diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh (tháng 4 - 1975).

II. PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu của phần riêng (câu IV.a hoặc câu IV.b)

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn (3 điểm)

Khái quát chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong thời kì Chiến tranh lạnh?

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao (3 điểm)

Từ năm 1950 đến năm 2000, vị thế ngày càng nâng cao trên trường quốc tế của Ấn Độ được thể hiện như thế nào trên lĩnh vực kinh tế, khoa học - kĩ thuật và chính sách đối ngoại?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI NĂM 2012

Câu 1: (2 điểm)

- Từ năm 1919 đến năm 1929, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai. Điểm nổi bật là thực dân Pháp đẩy mạnh đầu tư vốn sang thuộc địa. Nhiều nhất là đầu tư vào nông nghiệp, nhất là cao su.

- Công nghiệp mở rộng về quy mô, khai thác mỏ được coi trọng, đặc biệt là mỏ than. Thương mại, giao thông vận tải, tài chính ngân hàng đều có bước phát triển.

- Thực dân Pháp còn thi hành các biện pháp tăng thuế, do vậy ngân sách Đông Dương tăng lên. Nhìn chung kinh tế Việt Nam có bước phát triển mới do có đầu tư nhân lực và kĩ thuật, song rất hạn chế.

- Cơ cấu kinh tế Việt Nam vẫn mất cân đối. Sự chuyển biến kinh tế chỉ mang tính cục bộ, tình trạng lạc hậu vẫn là phổ biến. Kinh tế Việt Nam bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp, là thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

Câu 2: (2 điểm)

Từ năm 1919 đến năm 2000, lịch sử Việt Nam trải qua năm thời kì: 1919 - 1930; 1930 - 1945; 1945 - 1954; 1954 - 1975; 1975 - 2000.

- Thời kì 1945 - 1954 (từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến ngày 21 - 7 - 1954), là thời kì diễn ra sự kiện chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, đập tan tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương của Pháp.

- Sau Cách mạng tháng Tám, tình hình đất nước gặp muôn vàn khó khăn. Nhân dân ta vừa xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết các khó khăn, vừa phải đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản và từ cuối năm 1946, là chống thực dân Pháp mở rộng xâm lược.

- Kháng chiến và kiến quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), trong đó nhiệm vụ kháng chiến được đánh dấu bằng những chiến thắng tiêu biểu như Việt Bắc 1947, Biên Giới 1950, Đông - Xuân 1953 - 1954, Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ năm 1954.

Câu 3: (3 điểm)

** Quyết định của Bộ Chính trị*

– Sau thắng lợi của hai chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị quyết định: "Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng [illegible] - 1975)". Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định mang tên "Chiến dịch Hồ Chí Minh".

**** Cơ sở để ra quyết định đó***

- Cuối năm 1974 - đầu năm 1975, Bộ Chính trị nhấn mạnh: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975". Sau chiến dịch Tây Nguyên, cuộc kháng chiến của ta đã chuyển sang giai đoạn mới: Từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên chuyển sang Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

- Nắm bắt thời cơ chiến lược đến nhanh, Bộ Chính trị có quyết định kịp thời kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam. Sau chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị nhận định: "Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam".

**** Tóm tắt diễn biến của chiến dịch Hồ Chí Minh***

- Ngày 26 - 4 - 1975, quân [redacted] được lệnh nổ súng mở đầu chiến dịch. Năm cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

- Ngày 30 - 4, quân ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Nội các Sài Gòn. Dương Văn Minh - Tổng thống chính quyền Sài Gòn tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

- 11 giờ 30 phút, ngày 30 - 4, chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi, tạo điều kiện để quân dân các tỉnh còn lại tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 4a. (3 điểm).

**** Từ năm 1947 đến năm 1952***

- Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mĩ bằng việc kí hai hiệp ước: Hiệp ước hòa bình Xan Phranxixcô và Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật (tháng 9 - 1951).

- Theo các Hiệp ước đó, Nhật Bản chấp nhận đứng dưới "chiếc ô" bảo hộ hạt nhân của Mĩ, để cho Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.

**** Từ năm 1952 đến năm 1973***

- Nhật Bản tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ (Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kéo dài vĩnh viễn). Năm 1956, Nhật Bản bình thường quan hệ ngoại giao với Liên Xô và tham gia vào Liên hợp quốc.

- Tuy vậy, phong trào nhân dân Nhật Bản chống Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật lên cao, phong trào chống chiến tranh của Mĩ ở Việt Nam và các cuộc đấu tranh theo mùa... luôn diễn ra mạnh mẽ.

Từ năm 1973 đến năm 1989

- Với tiềm lực kinh tế ngày càng lớn mạnh, Nhật Bản bắt đầu đưa ra chính sách đối ngoại mới, thể hiện qua các Học thuyết Phucưđa và Kaiphu.

- Các Học thuyết đó có nội dung tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN. Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào tháng 9 - 1973.

Câu 4b. (3 điểm).

Trên lĩnh vực kinh tế, khoa học - kĩ thuật

- Nông nghiệp: Nhờ thành tựu của cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc lương thực cho gần 1 tỉ người và có xuất khẩu.

- Công nghiệp: Sản xuất công nghiệp tăng, đặc biệt là công nghiệp nặng. Cơ sở hạ tầng được xây dựng ngày càng hiện đại.

- Công nghệ: Trong ba thập niên cuối thế kỉ XX, Ấn Độ đầu tư nhiều vào lĩnh vực công nghệ cao, trước hết [illegible] công nghệ thông tin và viễn thông, cố gắng vươn lên hàng các cường quốc về công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ...

- Khoa học - kĩ thuật: Từ những năm 90 của thế kỉ XX, Ấn Độ thực hiện "Cách mạng chất xám", trở thành một trong những quốc gia sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới. Các lĩnh vực khoa học - kĩ thuật khác cũng có những bước tiến nhanh chóng.

Về chính sách đối ngoại

- Ấn Độ thi hành chính sách hòa bình, trung lập tích cực, ủng hộ các cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc. Ấn Độ là một trong những nước sáng lập Phong trào không liên kết. Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước, trong đó có Việt Nam.

- Từ năm 1950, Ấn Độ đã thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn, đạt được các thành tựu to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học - kĩ thuật, đối ngoại, đã từng bước nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế.

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2013

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm) Trình bày sự chuyển biến về giai cấp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 2: (2,0 điểm) Khi bước vào đông - xuân 1953 - 1954, Pháp - Mĩ có âm mưu và kế hoạch gì ở Đông Dương? Trước tình hình đó, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra phương hướng chiến lược như thế nào?

Câu 3: (3,0 điểm) Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong việc thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 - 1965) ở miền Nam Việt Nam là gì? Nêu những thắng lợi trên mặt trận quân sự của quân dân ta ở miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

II. PHẦN RIÊNG (3,■ điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu 4.a hoặc câu 4.b)

Câu 4.a. Theo chương trình Chuẩn (3,0 điểm)

Nêu bản chất của toàn cầu hóa và những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa. Vì sao toàn cầu hóa vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển?

Câu 4.b. Theo chương trình Nâng cao (3,0 điểm)

Nêu những sự kiện chính trong mười năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai để làm rõ quá trình xác lập cục diện hai cực, hai phe - tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cục diện đó là gì?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI NĂM 2013

Câu 1.

Giai cấp địa chủ tiếp tục bị phân hóa. Một bộ phận nhỏ trung tiểu địa chủ tham gia vào phong trào dân tộc dân chủ chống thực dân Pháp và tay sai.

Giai cấp nông dân bị đế quốc, phong kiến tước đoạt ruộng đất, bị bần cùng. Mâu thuẫn giữa nông dân với đế quốc và phong kiến ngày càng gay gắt. Nông dân trở thành lực lượng to lớn của cách mạng.

Giai cấp tiểu tư sản phát triển nhanh về số lượng, có tinh thần dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai. Đặc biệt là học sinh, sinh viên, trí thức hăng hái đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.

Giai cấp tư sản ra đời sau chiến tranh thế giới thứ nhất, bị tư bản Pháp chèn ép, kìm hãm nên số lượng ít, thế lực kinh tế yếu. Tư sản phân hóa thành hai bộ phận: tư sản mại bản có quyền lợi gắn với đế quốc nên câu kết chặc chẽ với chúng; tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh độc lập nên ít nhiều có khuynh hướng dân tộc và dân chủ

Giai cấp công nhân ngày càng phát triển, tăng nhanh về số lượng, bị giới tư sản, nhất là đế quốc thực dân áp bức, bóc lột nặng, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản, nhanh chóng vươn lên thành động lực của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.

Câu 2.

a. Âm mưu và kế hoạch của Pháp - Mĩ ở Đông Dương

- Âm mưu: Với sự thoả thuận của Mĩ, Nava được chính phủ Pháp cử sang Đông Dương và đề ra một kế hoạch quân sự nhằm giành thắng lợi quyết định để "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

- Kế hoạch:

+ Bước thứ nhất, giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương, đồng thời ra sức mở rộng ngụy quân, tập trung binh lực, xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh.

+ Bước thứ hai, chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quân sự quyết định buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng nhằm kết thúc chiến tranh.

b. Bộ Chính trị đề ra phương hướng chiến lược

- Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công lớn vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai.

- Buộc địch phải bị động phân tán lực lượng để đối phó ở những nơi xung yếu mà chúng không thể bỏ, tạo điều kiện thuận lợi mới để ta tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực địch.

Câu 3.

a. Âm mưu và thủ đoạn

- Âm mưu: "Dùng người Việt đánh người Việt".

- Thủ đoạn:

+ Tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn, đưa nhiều cố vấn quân sự vào miền Nam, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại, sử dụng phổ biến các chiến thuật chiến tranh mới như "trực thăng vận" và "thiết xa vận".

+ Dồn dân lập "Ấp chiến lược", mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng; phong tỏa biên giới, vùng biển để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam.

b. Những thắng lợi trên mặt trận quân sự

- Từ năm 1961 - 1962, Quân giải phóng đã đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch, tiêu diệt nhiều đồn bốt của chúng.

- Đầu năm 1963, quân dân ta giành thắng lợi mở đầu trong trận Ấp Bắc (Mĩ Tho); đánh bại cuộc hành quân càn quét của quân đội Sài Gòn do cố vấn Mĩ chỉ huy. Chiến thắng Ấp Bắc làm dấy lên phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công".

- Trong đông - xuân 1964 - 1965, quân dân ta giành thắng lợi mở màn ở Bình Giã (Bà Rịa). Tiếp đó giành thắng lợi ở An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hoà), làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

Câu 4a.

a. Bản chất của toàn cầu hóa

- Là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

b. Những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa

- Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

- Sự phát triển và những tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.

- Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn, nhất là các công ti khoa học - kĩ thuật, nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực. các tổ chức này có vai trò ngày càng quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

c. Toàn cầu hóa vừa là thời cơ, vừa là thách thức...

- Toàn cầu hóa tạo ra cơ hội hợp tác, khai thác nguồn vốn, tiếp cận khoa học - công nghệ, phát triển lực lượng sản xuất, làm chuyển biến cơ cấu kinh tế, đưa lại sự tăng trưởng cao...

- Kinh tế phát triển trong môi trường cạnh tranh quyết liệt; đào sâu sự phân hóa giàu nghèo, nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc, độc lập tự chủ dễ bị xâm phạm...

Câu 4b.

a. Những sự kiện chính trong 10 năm đầu

- Tháng 3 - 1947, thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mĩ khẳng định: Sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mĩ và đề nghị viện trợ khẩn cấp cho Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì nhằm biến hai nước đó thành căn cứ tiền phương chống Liên Xô và các nước Đông Âu

- Tháng 6 - 1947, Mĩ đề ra "Kế hoạch Mác san" giúp các nước Tây Âu phục hồi kinh tế sau chiến tranh; mặt khác, qua kế hoạch này, Mĩ còn nhằm tập hợp liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

- Tháng 1 -1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) để thúc đẩy sự hợp tác và sự giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa.

- Tháng 4 -1949, Mĩ và các nước phương Tây thành lập Tổ chức Bắc Đại Tây Dương (NATO), là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

- Tháng 5 - 1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vacsava một liên minh chính trị - quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.

- Sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương và Tổ chức Hiệp ước Vacsava đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe - tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

b. Nguyên nhân chủ yếu

Sự đối lập nhau về mục tiêu và chiến lược của hai cường quốc Liên Xô - Mĩ: Liên Xô chủ trương duy trì hòa bình, an ninh thế giới, bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh phong trào cách mạng thế giới;

- Mĩ ra sức chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào cách mạng nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2014

Câu I (2,0 điểm)

Những cuộc khởi nghĩa và kháng chiến nào in đậm dấu ấn Việt Nam trong thế kỉ XX? Trình bày suy nghĩ về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Câu II (3,0 điểm)

Hãy làm sáng tỏ biện pháp hòa bình của Việt Nam trong quan hệ với Pháp từ ngày 6-3-1946 đến trước ngày 19-12-1946 và nêu tác dụng của biện pháp ấy.

Câu III (2,0 điểm)

Trình bày hoàn cảnh lịch sử của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1975 - 1976).

Câu 4 (3,0 điểm)

Từ những dữ liệu trong bảng dưới đây, hãy xác định những biến đổi to lớn ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Hiện nay, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á cần làm gì để bảo đảm hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực?

Thời gian	Nội dung
1945 - 1959	Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời; Inđônêxia, Lào tuyên bố độc lập (1945). Các nước được công nhận độc lập: Philíppin (1946), Miến Điện (1948), Inđônêxia (1949), Mã Lai (1957), Xingapo được công nhận quyền tự trị (1959).

Thời gian	Nội dung
1967	Thái Lan, Philíppin, Xingapo, Malaixia, Inđônêxia thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Mục tiêu của ASEAN là phát triển kinh tế, văn hóa thông qua nỗ lực hợp tác chung trên tinh thần duy trì hòa bình, ổn định khu vực.
1973	Xingapo là "con rồng" nổi trội nhất trong 4 "con rồng" kinh tế của châu Á.
1975	Việt Nam, Lào, Campuchia kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ.
1976	Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á được ký kết ở Bali, xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN.
1984	Brunây tuyên bố độc lập, gia nhập ASEAN.
1991	Hiệp định hòa bình về Campuchia được ký kết ở Pari.
1985 - 1995	Tăng trưởng kinh tế của Malaixia là 7,8%, Thái Lan là 9%...
1992	Việt Nam, Lào tham gia Hiệp ước Bali.
1995 - 1999	Gia nhập ASEAN: Việt Nam (1995), Lào, Mianma (1997), Campuchia (1999).
2007	Hiến chương ASEAN được ký kết, nhằm xây dựng ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI NĂM 2014

Câu 1.

a. Những cuộc khởi nghĩa và kháng chiến nào in đậm dấu ấn Việt Nam trong thế kỉ XX

Thí sinh có thể đề cập đến nhiều cuộc khởi nghĩa và kháng chiến trong thế kỉ XX, nhưng phải kể được tên những cuộc khởi nghĩa và kháng chiến có ý nghĩa thời đại của dân tộc Việt Nam (không yêu cầu giải thích):

1- Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945,

2- Kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954),

3- Kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975).

b. Trình bày suy nghĩ về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Thí sinh cần căn cứ vào thực tiễn lịch sử để bày tỏ suy nghĩ của bản thân về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Bài làm có thể đề cập đến vai trò chung, hoặc một trong những vai trò trên những mặt cụ thể (chẳng hạn như: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; tham gia khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân; xây dựng căn cứ địa, hậu phương và chi viện cho tiền tuyến...) nhưng phải khẳng định được nhân dân là cội nguồn sức mạnh để làm nên thắng lợi. Thí sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau, nhưng lập luận chặc chẽ, diễn đạt mạch lạc.

Câu 2.

a. Làm sáng tỏ biện pháp hòa bình của Việt Nam trong quan hệ với Pháp từ ngày 6-3-1946 đến trước ngày 19-12-1946.

Thực hiện *"Hòa để tiến"*, Chính phủ Việt Nam nỗ lực dùng biện pháp hòa bình để giải quyết xung đột. Biểu hiện cụ thể như sau:

- Ký *Hiệp định sơ bộ* (6-3-1946): Công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do..., hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đàm phán chính thức giữa Việt Nam và Pháp...

- *Đàm phán chính thức tại Phôngtennơblô* với Chính phủ Pháp. Cuộc đàm phán không thành công do Pháp ngoan cố, không công nhận độc lập và thống nhất của nước Việt Nam. Trong lúc đó, tại Đông Dương, quân Pháp tăng cường những hoạt động khiêu khích.

- Ký *Tạm ước* ngày 14-9-1946: Do quan hệ Việt - Pháp ngày càng căng thẳng, có nguy cơ nổ ra chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện Chính phủ Pháp bản *Tạm ước* này, tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa, nhằm kéo dài thêm thời gian hòa hoãn.

Những nỗ lực trên thể hiện thiện chí hòa bình và chính nghĩa của Việt Nam; nhân nhượng nhưng vẫn kiên quyết giữ vững chủ quyền độc lập dân tộc.

b. Tác dụng

- Tránh được tình thế phải chiến đấu với nhiều kẻ thù cùng một lúc...

- Tạo thời gian hòa bình để xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc...

Câu 3.

- Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước kết thúc thắng lợi; Bắc, Nam sum họp một nhà; hoàn thành cơ bản việc thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ, tạo điều kiện thuận lợi để thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

– Ở hai miền vẫn tồn tại hai chính quyền nhà nước. Hậu quả chiến tranh hết sức nặng nề... Tình hình đó đòi hỏi phải thống nhất sức mạnh của cả nước để giải quyết.

– Nguyện vọng của nhân dân hai miền Bắc, Nam là có một chính phủ thống nhất, một cơ quan đại diện quyền lực chung, phù hợp với thực tế lịch sử: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một".

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 4.

a. Những biến đổi to lớn ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- *Về chính trị*: Từ chỗ hầu hết là các nước thuộc địa, trở thành các quốc gia độc lập...

- *Về kinh tế*: Từ chỗ là các quốc gia có nền kinh tế khó khăn, đã vươn lên đạt được nhiều thành tựu đáng kể (trong đó một số nước có tốc độ tăng trưởng cao)...

- *Về quan hệ giữa các nước trong khu vực*: từng bước tiến hành hợp tác và hội nhập; *Hiệp hội các nước Đông Nam Á* (ASEAN) hình thành và mở rộng...

b. Hiện nay, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á cần làm gì để bảo đảm hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực?

Thí sinh vận dụng mục tiêu của ASEAN, các nguyên tắc trong *Hiệp ước Bali* và liên hệ tình hình thực tế để trình bày suy nghĩ của bản thân về một trong những việc mà *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á* cần làm để bảo đảm hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực nói chung, ở Biển Đông nói riêng (chẳng hạn như *Đoàn kết* và thể hiện *trách nhiệm chung* đối với các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh và phát triển của khu vực, thể hiện *vai trò trung tâm* trong vấn đề Biển Đông; *lên án* mạnh mẽ hành động của Trung Quốc ở Biển Đông, yêu cầu Trung Quốc *tôn trọng luật pháp* quốc tế...). Thí sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau, nhưng phải lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc.

Câu I (3,0 điểm)

Tóm tắt sự phát triển kinh tế Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973 và nêu nguyên nhân của sự phát triển đó.

Câu 2 (3,0 điểm)

Dựa vào bảng dữ liệu sau:

Thời gian	Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc
6-1919	Gửi đến Hội nghị Véc-xai bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*
7-1920	Đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin.
12-1920	Dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
1921-1923	Tham gia thành lập *Hội Liên hiệp thuộc địa*, là chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Người cùng khổ*; viết bài cho các báo *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*; viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (xuất bản ở Pari năm 1925).
1923-1924	Dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản ở Liên Xô; viết bài cho tạp chí *Thư tín Quốc tế* và báo *Sự thật*.
1924-1927	Tham gia thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông*; thành lập nhóm *Cộng sản đoàn*, sáng lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, ra báo Thanh niên; mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ. Tác phẩm *Đường Kách mệnh* được xuất bản.
1-1930	Triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam; soạn thảo *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, được Hội nghị thông qua.

(Nguồn: Lịch sử 12, NXB Giáo dục Việt Nam, H.2015)

1. Nêu những công lao của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam.

2. Kể tên những sự kiện chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc bước đầu thiết lập mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu III (2,0 điểm)

1. *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9-1945) khẳng định: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập".

Trình bày suy nghĩ của anh/chị về khẳng định trên.

2. Bằng những sự kiện chọn lọc thuộc một trong các thời kì lịch sử dân tộc (1945-1954, 1954-1975, hoặc hiện nay), hãy làm sáng tỏ quyết tâm của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giữ vững quyền tự do và độc lập.

Câu IV (2,0 điểm)

1. Có ý kiến cho rằng: Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương đã chia Việt Nam thành hai quốc gia với đường biên giới là vĩ tuyến 17.

Căn cứ vào nội dung Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, hãy nhận xét ý kiến trên.

2. Từ những nhân tố chủ quan đảm bảo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Nam (1945-1954), hãy lựa chọn một nhân tố cần phát huy trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Theo anh/chị, thanh niên Việt Nam cần làm gì để góp phần củng cố và phát triển nhân tố đó?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

Câu I (3,0 điểm)

a. Tóm tắt sự phát triển kinh tế Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973:

- Từ năm 1952, kinh tế Nhật Bản có bước phát triển nhanh, nhất là từ năm 1960 đến năm 1973, thường được gọi là giai đoạn phát triển "thần kì".

- Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng với tốc độ cao hơn nhiều so với các nước phát triển khác, vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ).

- Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

b) Nguyên nhân phát triển:

- Con người được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.

- Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.

- Các công ti Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lí tốt nên có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.

- Biết áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

- Chi phí cho quốc phòng thấp, nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư cho kinh tế.

- Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển: nguồn viện trợ của Mĩ, các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950 - 1953) và Việt Nam (1954 - 1975).

Câu II (3,0 điểm)

1. Những công lao của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam.

- Khẳng định con đường giành độc lập và tự do của nhân dân Việt Nam.

- Chuẩn bị những điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam với cương lĩnh chính trị đúng đắn và sáng tạo.

2. Những sự kiện chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu thiết lập mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

- Tham gia thành lập *Hội Liên hiệp thuộc địa*.

- Tham gia thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông*.

Câu III (2,0 điểm)

1. Suy nghĩ về khẳng định: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập".

- Trình bày được suy nghĩ về việc khẳng định nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập.

- Trình bày được suy nghĩ về quyền tự do và độc lập của mỗi quốc gia dân tộc.

2. Bằng những sự kiện chọn lọc thuộc một trong các thời kì lịch sử dân tộc (1945- 1954, 1954-1975, hoặc hiện nay), làm sáng tỏ quyết tâm của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giữ vững quyền tự do và độc lập.

Chọn một thời kì lịch sử nhất định và ít nhất hai sự kiện trong thời kì đó để làm sáng tỏ ý chí/hành động quyết tâm giữ vững quyền tự do và độc lập của nhân dân Việt Nam.

Câu IV (2,0 điểm)

1.

- Nhận xét những điểm khác nhau giữa nội dung Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương với ý kiến đã nêu.

- Trên cơ sở đó, có thể bày tỏ quan điểm cá nhân, đánh giá, phê bình, thể hiện thái độ... nhưng phải nhận xét được ý kiến đã nêu là không đúng/ không phù hợp/ trái với nội dung của Hiệp định Giơnevơ.

2.

- Lựa chọn một trong những nhân tố chủ quan như: sự lãnh đạo của Đảng, tinh thần yêu nước của nhân dân, chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất, hậu phương vững mạnh, lực lượng vũ trang nhân dân... giải thích thuyết phục lý do lựa chọn.

- Nêu ý kiến cá nhân có tính thuyết phục về một hoặc một số việc cụ thể, thiết thực mà thanh niên Việt Nam cần làm để góp phần củng cố và phát triển nhân tố đã lựa chọn, phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Phần ba.

GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015

ĐỀ THI MINH HỌA - KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

Câu 1 (3,0 điểm). Nêu bản chất và biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa. Phát biểu ý kiến về toàn cầu hóa tác động đến Việt Nam.

Câu 2 (2,0 điểm). Trình bày nội dung Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930. Nguyễn Ái Quốc có vai trò như thế nào đối với thành công của Hội nghị?

Câu 3 (3,0 điểm). Khái quát những khó khăn của nước Việt Nam trong năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám và nhận xét về khó khăn lớn nhất.

Câu 4 (2,0 điểm). So sánh chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" với chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở Việt Nam.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI MINH HỌA - KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

Câu 1 (3 điểm).

a. Nêu bản chất và biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa.

- Bản chất: toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ của những mối liên hệ, ảnh hưởng, tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau của các quốc gia, các dân tộc, các khu vực trên thế giới.

- Biểu hiện:

+ Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế...

+ Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia...

+ Sự sáp nhập, hợp nhất các công ty thành các tập đoàn lớn...

+ Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực...

- Phát biểu ý kiến về toàn cầu hóa tác động đến Việt Nam :

Học sinh có thể phát biểu theo ý kiến khác nhau về những tác động của toàn cầu hóa đến Việt Nam, nhưng phải giải thích, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, diễn đạt mạch lạc.

Câu 2 (2 điểm).

a. Trình bày nội dung Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

– Nguyễn Ái Quốc phê phán những sai lầm của các tổ chức cộng sản và nêu chương trình hội nghị.

– Hội nghị nhất trí hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (bao gồm Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt) và Điều lệ tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

b. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với thành công của Hội nghị.

- Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất: Do các tổ chức cộng sản ở Việt Nam hoạt động riêng rẽ, công kích lẫn nhau làm cho lực lượng và sức mạnh của cách mạng bị phân tán. Tự bản thân những tổ chức này lại không thống nhất được với nhau. Nếu để tình trạng đó kéo dài sẽ là một nguy cơ đối với cách mạng Việt Nam.

- Nguyễn Ái Quốc có uy tín tuyệt đối và đưa Hội nghị đến thành công: Là người sáng lập ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên trước đây, người thầy của lớp thanh niên yêu nước đầu thế kỉ XX, đặc biệt là với tư cách là đại diện của Quốc tế Cộng sản, có quyền quyết định mọi vấn đề của cách mạng Đông Dương...

Câu 3 (3 điểm).

a. Khái quát những khó khăn của nước Việt Nam trong năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám.

- Giặc ngoại xâm và nội phản: Ngoài quân Pháp và quân Nhật, còn có khoảng 20 vạn quân Trung Hoa Dân Quốc và tay sai (Việt Quốc, Việt Cách) kéo vào Việt Nam (phía Bắc Vĩ tuyến 16). Quân Anh kéo vào miền Nam. Các thế lực phản động trong nước ngóc đầu dậy chống phá cách mạng.

- Về chính quyền, quân đội: Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời, chưa được củng cố. Lực lượng vũ trang cách mạng còn nhiều hạn chế...

- Về kinh tế - tài chính: Nền kinh tế kiệt quệ. Giặc đói hoành hành. Các nhà máy xí nghiệp còn nằm trong tay Pháp, hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ. Tài chính khủng hoảng: ngân khố quốc gia trống rỗng. Ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản Pháp.

- Về văn hóa - xã hội: Những tàn dư lạc hậu của chế độ thực dân phong kiến hết sức nặng nề: trên 90% dân số mù chữ, tệ nạn xã hội tràn lan.

b. Nhận xét về khó khăn lớn nhất:

- Theo quan điểm cá nhân, thí sinh có thể nhận xét về một khó khăn lớn nhất trong những khó khăn kể trên, nhưng phải giải thích, lập luận chặt chẽ, có tính thuyết phục, diễn đạt mạch lạc, lôgíc.

Câu 4 (2 điểm).

a. Giống nhau:

- Đều nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân Việt Nam, chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ...

- Đều là những hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ.

- Sử dụng bộ máy chính quyền và quân đội Sài Gòn làm công cụ do Mĩ viện trợ, trang bị, tổ chức và chỉ huy

- Đều chú trọng thực hiện chính sách bình định, nhằm chiếm đất, giành dân.

b. Khác nhau:

- Về lực lượng: Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn; chiến lược "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành bằng quân đội Mĩ, quân Đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

- Về quy mô và biện pháp: Khác với chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", chiến lược "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành ở miền Nam kết hợp với chiến tranh phá hoại miền Bắc. "Chiến tranh cục bộ" diễn ra ác liệt hơn với những cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" trên quy mô lớn với nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HCM

Câu 1 (3 điểm). Trình bày và nhận xét sự phát triển và thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ sau năm 1945.

Câu 2 (2 điểm). So sánh những điểm giống và khác nhau về nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử giữa Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (1954) với Hiệp định Pari về Việt Nam (1973).

Câu 3 (2 điểm). Nêu và nhận xét nhiệm vụ cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 4 (3 điểm). Lập bảng thống kê theo mẫu dưới đây về những thủ đoạn và những sự kiện đánh dấu sự thất bại của Mĩ – Chính quyền Sài Gòn ở ba chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hóa chiến tranh".

Chiến lược	Thủ đoạn của Mĩ - Chính quyền Sài Gòn	Sự kiện đánh dấu sự thất bại của Mĩ - Chính quyền Sài Gòn
"Chiến tranh đặc biệt"		
"Chiến tranh cục bộ"		
"Việt Nam hóa chiến tranh"		

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015
SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TP. HCM

Câu 1 (3 điểm)

a. Sự phát triển và thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập (Nhận biết)

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại phát triển mạnh mẽ...

- Kết quả, thực dân Anh phải nhượng bộ, nhưng lại trao quyền tự trị theo "phương án Maobáttơn". Ngày 15-8-1947, hai nhà nước tự trị Ấn Độ và Pakixtan được thành lập.

- Không thỏa mãn với quy chế tự trị, nhân dân Ấn Độ tiếp tục cuộc đấu tranh giành độc lập trong những năm 1948 - 1950.

- Ngày 26 - 1 - 1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập Nhà nước Cộng hòa.

b. Nhận xét (Vận dụng cao)

- Đánh dấu sự thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh chống thực dân Anh dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại.

- Kết quả của cuộc đấu tranh là sự phát triển từ thấp đến cao, từ đòi tự do phát triển kinh tế, văn hóa đến mức đòi độc lập.

- Thắng lợi của Ấn Độ đã ảnh hưởng lớn đến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới vì đây là nước lớn ở châu Á...

Câu II (2 điểm).

a. Nội dung cơ bản

- Giống nhau:

+ Các nước đế quốc cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Các nước đế quốc cam kết ngừng bắn, rút quân để Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình.

b. Khác nhau: Qui định về vị trí đóng quân

+ Hiệp định Giơnevơ: Qui định lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, chia làm 2 vùng đóng quân riêng biệt... Hai bên tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực.

+ Hiệp định Pari: Không qui định hai vùng đóng quân riêng biệt, không có tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Giống nhau:

+ Cả hai hiệp định đều là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị với ngoại giao, là kết quả của sự đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân ta trong sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc.

+ Các nước đế quốc công nhận quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta và rút quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn đất nước.

- Khác nhau:

+ Hiệp định Giơnevơ: là một thắng lợi nhưng chưa trọn vẹn vì mới giải phóng được miền Bắc. Cuộc đấu tranh cách mạng vẫn còn tiếp tục để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước...

+ Hiệp định Paris: việc quân Mĩ phải rút khỏi nước ta, phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, làm cho Chính quyền Sài Gòn bị suy yếu, so sánh lực lượng giữa ta và địch thay đổi theo hướng có lợi cho ta. Tạo thời cơ để ta tiến lên giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu 3 (2 điểm).

Nhiệm vụ cách mạng: (Nhận biết)

- Đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập, tự do;

- Lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông;

- Tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc;

- Tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo...

Nhận xét: (Vận dụng cao)

- Những nhiệm vụ trên bao gồm hai nội dung chống đế quốc và chống phong kiến, song nhiệm vụ chống đế quốc được nhấn mạnh hơn. Điều đó phù hợp với yêu cầu thực tế - phải giải quyết mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc, đáp ứng nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân.

Câu 4 (3 điểm).

Chiến lược	Thủ đoạn của Mĩ - Chính quyền Sài Gòn	Sự kiện đánh dấu sự thất bại của Mĩ - Chính quyền Sài Gòn
"Chiến tranh đặc biệt"	- Tăng viện trợ quân sự và cố vấn Mĩ. - Dồn dân lập "Ấp chiến lược". - Sử dụng chiến thuật mới "trực thăng vận", "thiết xa vận". Thành lập Bộ chỉ huy quân sự Mĩ ở miền Nam...	- Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa) ngày 2 - 12 - 1964.
"Chiến tranh cục bộ"	- Đưa quân Mĩ và quân một số nước đồng minh tham chiến trực tiếp, giữ vai trò chính trên chiến trường... - Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.	- Cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

Chiến lược	Thủ đoạn của Mĩ - Chính quyền Sài Gòn	Sự kiện đánh dấu sự thất bại của Mĩ - Chính quyền Sài Gòn
"Việt Nam hóa chiến tranh"	- Tăng viện trợ quân sự, giúp quân đội Chính quyền Sài Gòn "tự gánh vác lấy chiến tranh". - Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. - Bắt tay cấu kết với các nước lớn xã hội chủ nghĩa...	- Cuộc tiến công chiến lược 1972.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015
TRƯỜNG THPT BẮC YÊN THÀNH

Câu I *(1,0 điểm)* Trên cơ sở tóm tắt diễn biến và kết quả cuộc bãi công Ba Son (tháng 8 - 1925), hãy nêu rõ những điểm mới của cuộc đấu tranh này

Câu II. *(3,0 điểm)* Những thắng lợi quân sự nào của quân và dân ta đã tác động trực tiếp đến việc triệu tập Hội nghị và ký kết Hiệp định Paris năm 1973 về Việt Nam ? Thắng lợi lớn nhất trong Hiệp định Paris là gì? Ý nghĩa lịch sử của Hiệp định này.

Câu III. *(3,0 điểm)* Trình bày một số điểm chủ yếu trong nội dung Cương lĩnh đầu tiên của Đảng (tháng 2 - 1930).

Câu IV. *(3,0 điểm)* Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực Đông Nam Á có những biến đổi như thế nào? Trong những biến đổi đó biến đổi nào có ý nghĩa quan trọng nhất? Vì sao?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015
TRƯỜNG THPT BẮC YÊN THÀNH

Câu I. (1 điểm).

- Tháng [redacted] - 1925 thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn bãi công, không chịu sửa chữa chiến hạm Misơlê của Pháp... đấu tranh 8 ngày với yêu sách đòi tăng lương 20%...

- Kết quả: nhà chức trách Pháp phải chấp nhận tăng lương 10% cho công nhân.

- Điểm mới:

+ Bên cạnh đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế, đấu tranh chính trị đã rõ nét hơn...

+ Ý thức giai cấp trưởng thành, đấu tranh bảo vệ quyền lợi của giai cấp vô sản.

Câu II. (3,0 điểm).

a. Những thắng lợi quân sự:

- ***Triệu tập Hội nghị:*** Cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 buộc Mĩ tuyên bố "phi Mĩ hóa" chiến tranh xâm lược, chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc và chấp nhận đàm phán với ta ở Paris để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

- ***Ký kết Hiệp định Paris:*** Trận "Điện Biên Phủ trên không" (từ ngày 18 đến ngày 29 - 12 - 1972) là thắng lợi quyết định buộc Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc và kí Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

b. Thắng lợi lớn nhất trong Hiệp định Paris: Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước.Ta đã "đánh cho Mĩ cút" tạo điều kiện "đánh cho Ngụy nhào" trong giai đoạn sau.

c. Ý nghĩa của Hiệp định Paris:

- Là thắng lợi của sự kết hợp đấu tranh quân sự - chính trị - ngoại giao. Là kết quả cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta, mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu III. (3,0 điểm)

+ Nói rõ cương lĩnh do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, được trình bày ở hội nghị thành lập Đảng từ ngày 6 - 1 đến ngày 8 - 2 - 1930 tại Cửu Long - Hương Cảng - Trung Quốc...

+ Thấu suốt sự phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là con đường kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội...

+ Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đổ bọn đế quốc Pháp, phong kiến tay sai và giai cấp tư sản phản cách mạng... nổi bật lên là nhiệm vụ chống đế quốc, phong kiến, giành độc lập cho toàn thể dân tộc.

+ Lực lượng cách mạng là công nông, đồng thời "phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản Việt Nam mà chưa lộ rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho họ trung lập".

+ Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới...

+ Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng...

Câu IV. (3,0 điểm)

Các nước Đông Nam Á:

- Đông Nam Á gồm 11 nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo, Mianma, Brunây và Đông Timo.

- Trước năm 1945 đều là thị trường và thuộc địa của tư bản phương Tây, sau năm 1945 có nhiều biến đổi.

- ***Biến đổi thứ nhất:*** Từ các nước thuộc địa, nửa thuộc địa trước chiến tranh thế giới thứ hai, đến nay Đông Nam Á trở thành các nước độc lập.

+ Việt Nam : Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã giành được độc lập. Sau đó phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp lần 2 và cuộc kháng chiến chống Mĩ đến năm 1975 mới thắng lợi hoàn toàn.

+ Lào: Tháng 10-1945 tuyên bố độc lập. Sau đó tiến hành kháng chiến chống Pháp, Mĩ đến tháng 12-1975 mới giành thắng lợi.

+ Campuchia: Sau năm 1945, kháng chiến chống Pháp, Mĩ, đến năm 1975 kết thúc. Tiếp tục chống phản động Pônpốt đến ngày 7-1-1979 mới thắng lợi.

+ Inđônêxia: Tháng 8-1945 tuyên bố độc lập. Sau đó Hà Lan tái chiếm, ngày 15-8-1950 nước Cộng hoà Inđônêxia ra đời.

+ Malaixia: Tháng 8-1957 độc lập.

+ Philippin: Tháng 7-1946 Mĩ công nhận độc lập.

+ Xingapo: Tháng 8-1957 Anh công nhận độc lập (tháng 8-1963 tách khỏi Liên bang Malai xia)

+ Thái Lan: Sau năm 1945 Mĩ hất chân Anh kiểm soát Thái Lan.

+ Mianma: Tháng 1-1948 Anh công nhận độc lập.

+ Brunây: Tháng 1-1984 độc lập.

+ Đôngtimo: Tháng 5-2002 tách khỏi Inđônêxia, trở thành quốc gia độc lập.

- ***Biến đổi thứ 2:*** Sau khi giành độc lập, các nước Đông Nam Á ra sức xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội theo những mô hình khác nhau và đạt được nhiều thành tựu to lớn như: Malaixia, Inđônêxia, Thái Lan (đặc biệt là Xingapo).

- ***Biến đổi thứ 3:*** Đến ngày 30-4-1999 có 10/11 nước Đông Nam Á là thành viên của khối ASEAN. Đây là một liên minh kinh tế- chính trị ở khu vực, nhằm xây dựng một Đông Nam Á vững mạnh, tự lực tự cường.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG - GIA LAI

Câu 1. ***(2,0 điểm)*** Hãy cho biết ý kiến về nhận định: Phong trào cách mạng Việt Nam 1930 - 1931 là một bước phát triển mới so với các phong trào yêu nước trước đó.

Câu 2. ***(3,0 điểm)*** Quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận như thế nào trong Hiệp định sơ bộ (6 - 3 - 1946), Hiệp định Giơnevơ (21 - 7 - 1954) và Hiệp định Paris (27 - 1 - 1973)? Khái quát quá trình đấu tranh của nhân dân ta để từng bước giành các quyền dân tộc cơ bản sau mỗi hiệp định trên.

Câu 3. ***(2,0 điểm)*** Nêu những thành tựu cơ bản của miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965). Những thành tựu đó có ý nghĩa như thế nào?

Câu 4. ***(3,0 điểm)*** Quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU) diễn ra như thế nào? Mối quan hệ giữa Việt Nam với EU. Vì sao nói Liên minh châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất trên thế giới?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG - GIA LAI

Câu 1. (2,0 điểm)

Phong trào cách mạng 1930-1931, mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh là phong trào cách mạng đầu tiên do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Phong trào là một bước phát triển mới so với những phong trào yêu nước trước đó, thể hiện ở các mặt:

- Trước hết, đó là một phong trào cách mạng triệt để, có đường lối chính trị đúng đắn, nhằm chống lại kẻ thù của dân tộc là đế quốc Pháp và bọn phong kiến tay sai.

- Diễn ra trên quy mô cả nước, từ Bắc chí Nam, từ nông thôn đến thành thị; từ các nhà máy đến các hầm mỏ và đồn điền nhưng mang tính thống nhất cao vì đều do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Phong trào đã lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia, từ công nhân, nông dân đến các tầng lớp nhân dân ở thành thị, từ Bắc chí Nam. Đặc biệt, phong trào đã diễn ra với sự liên kết công nhân với nông dân vô cùng chặt chẽ.

- Hình thức đấu tranh phong phú và quyết liệt:

+ Phong phú: bãi công của công nhân, biểu tình của nông dân, bãi khoá của học sinh, sinh viên, bãi thị của tiểu thương, những cuộc mít tinh của nhiều tầng lớp xã hội, treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, căng khẩu hiệu...

+ Quyết liệt: phá đồn điền, nhà lao, nhà ga, bao vây huyện đường buộc bọn thống trị phải chấp nhận yêu sách, thành lập các đội tự vệ đỏ, làm tan rã bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai, thiết lập chính quyền cách mạng ở một số nơi, nhất là chính quyền Xô viết ở vùng nông thôn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Câu 2. (3,0 điểm)

- Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ là quyền dân tộc cơ bản của mỗi quốc gia. Trong Tuyên ngôn độc lập ngày 2 - 9 - 1945, chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định Việt Nam đã trở thành một quốc gia tự do, độc lập và toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

- Trước những khó khăn của Việt Nam sau cách mạng tháng Tám, nhất là âm mưu thôn tính trở lại của Pháp. Để đẩy nhanh quân đội Trung Hoa Dân quốc về nước, ngăn chặn một cuộc chiến tranh quá sớm và tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định sơ bộ (6 - 3 - 1946). Theo đó, Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng, là thành viên của Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

- Như vậy, Hiệp định này chỉ công nhận tính thống nhất (là một quốc gia), nhưng chưa công nhận nền độc lập. Việt Nam còn bị ràng buộc vào Pháp.

- Hiệp định trên không được thực dân Pháp tôn trọng. Chúng lập ra chính phủ Nam Kì tự trị, âm mưu tách Nam Kì khỏi Việt Nam. Mặt khác, chúng tiếp tục bám giữ lập trường thực dân, nuôi hy vọng giành thắng lợi bằng quân sự, xóa bỏ nền độc lập mà dân ta mới giành được.

- Nhân dân Việt Nam phải tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh, giành thắng lợi trong các chiến dịch Việt Bắc 1947, Biên giới 1950... kết thúc bằng cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, đưa đến việc kí kết Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương.

- Với Hiệp định Giơnevơ 1954, thực dân Pháp buộc phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Tuy nhiên, sau Hiệp định Giơnevơ 1954, Việt Nam đã không được thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử dự định tổ chức vào tháng 7 - 1956 như đã cam kết trong Hiệp định mà bị chia cắt thành hai miền. Miền Bắc được giải phóng tiến lên Chủ nghĩa xã hội. Còn miền Nam, Mĩ thay chân Pháp, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta.

- Nhân dân Việt Nam phải tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng, từ phong trào "Đồng khởi" tiến lên làm thất bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mĩ ở miền Nam từ "*đặc biệt*" đến "*cục bộ*" cho đến "*Việt Nam hóa*" và chiến tranh phá hoại miền Bắc, buộc Mĩ phải kí Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

- Hiệp định Paris (1973) ghi rõ: Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; Hoa Kì rút hết quân viễn chinh khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta. Ta đã "*đánh cho Mĩ cút*", "*đánh cho ngụy nhào*", giải phóng miền Nam.

- Mặc dù cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam và rút quân viễn chinh về nước, nhưng Mĩ vẫn chưa từ bỏ chính sách thực dân mới ở miền Nam, cùng chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Paris, tiếp tục chia cắt đất nước ta.

- Nhân dân Việt Nam phải tiếp tục đấu tranh chống kẻ thù phá hoại Hiệp định Paris, tạo thế và lực mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.

Qua 30 năm chiến tranh chống thực dân cũ và mới (1945 - 1975), giành thắng lợi từng bước tiến lên thắng lợi hoàn toàn, nhân dân ta đã giành được độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Quyền dân tộc của Việt Nam được thực hiện trọn vẹn.

Câu 3. (2,0 điểm)

a. Những thành tựu cơ bản của miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965).

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965), miền Bắc đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Công nghiệp được ưu tiên đầu tư xây dựng, giá trị sản lượng công nghiệp nặng năm 1965 tăng ba lần so với năm 1960.
- Áp dụng khoa học - kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp, xây dựng nhiều công trình thủy nông. Nhiều hợp tác xã đạt và vượt năng suất 5 tấn thóc trên một hécta đất gieo trồng.
- Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển đã chiếm lĩnh thị trường, góp phần ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.
- Phát triển hệ thống giao thông, việc đi lại trong nước và ngoài nước được thuận lợi hơn trước.
- Giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển nhanh. Y tế được đầu tư phát triển, khoảng 6000 cơ sở y tế được xây dựng. Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm đã làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc.

b. Ý nghĩa:

- Miền Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc cho miền Nam trực tiếp đánh Mĩ.
- Khẳng định sức mạnh và tính ưu việt của chế độ mới - Xã hội chủ nghĩa.

Câu 4. (3,0 điểm)

a. Quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với xu thế toàn cầu hóa, khuynh hướng liên kết khu vực cũng diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, tiêu biểu là quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

- Ngày 18 - 4 - 1951, Hiệp ước Paris được kí kết giữa 6 nước Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua để thành lập "Cộng đồng than - thép châu Âu" (ECSC), nhằm thống nhất việc sản xuất và phối hợp than, thép của các nước

thành viên. Hiệp ước này đã chứa đựng ý đồ của các nhà sáng lập ECSC là gây dựng nền tảng cho việc nhất thể hóa kinh tế châu Âu.

- Ngày 25 - 3 - 1957, sáu nước này kí Hiệp ước Rôma thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" (EURATOM) và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC). Ngày 1 - 7 - 1967, ba tổ chức trên hợp nhất thành "Cộng đồng châu Âu" (EC).

- Đến tháng 12 - 1991 các nước thành viên EC đã kí tại Hà Lan bản Hiệp ước Maxtrích, có hiệu lực từ ngày 1 - 1 - 1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) với 15 nước thành viên (1995).

- Năm 2004, kết nạp thêm 10 nước, năm 2007 thêm 2 nước, nâng tổng số thành viên lên 27 nước.

- EU ra đời không chỉ nhằm tập hợp các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn liên minh trong lĩnh vực chính trị (như xác định luật công dân châu Âu, chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hiến pháp chung...).

b. Mối quan hệ giữa Việt Nam với EU:

- Tháng 10 - 1990, EU thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

- Tháng 7 - 1995, Việt Nam và EU kí *"Hiệp định Khung Hợp tác Việt Nam - EC"*. Năm 2004, Hội nghị Cấp cao Việt Nam - EU lần thứ I tại Hà Nội.

- Ngày 27 - 6 - 2012, Việt Nam và EU đã ký chính thức *"Hiệp định Đối tác và Hợp tác toàn diện" (PCA)*.

- Hiện EU là đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế, thương mại, đầu tư, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

c. Nói Liên minh châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất trên thế giới vì:

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với xu thế toàn cầu hóa, khuynh hướng liên kết khu vực cũng diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, tiêu biểu là quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

- Từ lúc mới thành lập, Liên minh châu Âu chỉ có [redacted] nước, đến năm 1995 EU đã phát triển thành 15 nước thành viên, đến năm 2004 EU kết nạp thêm 10 nước, năm 2007, thêm 2 nước, nâng tổng số lên 27 nước. Tính đến ngày 1 - 7 - 2013, Liên minh châu Âu đã có tất cả 28 nước, với khoảng 500 triệu người và diện tích 4.456.304 km².

- EU ra đời không chỉ nhằm tập hợp các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn liên minh trong lĩnh vực chính trị (như xác định luật công dân châu Âu, chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hiến pháp chung...).

Chính vì sự ra đời và ngày càng phát triển mạnh mẽ như vậy nên Liên minh châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất thế giới hiện nay.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015
TRƯỜNG CHUYÊN AMSTEDAM - HÀ NỘI

Câu I (3,0 điểm). Trình bày những thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á của ba cường quốc (Liên Xô, Mĩ, Anh) trong Hội nghị Ianta (tháng 2-1945). Đặc trưng nổi bật của trật tự thế giới hai cực Ianta là gì?

Câu II (2,0 điểm). Phân tích những điều kiện khách quan và chủ quan để Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

Câu III (3,0 điểm). Nêu những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. Suy nghĩ của em về việc vận dụng những bài học kinh nghiệm đó trong công cuộc bảo vệ tổ quốc và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam hiện nay.

Câu IV (2,0 điểm). Kể tên các tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất ở Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến năm 1954. Nêu mục tiêu của Mặt trận dân tộc thống nhất trong giai đoạn 1951-1954.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015
TRƯỜNG CHUYÊN AMSTEDAM - HÀ NỘI

Câu I (3,0 điểm).

a) Những thỏa thuận về việc đóng quân:

- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Nhiều vấn đề quan trọng đặt ra trước các cường quốc Đồng minh. Trong bối cảnh đó, một Hội nghị quốc tế đã được triệu tập tại Ianta (Liên Xô) từ ngày 4 đến ngày 11-2-1945, với sự tham dự của nguyên thủ ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

- Hội nghị đã thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

+ Ở châu Âu, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Đông nước Đức, Đông Béclin và các nước Đông Âu; Quân đội Mĩ, Anh và Pháp chiếm đóng miền Tây nước Đức, Tây Béclin và các nước Tây Âu. Vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô, vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ. Hai nước Áo và Phần Lan trở thành những nước trung lập.

+ Ở châu Á, Hội nghị chấp nhận những điều kiện để Liên Xô tham chiến chống Nhật: (1) Giữ nguyên trạng Mông Cổ; (2) Khôi phục quyền lợi của nước Nga bị mất sau cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904): Trả lại cho Liên Xô miền Nam đảo Xakhalin, Liên Xô chiếm 4 đảo thuộc quần đảo Curin,... Quân đội Mĩ chiếm đóng Nhật Bản. Ở bán đảo Triều Tiên, Hồng quân Liên Xô chiếm đóng miền Bắc và quân Mĩ chiếm đóng miền Nam, lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới. Trung Quốc cần trở thành một quốc gia thống nhất và dân chủ,... Các vùng còn lại của châu Á (Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á) đều thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

- Toàn bộ những quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là Trật tự hai cực Ianta.

b) Đặc trưng nổi bật của trật tự Ianta:

- Thế giới bị chia thành hai phe Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa, do hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.

- Đặc trưng hai cực - hai phe là nhân tố hàng đầu chi phối nền chính trị thế giới và các quan hệ quốc tế, nó làm cho quan hệ quốc tế luôn đối đầu căng thẳng trong phần lớn thời gian nửa sau thế kỉ XX.

Câu II (2,0 điểm).

Ngày 5-6-1911, lấy tên là Văn Ba, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Đây là một sự kiện lớn có ý nghĩa quan trọng không chỉ với Nguyễn Tất Thành mà đối với cả dân tộc Việt Nam.

a) Khách quan:

- Sau khi đã cơ bản bình định được Việt Nam bằng quân sự, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần I (1897-1914). Dưới tác động của cuộc khai thác, xã hội Việt Nam có những biến động đáng kể, từ xã hội phong kiến

chuyển thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng gay gắt. Yêu cầu bức thiết đặt ra là tìm ra con đường cứu nước, cứu dân và giải phóng dân tộc. Yêu cầu khách quan đó đặt ra đối với mọi người dân Việt Nam, trong đó có Nguyễn Tất Thành.

- Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước Việt Nam diễn ra mạnh mẽ. Tiêu biểu là phong trào Cần Vương, phong trào nông dân Yên Thế, phong trào theo xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và cải cách của Phan Châu Trinh,... Các phong trào trên đều thất bại do thiếu một đường lối và giai cấp lãnh đạo. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Yêu cầu của lịch sử đặt ra là cơ sở thực tiễn quan trọng để Nguyễn Tất Thành tìm con đường cứu nước mới.

- Cũng vào đầu thế kỉ XX, các nước đế quốc đã hoàn thành việc phân chia thuộc địa và bắt đầu đặt ách cai trị lên những vùng đất đó, làn sóng đấu tranh giải phóng dân tộc khắp các châu lục dâng cao. Thắng lợi của cải cách Minh Trị đưa Nhật Bản trở thành một đế quốc hùng mạnh ở châu Á, cuộc duy tân Mậu Tuất ở Trung Quốc của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng tiến bộ của cách mạng Pháp, nền văn hóa châu Âu đã tác động và ảnh hưởng tới những người yêu nước Việt Nam, trong đó có Nguyễn Tất Thành.

b) Điều kiện chủ quan.

- Nguyễn Tất Thành lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh năm 1890 ở Nam Đàn - Nghệ An trong một gia đình nhà Nho yêu nước, quê hương có truyền thống đấu tranh bất khuất. Người lớn lên trong cảnh đất nước bị biến thành thuộc địa, nhân dân phải chịu cuộc sống lầm than. Vì thế Người sớm nảy sinh lòng yêu nước. Ngay từ những năm đầu thế kỉ XX, Nguyễn Tất Thành sớm tham gia các phong trào yêu nước của nhân dân ta.

- Người sớm bộc lộ tư chất thông minh, ham hiểu biết. Bằng những hoạt động thực tiễn, Nguyễn Tất Thành sớm nhận thấy những hạn chế của các con đường cứu nước của các bậc tiền bối cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Chính vì vậy, Nguyễn Tất Thành đặt lên vai mình trách nhiệm cứu nước, cứu dân.

Như vậy, những điều kiện khách quan và chủ quan nói trên đã hội tụ đầy đủ ở Nguyễn Tất Thành. Với một lòng yêu nước nồng nàn, vượt qua tầm thời đại, với lòng dũng cảm và nghị lực phi thường, Người đã sang phương Tây tìm đường cứu nước mới.

Câu III (3,0 điểm).

a) Những bài học kinh nghiệm:

- Đảng phải có đường lối đúng đắn, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; nắm bắt tình hình thế giới và trong nước để đề ra chủ trương, biện pháp cách mạng phù hợp.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đề cao vấn đề dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

- Đảng tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước rộng rãi trong mặt trận dân tộc thống nhất - Mặt trận Việt Minh, trên cơ sở khối liên minh công - nông; phân hóa và cô lập kẻ thù để tiến lên đánh bại hoàn toàn chúng.

- Trong chỉ đạo khởi nghĩa, Đảng linh hoạt kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành khởi nghĩa từng phần, dự đoán và chớp thời cơ Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

b) Suy nghĩ:

- Trong bối cảnh toàn cầu hóa với xu thế hội nhập, đã đặt ra thời cơ và thách thức mới đối với đất nước ta. Dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh hơn bất kì dân tộc nào khác trên thế giới, nên thấu hiểu những giá trị của hòa bình, của độc lập dân tộc.

- Trong nhiều năm qua, dân tộc Việt Nam vẫn đứng trước những thử thách nghiêm trọng cả trong quá trình hội nhập với thế giới, cả về công cuộc bảo vệ chủ quyền đất liền và biển đảo,... Trong hoàn cảnh đó, những bài học của Cách mạng tháng Tám cần phải được giữ gìn, vận dụng và phát huy. Đó là:

+ Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo những nguyên lí của chủ nghĩa Mác - Lênin trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, đặc biệt là giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ.

+ Tập hợp và đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc và thời đại, kiên trì đường lối hòa bình, phát huy sức mạnh toàn diện trên tất cả các mặt trận, từ kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa, giáo dục,...

+ Đồng thời, bài học chớp thời cơ của Cách mạng tháng Tám cũng đòi hỏi chúng ta vận dụng, tận dụng trong điều kiện hội nhập, mở cửa để tăng cường sức mạnh của dân tộc, đoàn kết quốc tế, sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới.

Câu IV (2,0 điểm).

a. Các Mặt trận dân tộc thống nhất:

- Hội phản đế đồng minh Đông Dương (tháng 11-1930) (chưa được thành lập trên thực tế).

- Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương (tháng 7-1936). Đến tháng 3- 1938, đổi thành Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận Dân chủ Đông Dương).

- Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (tháng 11-1939).

- Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) (tháng 5-1941).

- Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) (tháng 5-1946).

- Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt (tháng 3-1951).

b) Mục tiêu của Mặt trận dân tộc thống nhất giai đoạn (1951-1954):

- Mặt trận dân tộc thống nhất trong giai đoạn 1951 - 1954 là Mặt trận Liên Việt.

- Thực hiện nhiệm vụ đoàn kết toàn dân, xây dựng lực lượng cách mạng, chống âm mưu chia rẽ của thực dân Pháp, động viên quần chúng tham gia cuộc kháng chiến, kiến quốc.

- Thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh của Đảng, đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi hoàn toàn.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015
TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

Câu I (3,0 điểm). Từ những sự kiện lịch sử cơ bản sau đây, hãy rút ra nhận xét về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi và Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

- Năm 1945: Inđônêxia, Việt Nam và Lào tuyên bố độc lập.
- Năm 1950: Ấn Độ giành độc lập.
- Năm 1959: Cách mạng Cuba thắng lợi.

- Năm 1960: 17 nước Châu Phi tuyên bố độc lập.

- Năm 1975: Thực dân Bồ Đào Nha tuyên bố trao trả độc lập cho Ănggôla, Môdămbích.

- Năm 1993: Hiến pháp Nam Phi tuyên bố xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.

Câu II (2,5 điểm). Hãy nêu chủ trương, sách lược của Đảng ta trong cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ chính quyền trong một năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945? Bài học rút ra trong chính sách đối ngoại của Đảng ta hiện nay.

Câu III (1,5 điểm). Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), Đảng ta đã có chủ trương thay đổi tên gọi của Đảng cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Tên gọi mới của Đảng là gì? Ý nghĩa của tên gọi mới đó?

Câu IV (3,0 điểm). Vì sao thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương? Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định. Hãy nêu mối quan hệ giữa thắng lợi trên mặt trận quân sự với thắng lợi trên mặt trận ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954).

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015
TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

Câu I (3,0 điểm).

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

+ Chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt.

+ Các nước đế quốc có nhiều thuộc địa bị suy yếu.

+ Liên Xô đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và luôn ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Đây là những thuận lợi cơ bản để các nước thuộc địa ở Á, Phi, Mĩ Latinh đứng lên tiếp tục đấu tranh giành độc lập.

- Từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX: Phong trào giải phóng dân tộc bùng lên mạnh mẽ ở Á, Phi, Mĩ Latinh, làm hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân lung lay tận gốc.

+ Phong trào diễn ra ngay sau sự kiện phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Tại Đông Nam Á đã có ba quốc gia tuyên bố độc lập: Inđônêxia (17-8-1945); Việt Nam (2-9-1945); Lào (12-10- 1945).

+ Dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại, ngày 26-1-1950, thực dân Anh phải công nhận nền độc lập của Ấn Độ, nước Cộng hòa Ấn Độ ra đời.

+ Ở khu vực Mĩ Latinh: nhân dân Cuba đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ giành thắng lợi. Ngày 1-1-1959, Cộng hòa Cuba ra đời.

+ Dưới ảnh hưởng của cách mạng Cuba, phong trào cách mạng ở Mĩ Latinh phát triển mạnh trở thành "lục địa bùng cháy", hầu hết các nước Mĩ Latinh đều lật đổ được chính quyền độc tài thân Mĩ, khôi phục độc lập chủ quyền,...

+ Ở châu Phi: phong trào giải phóng dân tộc nổ ra sớm nhất ở Bắc Phi, đặc biệt trong năm 1960, có 17 quốc gia ở châu Phi giành độc lập, lịch sử ghi nhận là "Năm châu Phi". Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX: Phong trào vẫn diễn ra bền bỉ ở một số nước dẫn đến về cơ bản đã chấm dứt sự tồn tại của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó.

+ Sau nhiều năm đấu tranh, đến năm 1975 thực dân Bồ Đào Nha đã phải tuyên bố trao trả độc lập cho Ăng-gô-la và Mô-dăm-bích.

- Từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX: Nhân dân các thuộc địa còn lại ở châu Phi hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ, giành độc lập và đòi quyền bình đẳng cho con người.

+ Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) diễn ra chủ yếu ở ba nước phía nam châu Phi.

+ Điển hình là sự thắng lợi ở Cộng hòa Nam Phi: Hiến pháp năm 1993 đã chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai). Năm 1994, sau cuộc bầu cử đa chủng tộc đầu tiên ở Nam Phi, Nenxơn Manđêla trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi. Sự kiện này đánh dấu việc chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc dã man đầy bất công đã từng tồn tại 3 thế kỉ ở nước này.

Câu II (2,5 điểm).

* Từ ngày 2-9 -1945 đến trước ngày 6-3-1946: Trước tình hình đất nước có nhiều kẻ thù, Đảng ta chủ trương: tránh một mình đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc. Từ đó đưa ra sách lược: Tạm thời hòa hoãn, tránh xung đột với Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc, tập trung lực lượng đánh Pháp ở miền Nam.

- Đối với quân Pháp ở miền Nam: Do thực dân Pháp quay lại xâm lược Nam Bộ (ngày 23-9-1945), Đảng chủ trương lãnh đạo nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống Pháp, huy động cả nước chi viện sức người, sức của cho Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

- Kết quả: làm chậm bước tiến của quân Pháp khi xâm lược Nam Bộ.

- Đối với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản động ở miền Bắc: Đảng chủ trương tạm thời hòa hoãn, tránh xung đột:

+ Nhường cho các đảng Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong trong Quốc hội, không qua bầu cử, cùng với 4 ghế Bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp, một chức Phó Chủ tịch nước.

+ Nhân nhượng cho quân Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi kinh tế như: nhận cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, phương tiện giao thông, cho phép lưu hành tiền Trung Quốc trên thị trường,...

+ Kiên quyết vạch trần những âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại, trị tội theo pháp luật những trường hợp có đủ bằng chứng. Chính phủ còn ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng.

- Kết quả: Làm hạn chế mức thấp nhất những hoạt động chống phá của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng.

* Từ ngày 6-3-1946 đến ngày 19-12-1946: Đảng ta đưa ra sách lược: Hòa Pháp - đuổi Trung Hoa Dân quốc về nước. Do Pháp và Trung Hoa ký với nhau Hiệp ước Hoa - Pháp (28-2-1946), ngày 3-3-1946, Đảng và Hồ Chí Minh đã họp và chọn giải pháp "hòa để tiến".

* Nội dung Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946:

- Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội, tài chính riêng, là thành viên của Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

- Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra miền Bắc, thay thế quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số này đóng tại những nơi quy định và rút dần trong 5 năm.

- Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ, giữ nguyên quân đội của mình tại vị trí cũ, tạo không khí thuận lợi để đi đến đàm phán chính thức.

Kết quả: ta đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc về nước, có thời gian hòa bình củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị mọi mặt để kháng chiến lâu dài.

* Tạm ước ngày 14 -9-1946:

- Do Pháp tiếp tục gây xung đột vũ trang tại Nam Bộ và có những hành động gây căng thẳng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước ngày 14-9-1946. Ta tiếp tục nhường cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa ở Việt Nam.

- Bản tạm ước tạo điều kiện cho ta kéo dài thời gian hòa hoãn để chuẩn bị kháng chiến toàn quốc.

* Bài học rút ra trong chính sách đối ngoại của Đảng ta hiện nay:

- Kiên trì phương pháp đấu tranh hòa bình, tránh xung đột.

- Tranh thủ thời cơ hội nhập thi hành đường lối ngoại giao đa phương hóa, đa dạng hóa, làm bạn với tất cả các nước trên cơ sở cùng có lợi, tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau.

- Trong trường hợp đấu tranh hòa bình vẫn không giải quyết được, độc lập dân tộc bị đe dọa thì phải phân hóa kẻ thù, tập trung lực lượng kiên quyết đấu tranh bằng mọi hình thức để bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

Câu III (1,5 điểm).

- Đầu năm 1951, để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới của cuộc kháng chiến, Đảng Cộng sản Đông Dương đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II từ ngày 11 đến 19-2-1951, tại Chiêm Hóa - Tuyên Quang.

- Để phù hợp với tình hình cách mạng của mỗi nước Đông Dương, Đại hội đã quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước một Đảng Mác - Lênin riêng.

+ Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi mới là Đảng Lao động Việt Nam.

- Ý nghĩa:

+ Với tên gọi mới Đảng có thể hoạt động công khai trên một số lĩnh vực, tập hợp được đông đảo người lao động tham gia vào Đảng, tránh sự đàn áp và xuyên tạc của kẻ thù.

+ Với tên gọi mới đã đánh dấu sự trưởng thành của Đảng, thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Pháp tiến lên.

Câu IV (3,0 điểm).

* Lý do Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ.

Do bị thất bại tại chiến dịch Điện Biên Phủ (7-5-1954) và sự đấu tranh kiên quyết của phái đoàn ta tại bàn Hội nghị buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương vào ngày 21-7-1954.

* Nội dung cơ bản.

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước.

- Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực. Ở Việt Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến tạm thời cùng với khu phi quân sự ở hai đầu giới tuyến. Ở Lào, lực lượng kháng chiến tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phong Sa Lỳ. Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến phục viên tại chỗ, không có vùng tập kết.

- Cấm đưa quân đội, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương, các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ khối liên minh quân sự nào.

- Việt Nam sẽ tiến tới thống nhất bằng cuộc Tổng tuyển cử tự do, tổ chức vào tháng 7-1956.

- Trách nhiệm thi hành Hiệp định Giơnevơ thuộc về những người ký Hiệp định và những người kế tục họ.

* Ý nghĩa.

- Hiệp định là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ba nước Đông Dương, được các cường quốc và những nước tham dự Hội nghị công nhận.

- Là mốc kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp. Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân đội về nước. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

- Làm thất bại âm mưu của Mĩ trong việc định kéo dài, mở rộng, quốc tế hóa cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Đông Dương.

* Mối quan hệ giữa thắng lợi trên mặt trận quân sự với thắng lợi trên mặt trận ngoại giao.

- Thắng lợi trên mặt trận quân sự với thắng lợi trên mặt trận ngoại giao có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Thắng lợi trên mặt trận quân sự sẽ quyết định thắng lợi ngoại giao. Thắng lợi trên mặt trận ngoại giao ghi nhận về mặt pháp lí quốc tế đảm bảo cho những thắng lợi quân sự.

- Trong cuộc kháng chiến chống Pháp: phải đến cuối năm 1953, khi ta liên tiếp giành thắng lợi trên mặt trận quân sự còn Pháp liên tiếp thất bại trên chiến trường thì mặt trận ngoại giao mới mở được.

- Tại Điện Biên Phủ vào tháng 5-1954, sau khi bị ta tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương Pháp mới chịu ký Hiệp định Giơnevơ vào ngày 21-7-1954, chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân về nước.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015 - LẦN 1
TRƯỜNG THPT CÙ HUY CẬN - HÀ TĨNH

Câu I (5 điểm): Từ những dữ liệu trong bảng dưới đây, hãy khái quát nét chính về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ la tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai? Việt Nam có vai trò như thế nào trong phong trào đó?

Thời gian	Nội dung
02-09-1945	Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra đời
01-10-1949	Nước Cộng Hòa Dân chủ Nhân Dân Trung Hoa thành lập
01-01-1959	Cách mạng Cuba thắng lợi
1960	"Năm châu Phi" với 17 quốc gia giành độc lập
11 - 1993	Chế độ phân biệt chủng tộc (Apácthai) bị xóa bỏ

Nguồn: *Lịch sử 12*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012

Câu II (4 điểm): Trình bày Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam năm 1930. Nêu và nhận xét những nội dung chính của bản Cương lĩnh chính trị do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo?

Câu III (6 điểm): Phân tích nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945. Đánh giá vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương và chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc cách mạng này?

Câu IV (5 điểm): Hãy nhận diện những kẻ thù ngoại xâm sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 mà đất nước ta phải đối phó. Theo em, đâu là kẻ thù nguy hiểm nhất? Vì sao?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015 - LẦN 1
TRƯỜNG THPT CÙ HUY CẬN - HÀ TĨNH

Câu 1.

a. Khái quát

- Hoàn cảnh các nước trước Chiến tranh thế giới thứ hai: đều là thuộc địa hoặc nửa thuộc địa của các nước đế quốc, thực dân.

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ và phát triển mạnh mẽ ở các nước:

- Giai đoạn 1945 - 1967:

+ Phong trào bùng nổ đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á và giành nhiều thắng lợi, lần lượt các nước tuyên bố độc lập: Inđonexia, Việt Nam, Lào (1945), Philippin (1946), Miến Điện (1947), Mã Lai (1957), Xingapo (1959).

+ Từ Đông Nam Á, cuộc đấu tranh lan rộng khắp châu Á, sang châu Phi và khu vực Mĩ - Latinh: thắng lợi cách mạng Trung Quốc (1949), Ấn Độ (1952), Ai Cập (1952), Libi (1952)..., Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam năm 1954 đánh dấu mở đầu sự cáo chung của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.

+ Năm 1960 với 17 quốc gia giành độc lập ở châu Phi được gọi là "năm châu Phi".

+ Tại Mĩ-Latinh: Ngày 1-1-1959, nhà nước Cộng hòa Cuba ra đời. Dưới ảnh hưởng của cách mạng Cuba, một cao trào đấu tranh đã diễn ra mạnh mẽ ở khắp các nước Mĩ-Latinh, biến khu vực này thành "lục địa bùng cháy".

+ Đến năm 1967, đã có hơn 80 quốc gia giành được độc lập, hệ thống thuộc địa chỉ còn lại 5,2 triệu km^2 với khoảng 3,5 triệu dân, tập trung chủ yếu ở miền Nam châu Phi.

- Giai đoạn 1968 - 1975:

+ Năm 1974, cách mạng Bồ Đào Nha thành công, chính quyền mới ở Bồ Đào Nha đã lần lượt tuyên bố trao trả độc lập cho 3 nước: Ghinê Bitxao (1974), Angola và Modambich (1975).

+ Năm 1975, nhân dân Việt Nam và hai nước Lào, Campuchia đã giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh chống đế quốc Mĩ xâm lược, làm thất bại âm mưu của nghĩa thực dân mới ở đây.

+ Đến năm 1975 về cơ bản, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ đã hoàn toàn sụp đổ.

- Giai đoạn 1975 đến nay:

+ Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục bùng nổ và phát triển chủ yếu ở châu Phi và Mĩ latinh: tiêu biểu là vào năm 1993 chế độ phân biệt chủng tộc Aphacthai sụp đổ ở Nam Phi.

+ Đến những năm 90 của thế kỉ XX hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc thực dân đã hoàn toàn sụp đổ. Lịch sử các nước Á, Phi, Mỹ-Latinh bước vào thời kì xây dựng đất nước và phát triển kinh tế xã hội.

b. Vai trò của Việt Nam

- Việt Nam có vai trò vô cùng to lớn trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới với những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược.

- Việt Nam là một trong những quốc gia tiến hành cách mạng sớm nhất và tuyên bố độc lập ngay trong năm 1945 nên đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc, nhất là các nước ở châu Á và châu Phi.

- Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1954) và cuộc kháng chiến chống Mĩ (1975) của Việt Nam đã góp phần vào sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, chặn đứng âm mưu của Mĩ khi muốn biến Việt Nam làm bàn đạp tấn công ra toàn bộ khu vực Đông Nam Á...

Câu 2.

- Hoàn cảnh:

+ Năm 1929, ba tổ chức cộng sản ra đời, hoạt động riêng rẽ...

+ Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc đã chủ động từ Thái Lan về Trung Quốc, triệu tập Hội nghị hợp nhất...

+ Hội nghị do Nguyễn Ái Quốc chủ trì, diễn ra tại Cửu Long (Hương Cảng - Trung Quốc) bắt đầu từ ngày 6-1-1930.

- Nội dung hội nghị:

+ Nguyễn Ái Quốc phê phán những quan điểm sai lầm của các tổ chức cộng sản..

+ Hội nghị nhất trí hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, đây là bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta.

- Nội dung Cương lĩnh:

+ Xác định đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

+ Nhiệm vụ là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập, tự do...

+ Lực lượng cách mạng là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức; còn phú nông, trung và tiểu địa chủ, tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản, giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

- Nhận xét: Đây là cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh này.

- Ý nghĩa sự ra đời của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối, từ đây cách mạng Việt Nam có Đảng lãnh đạo với đường lối đúng đắn sáng tạo, khoa học... ■ nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 3.

a. Nguyên nhân thắng lợi

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đấu tranh giải phóng dân tộc. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương kêu gọi thì cả dân tộc nhất tề đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

+ Có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng do Hồ Chí Minh đứng đầu...

+ Qúa trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo, rút kinh nghiệm qua đấu tranh...

+ Trong những ngày khởi nghĩa, toàn Đảng, toàn dân quyết tâm cao. Các cấp bộ Đảng chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo, chớp đúng thời cơ.

- Nguyên nhân khách quan: quân Đồng minh đánh thắng phát xít, tạo cơ hội khách quan thuận lợi cho nhân dân ta khởi nghĩa thành công.

Nguyên nhân quan trọng nhất: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Nguyễn Ái Quốc.

b. Đánh giá vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc cách mạng

* Đánh giá: Đó là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, kiên quyết, kịp thời và nhạy bén.

* Biểu hiện:

- Bổ sung phát triển hoàn chỉnh hệ thống các quan điểm về cách mạng giải phóng dân tộc (trong Cương lĩnh tháng 2-1930, Luận cương tháng 10-1930).

- Có bước chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đúng đắn, kịp thời (Trong hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 năm 1939 và Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 năm 1941).

- Lựa chọn hình thức và phương pháp cách mạng phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể...

- Tổ chức và xây dựng lực lượng cách mạng bao gồm lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang.

- Nhận thức tình thế và thời [redacted] cách mạng....

- Chỉ đạo kiên quyết, tập trung, thống nhất trong giờ phút có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi. Là nhân tố quan trọng nhất làm nên thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám

Câu 4.

a. Những kẻ thù:

- Sau cách mạng tháng Tám thành công, quân đội các nước Đồng minh dưới danh nghĩa vào giải giáp quân Nhật kéo vào nước ta. Bao gồm quân Pháp, Nhật, Trung Hoa Dân Quốc, Đế quốc Mĩ và quân Anh.

- Bản chất chung của chúng là chống phá cách mạng Việt Nam. Đây là khó khăn lớn nhất, nghiêm trọng nhất của cách mạng Việt Nam

b. Kẻ thù lâu dài nguy hiểm nhất của cách mạng ta lúc này là thực dân Pháp vì:

- Trung Hoa Dân quốc:

+ Âm mưu của chúng:.....

+ Trong nước cuộc nội chiến đang diễn ra, lực lượng cách mạng đang phát triển mạnh bất lợi cho quân Tưởng. Sớm muộn gì chúng cũng phải rút về nước, mặt khác nội bộ đang có những mâu thuẫn... ta có thể lợi dụng khó khăn này để hạn chế hoạt động của chúng

+ Như vậy Trung Hoa Dân quốc không phải là kẻ thù nguy hiểm nhất của cách mạng Việt Nam

- Đế quốc Mĩ: Lúc này Mĩ đang hậu thuẫn cho Trung Hoa Dân quốc để chiếm nước ta. Tuy nhiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai Mĩ đang tập trung vào khu vực châu Âu và Trung Quốc, chưa có điều kiện can thiệp sâu vào Việt Nam.

- Thực dân Anh:

+ Âm mưu của Anh: Dọn đường cho Pháp tái xâm lược Việt Nam.

+ Sau thế chiến thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ mạnh mẽ khắp nơi, vốn là nước có nhiều thuộc địa nhất trên thế giới Anh không có điều kiện ở lại Đông Dương lâu dài.

+ Thực dân Anh không phải là kẻ thù lâu dài, nguy hiểm nhất của cách mạng nước ta.

- Nhật Bản:

+ Quân Nhật với 6 vạn quân đang chờ giải giáp, trong đó có bộ phận nghe theo lệnh thực dân Anh đánh lực lượng cách mạng ta.

+ Nhật là nước bại trận, đang chờ được giải giáp để về nước vì thế sẽ không phải là kẻ thù lâu dài của cách mạng Việt Nam.

- Thực dân Pháp:

+ Âm mưu của Pháp: Quay lại xâm lược Việt Nam, nhận được sự hỗ trợ của thực dân Anh, cùng với lực lượng phản cách mạng ở miền Nam ngày 23-9-1945 chúng bắt đầu tấn công Sài Gòn...

+ Trung ương Đảng nêu rõ: "kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng"

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015 - LẦN 2
TRƯỜNG THPT HÀN THUYÊN - BẮC NINH

Câu I (3,0 điểm). Chứng minh rằng, sau khi thành lập, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã có những hoạt động tích cực góp phần đưa phong trào công nhân Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong những năm 1925-1929.

Câu II (2,0 điểm). Trình bày hoàn cảnh dẫn đến sự ra đời của mặt trận Việt Minh. Tại sao Đảng ta quyết định thành lập mặt trận Việt Minh?

Câu III (2,0 điểm). Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp ngày 19 -12 -1946?

Câu IV (3,0 điểm). Nêu những biến đổi chính của tình hình thế giới sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt. Theo em, những biến đổi đó sẽ tạo ra những cơ hội và thách thức như thế nào cho Việt Nam ?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015 - LẦN 2
TRƯỜNG THPT HÀN THUYÊN - BẮC NINH

Câu I (3,0 điểm).

- Khẳng định Hội Việt Nam cách mạng thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập vào tháng 6-1925 là một tổ chức cách mạng hoạt động theo khuynh hướng vô sản, sau khi ra đời đã có những hoạt động tích cực...

- Nêu những hoạt động của Hội:

+ Đề ra mục tiêu là tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai; mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng rồi đưa về nước hoạt động.

+ Năm 1927, tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc in thành sách *Đường Kách mệnh* → Báo *Thanh niên* và sách *Đường Kách mệnh* trang bị lí luận cho cán bộ cách mạng, là tài liệu tuyên truyền cho nhân dân Việt Nam.

+ Năm 1928, Hội tổ chức phong trào "Vô sản hóa" đưa hội viên vào các hầm mỏ, nhà máy, đồn điền để tiến hành tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức chính trị.

- Những biểu hiện sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam giai đoạn 1925-1929:

+ Về số lượng: giai đoạn 1926-1927 có 27 cuộc đấu tranh; 1928-1929 có 40 cuộc đấu tranh

+ Về chất lượng: Phạm vi đấu tranh mở rộng...,mục tiêu kinh tế kết hợp mục tiêu chính trị; phong trào sôi nổi hơn, quyết liệt hơn, thể hiện tính tự giác và tinh thần đoàn kết quốc tế; năm 1929, 3 tổ chức cộng sản ra đời chứng tỏ công nhân đấu tranh tự giác...

Câu II (2,0 điểm).

* Hoàn cảnh dẫn đến sự ra đời của mặt trận Việt Minh:

- Nêu bật được: Năm 1941, Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra quyết liệt; Nhật nhảy vào Đông Dương từ tháng 9-1940 cấu kết với Pháp để thống trị nhân dân khiến mâu thuẫn dân tộc ngày càng gay gắt. Nhiệm vụ dân tộc được đưa lên vị trí hàng đầu. Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã diễn ra quyết định nhiều nội dung quan trọng trong đó có chủ trương thành lập mặt trận Việt Minh.

- Giải thích lý do Đảng ta quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh: Nhằm phát huy cao độ tinh thần dân tộc, tập hợp mọi lực lượng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đấu tranh chống đế quốc giành độc lập dân tộc đồng thời góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới, cùng phe đồng minh chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình thế giới...

Câu III (2,0 điểm).

Học sinh làm rõ:

- Để đối phó với âm mưu của kẻ thù và thể hiện thiện chí mong muốn hoà bình, ta ký với Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6-3 và Tạm ước ngày 14-9-1946 nhưng trong khi ta thực hiện đúng những điều khoản cam kết thì Pháp phá hoại các hiệp định, các hội nghị và tìm cách khiêu khích ta... Ở Hà Nội, Pháp bắn súng, ném lựu đạn nhiều nơi, gây ra vụ thảm sát ở Hàng Bún, Yên Ninh,... gửi tối hậu thư đòi ta phá bỏ mọi công sự và chướng ngại vật trên đường phố, giải tán lực lượng tự vệ, chiến đấu, đòi ta trao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng.

- Hành động đó của Pháp đã xâm phạm chủ quyền dân tộc và bộc lộ rõ dã tâm xâm lược của chúng, buộc ta phải cầm vũ khí chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do.

- Ngày 12-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị Toàn dân kháng chiến. Ngày 18-12-1946, Hội nghị bất thường mở rộng, ban thường vụ Trung ương Đảng Đông Dương đã họp tại Hà Đông đã quyết định phát động toàn quốc kháng chiến. Tối ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu IV (3,0 điểm).

* Những biến đổi chính của tình hình thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt:

- Chủ nghĩa xã hội bị tan rã ở Liên Xô và Đông Âu, trật tự 2 cực bị sụp đổ năm 1991.

- Sau khi trật tự [redacted] cực sụp đổ, thế giới có nhiều biến động

+ Trật tự mới đang hình thành theo hướng đa cực với sự vươn lên của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản, Liên bang Nga, Trung Quốc.

+ Các quốc gia điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào kinh tế tạo sức mạnh thực lực

+ Mĩ ra sức thiết lập thế một cực sau khi Liên Xô tan rã nhưng tham vọng đó không dễ gì thực hiện

+ Hoà bình được củng cố sau chiến tranh lạnh nhưng vẫn có xung đột ở nhiều nơi.

- Với sự tiến triển của xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển, các quốc gia vừa có cơ hội, vừa đối mặt với những thách thức vô cùng gay gắt

* Cơ hội và thách thức cho Việt Nam:

- Cơ hội: Hội nhập, giao lưu, học hỏi, tiếp thu những thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến của thế giới, thu hút sự đầu tư...

- Thách thức: Bị cạnh tranh quyết liệt, dễ bị đánh mất bản sắc dân tộc, luôn phải cảnh giác đối phó với âm mưu chống phá của các thế lực phản động trong và ngoài nước.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015 - Lần 2
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

Câu 1: (3 điểm)

Trình bày hoàn cảnh ra đời và mục tiêu của ASEAN. Theo em, tổ chức này đã và đang phải đối mặt với những thách thức nào trong quá trình hướng tới cộng đồng ASEAN năm 2015?

Câu 2: (2 điểm)

Trong tình hình lịch sử như thế nào Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7 - 1936) đề ra chủ trương đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình? Nêu tác dụng của chủ trương ấy.

Câu 3: (3 điểm)

Trong "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-2-1946) có đoạn viết:

"...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ..."

(*Lịch sử 12*, NXB Giáo dục, 2008, tr.131)

a. Tinh thần "thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" được thể hiện như thế nào qua cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16?

b. Phát biểu suy nghĩ của em về một số biểu hiện của tinh thần "nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Câu 4: (2 điểm)

So sánh những điểm giống nhau và khác nhau giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) với chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) về hoàn cảnh lịch sử, nghệ thuật quân sự (cách đánh), kết quả và ý nghĩa lịch sử.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2015 - Lần 2
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

Câu 1. (3 điểm)

a. Hoàn cảnh ra đời và mục tiêu của ASEAN.

- Hoàn cảnh ra đời:

+ Sau khi giành độc lập, bước vào thời kì phát triển kinh tế trong điều kiện rất khó khăn, nhiều nước trong khu vực thấy cần có sự hợp tác với nhau để cùng phát triển.

+ Muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực, nhất là khi cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Đông Dương đang bị sa lầy và nguy cơ thất bại là không tránh khỏi.

+ Những tổ chức hợp tác mang tính chất khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều, nhất là sự thành công của khối thị trường chung châu Âu (EEC) đã cổ vũ rất lớn đối với các nước Đông Nam Á.

+ Ngày 8 - 8 - 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước: Inđônêxia, Malaysia, Xingapo, Philippin và Thái Lan.

- *Mục tiêu:* Thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên trên cơ sở duy trì hòa bình, ổn định khu vực.

b. Học sinh vận dụng những hiểu biết của mình để trình bày yêu cầu đặt ra như: Sự chênh lệch trình độ phát triển, sự tranh chấp về lãnh thổ, biên giới giữa các nước trong khu vực...; sức mạnh của ASEAN ■ sức mạnh đoàn kết, các nước cần hài hòa lợi ích quốc gia với lợi ích khu vực...; Đối diện với những thách thức an ninh khu vực (biển đảo, khí hậu, môi trường)...; Các cường quốc như Mĩ, Trung Quốc... tăng cường can dự vào khu vực (Trung Quốc viện trợ cho Lào, Campuchia, vận động Mianma)...

Câu 2. (2 điểm)

a. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7 - 1936) đề ra chủ trương đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình trong tình hình lịch sử:

– Đầu những năm 30 của thế kỉ XX, chủ nghĩa phát xít xuất hiện và tạm thời thắng thế ở một số nơi, như Tây Ban Nha, Đức, Italia, Nhật Bản. Nguy cơ chiến tranh thế giới xuất hiện.

– Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản (7 - 1935) xác định nhiệm vụ trước mắt của phong trào cách mạng thế giới là chống phát xít và nguy cơ chiến tranh, bảo vệ hoà bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

– Tháng 6 - 1936, Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, thi hành những cải cách tiến bộ ở thuộc địa. Chính phủ của Mặt trận nhân dân Pháp còn cử phái viên sang điều tra và nới rộng một số quyền tự do, dân chủ tối thiểu ở các nước thuộc địa.

– Ở Việt Nam, ảnh hưởng của cuộc khủng khoảng kinh tế (1929 - 1933) vẫn tiếp diễn. Trong khi đó, thực dân Pháp lại tiến hành một chiến dịch khủng bố để đàn áp phong trào cách mạng 1930 - 1931. Đời sống chính trị và kinh tế rất căng thẳng. Yêu cầu của của mọi tầng lớp xã hội là các quyền tự do, dân chủ, dân sinh và cải thiện đời sống.

b. Tác dụng của chủ trương

- Đã tạo nên một phong trào đấu tranh dân chủ rộng lớn của quần chúng từ năm 1936 đến năm 1939 với nhiều hình thức đấu tranh phong phú, đa dạng. Bằng sức mạnh của nhân dân, buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách trước mắt về dân sinh, dân chủ.

- Từ trong phong trào đấu tranh, quần chúng nhân dân được giác ngộ về chính trị, tham gia mặt trận dân tộc thống nhất và trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng, đội ngũ cán bộ Đảng viên được rèn luyện và trưởng thành. Đảng rút ra những bài học kinh nghiệm cũng như hạn chế trong quá trình lãnh đạo cách mạng.

Câu 3: (3 điểm)

a. Tinh thần "thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" qua cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 được thể hiện:

- Ở Hà Nội, 20 giờ ngày 19-12-1946, cuộc chiến đấu bắt đầu. Nhân dân khiêng bàn ghế, tủ, hạ cây cối làm thành chướng ngại vật để ngăn địch.

- Trung đoàn thủ đô được thành lập, đánh những trận quyết liệt ở Bắc Bộ Phủ, Nhà Bưu điện, chợ Đồng Xuân... Khẩu hiệu: quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh.

- Sau 2 tháng chiến đấu kiên cường, ngày 17-02-1947, Trung đoàn thủ đô rút về căn cứ an toàn.

- Trong 60 ngày đêm, Hà Nội chiến đấu gần 200 trận, giết và làm bị thương hàng ngàn địch, phá hủy nhiều xe cơ giới, máy bay... hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giam chân địch trong thành phố một thời gian dài để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến, di chuyển kho tàng, công xưởng về chiến khu, bảo vệ Trung ương Đảng, Chính phủ về căn cứ kháng chiến an toàn.

- Ở Bắc Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng ...quân ta bao vây, tiến công tiêu diệt địch.

- Quân dân ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ đẩy mạnh chiến tranh du kích, chặn đánh địch trên nhiều tuyến giao thông, phá cơ sở hậu cần.

Như vậy, cuộc chiến đấu quyết liệt của quân và dân ta ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã thể hiện rõ tinh thần "thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

b. Suy nghĩ của em về một số biểu hiện của tinh thần "nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Học sinh hướng vào một số biểu hiện như: Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ra sức thi đua xây dựng đất nước giàu mạnh; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong mặt trận dân tộc thống nhất; kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; kiên quyết giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; có những biện pháp để làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình...

Câu 4: (2 điểm)

a. Hoàn cảnh lịch sử, nghệ thuật quân sự:

- Giống nhau:

+ Đều là 2 trận quyết chiến chiến lược, là đỉnh cao của 2 cuộc tiến công chiến lược (đông - xuân 1953-1954 và Xuân 1975).

+ Đều được tập trung lực lượng đến mức cao nhất: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng" (trong chiến dịch Điện Biên Phủ) và "Tập trung đến mức cao nhất mọi lực lượng và phương tiện vật chất kỹ thuật" (chiến dịch Hồ Chí Minh).

+ Cả 2 chiến dịch ta chủ động tiến công và mang tính chất của cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng dân tộc.

- Khác nhau:

+ Chiến dịch Điện Biên Phủ được mở ra khi chưa có Hiệp định Giơnevơ; chiến dịch Hồ Chí Minh mở ra khi có Hiệp định Paris.

+ Địa bàn mở chiến dịch: Chiến dịch Điện Biên Phủ rừng núi; Chiến dịch Hồ Chí Minh đồng bằng và thành phố.

+ Phương châm: Chiến dịch Điện Biên Phủ đánh chắc tiến chắc; Chiến dịch Hồ Chí Minh thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng.

+ Thời gian: Chiến dịch Điện Biên Phủ dài hơn so với chiến dịch Hồ Chí Minh...

+ Hình thức: Chiến dịch Điện Biên Phủ tiến công quân sự của lực lượng vũ trang; Chiến dịch Hồ Chí Minh kết hợp tiến công quân sự của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng..

+ Đối tượng tiến công: Chiến dịch Điện Biên Phủ chủ yếu là quân viễn chinh Pháp; Chiến dịch Hồ Chí Minh chủ yếu là quân đội Sài Gòn (quân Mĩ đã rút hết về nước).

b. Kết quả - ý nghĩa

- Giống nhau: Đều giành thắng lợi và là thắng lợi vĩ đại trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc...

- Khác nhau:

+ Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Nava, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán ở Hội nghị Giơnevơ, kết thúc chiến tranh.

+ Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mĩ, 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng tám năm 1945, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên đất nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước

Phần bốn.

GIỚI THIỆU ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 1

Câu 1. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh trong Cách mạng tháng Tám như thế nào? Phát biểu ý kiến về tính chất của cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 2. Sự nghiệp đấu tranh chống Mĩ của quân dân miền Bắc và những đóng góp của quân dân miền Bắc cho chiến trường miền Nam những năm 1965-1968.

Câu 3. Trên cơ sở trình bày quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1920. Hãy đánh giá công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn này.

Câu 4. Những thách thức đặt ra đối với các nước Tây Âu về kinh tế và chính trị - xã hội trong những năm 1973 đến năm 1991 là gì? Thách thức lớn nhất là gì.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 1

Câu 1.

1.1. Quyết định của Đảng trong việc chớp thời cơ:

- Ngày 9 - 8 - 1945, Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc. Ngày 14 - 8 - 1945, Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

- Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim cùng các hạng tay sai của Nhật hoang mang. Điều kiện khách quan có lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến.

- Ngay từ ngày 13 - 8 - 1945, khi nhận được những thông tin về Nhật đầu hàng, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập *Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc*. 23 giờ cùng ngày Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc ban bố "*Quân lệnh số 1*" chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Từ ngày 14 đến ngày 15 - 8 - 1945, ***Hội nghị toàn quốc của Đảng*** họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

- Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 17 - 8 - 1945, *Đại hội quốc dân* được triệu tập ở Tân Trào. Đại hội tán thành Tổng khởi nghĩa của Đảng thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử [redacted] *Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam* do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh làm Quốc kì, bài hát Tiến quân ca làm Quốc ca.

1.2. Lãnh đạo sáng tạo của Đảng trong Tổng khởi nghĩa:

- Chiều 16 - 8 - 1945 theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên.

- Ngày 18 - 8 - 1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lị

* Ở Hà Nội:

- Chiều 17 - 8 quần chúng nội, ngoại thành tổ chức mít tinh ở Nhà hát lớn, sau đó xếp thành đội ngũ, đi từ Nhà hát lớn qua các trung tâm, hô vang các khẩu hiệu: *"Ủng hộ Việt Minh"*, *"Đả đảo bù nhìn"*, *"Việt Nam độc lập"*... Ủy ban khởi nghĩa quyết định khởi nghĩa giành chính quyền vào ngày 19-8-1945.

- Ngày 18 - 8, cờ đỏ sao vàng xuất hiện trên các tuyến phố chính của Hà Nội.

- Ngày 19 - 8, hàng chục vạn nhân dân nội ngoại thành xuống đường biểu dương lực lượng. Quần chúng cách mạng có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, lần lượt chiếm các cơ quan đầu não của địch: Phủ Khâm sai Bắc Bộ, Sở Cảnh sát Trung ương, Sở Bưu điện, Sở Bảo an binh... Tối ngày 19 - 8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi.

* Ở Huế:

- Ngày 20 - 8, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh được thành lập. Ủy ban quyết định giành chính quyền vào ngày 23 - 8. Hàng chục vạn nhân dân nội, ngoại thành kéo về thị uy chiếm các công sở, chính quyền về tay nhân dân.

- Chiều ngày 30 - 8, trước cuộc mít tinh lớn có hàng vạn quần chúng tham gia, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

* Tại Sài Gòn:

- Xứ ủy Nam Kì quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh vào ngày 25 - 8.

- Sáng ngày 25 – 8, các đơn vị "Xung phong công đoàn", "Thanh niên tiền phong" công nhân, nông dân các tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Mĩ Tho kéo về thành phố. Quần chúng chiếm Sở Mật thám, Sở Cảnh sát, Nhà ga, Bưu điện, Nhà máy điện... và giành chính quyền.

- Khởi nghĩa thắng lợi ở ba thành phố lớn đã tác động quyết định đến các địa phương trong cả nước. Nhiều nơi từ rừng núi, nông thôn đến thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa. Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là những địa phương giành chính quyền muộn nhất vào ngày 28 - 8.

Như vậy, trừ mấy thị xã do lực lượng của Tưởng Giới Thạch và tay sai chiếm đóng từ trước (Móng Cái, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Vĩnh Yên), cuộc tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi trên cả nước trong vòng nửa tháng, từ ngày 14 đến ngày 28 - 8 - 1945.

1.3. Phát biểu tính chất Cách mạng tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

- Dân tộc: Đánh đuổi đế quốc, phát xít, giành độc lập cho dân tộc Việt Nam.

- Dân chủ: Lật nhào ngai vàng phong kiến đem lại quyền làm chủ cho nhân dân lao động. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

- Cuộc cách mạng do quần chúng nhân dân thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 2.

2.1. Sự nghiệp đấu tranh chống Mĩ:

- Ngay từ khi có chiến tranh, miền Bắc chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hoá toàn dân. Kết hợp vừa chiến đấu, vừa sản xuất.

- Trong sản xuất, đẩy mạnh kinh tế địa phương, chú trọng phát triển nông nghiệp.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua chống Mĩ cứu nước.

- Kết quả:

+ Trong 4 năm (từ ngày 5 - 8 - 1964 đến ngày 1 - 11 - 1968), miền Bắc bắn rơi và phá hủy 3243 máy bay, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn phi công Mĩ, bắn cháy, bắn chìm 143 tàu chiến.

+ Ngày 1 - 11 - 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

2.2. Những đóng góp của quân dân miền Bắc cho chiến trường miền Nam những năm 1965-1968.

* Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ:

- Là hậu phương lớn của kháng chiến chống Mĩ cứu nước, miền Bắc luôn hướng về miền Nam. Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu "*Mỗi người làm việc bằng hai*". Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đánh đáp lại "*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*"

- Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (dọc dãy núi Trường Sơn) và trên biển (dọc theo bờ biển) bắt đầu khai thông từ tháng 5-1959, dài hàng nghìn cây số, đã nối liền hậu phương với tiền tuyến.

- Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược đó, trong 4 năm (1965-1968) miền Bắc đã đưa hơn 300.000 cán bộ, bộ đội vào miền Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hoá tại các vùng giải phóng, và cũng đã gửi vào Nam hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men và nhiều vật dụng khác. Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào Nam trong 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.

Câu 3.

3.1. Trên cơ sở trình bày quá trình:

- Từ năm 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, hướng tới phương Tây, đến nước Pháp; rồi qua nhiều nước, nhiều châu lục khác nhau. Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác, ở đâu những người lao động cũng bị áp bức, bóc lột dã man.

- Cuối năm 1917, Nguyễn Ái Quốc từ Anh trở lại Pháp, hoạt động trong Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pari; viết báo, truyền đơn, tham gia các buổi mít tinh, gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919).

- Tháng 6 - 1919, Người gửi đến Hội nghị Vécxai Bản yêu sách của nhân dân An Nam, đòi thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt Nam.

- Giữa năm 1920, Người đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin, khẳng định con đường giành độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam.

- Tháng 12 - 1920, tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (Đại hội Tua), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

3.2. Hãy đánh giá công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn này.

Nguyễn Ái Quốc đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn. Đó là con đường cách mạng vô sản. Người đã khẳng định, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải theo con đường cách mạng vô sản.

Câu 4.

4.1. Thách thức về kinh tế:

- Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, từ năm 1973 nhiều nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu bị lâm vào khủng hoảng và suy thoái hoặc phát triển không ổn định kéo dài đến đầu thập kỉ 90.

Chẳng hạn, từ năm 1973 đến năm 1992, mức tăng trưởng kinh tế của Pháp giảm từ 2,4% xuống còn 2,2%; năm 1991, kinh tế Anh tăng trưởng 1,8%. Năm 1983, số người thất nghiệp ở Italia là 2,5 triệu người và ở Cộng hoà Liên bang Đức năm 1989 là 3 triệu người.

- Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu gặp không ít khó khăn. Sự phát triển thường diễn ra xen kẽ với khủng hoảng, suy thoái và lạm phát, thất nghiệp.

- Tây Âu luôn gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ phía Mĩ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs). Quá trình "nhất thể hoá" Tây Âu trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu (EC) vẫn còn nhiều khó khăn và trở ngại.

4.2. Thách thức về chính trị - xã hội:

- Bên cạnh sự phát triển, nền dân chủ tư sản Tây Âu vẫn tiếp tục bộc lộ những mặt trái của nó. Tình trạng phân hoá giàu nghèo ngày càng lớn.

- Các tệ nạn xã hội vẫn thường xuyên xảy ra, trong đó tội phạm maphia là rất điển hình ở Italia.

4.3. Thách thức lớn nhất: do hậu quả cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973 làm cho nền kinh tế Tây Âu giảm sút nghiêm trọng.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 2

Câu 1. Vấn đề lực lượng cách mạng trong thời kì lịch sử 1930-1945 được giải quyết như thế nào trong Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 10-1930) và Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5-1941)? Hãy phát biểu ý kiến nhận xét của anh, chị về việc xác định đó.

Câu 2. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), sự kiện lịch sử nào thể hiện ta chủ động tấn công Pháp. Trình bày hoàn cảnh, chủ trương và ý nghĩa của sự kiện đó.

Câu 3. Sự kiện nào của cách mạng miền Nam được đánh dấu bước nhảy vọt lần thứ nhất trong thời kì 1954-1975. Trình bày nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ phong trào đó.

Câu 4. Hãy phân tích các giai đoạn của cách mạng Lào từ năm 1946 đến năm 1975 và tóm tắt diễn biến của từng giai đoạn. Tình đoàn kết chiến đấu của quân dân Lào trong thời kì kháng chiến chống Pháp như thế nào?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 2

Câu 1.

1.1. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương với bản Luận cương chính trị tháng 10 - 1930:

- Xác định động lực của cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân.

- Nhận xét:

+ Đã xác định được động lực cách mạng, nhưng không đánh giá đúng khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, khả năng chống đế quốc và phong kiến ở mức độ nhất định của tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo một bộ phận trung, tiểu địa chủ tham gia mặt trận thống nhất chống đế quốc và tay sai.

+ Đây là điểm khác với Cương lĩnh đầu tiên của Đảng và cũng là hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10 - 1930.

1.2. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương:

- Chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, đổi tên Hội Phản đế thành Hội Cứu quốc, nhằm tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp, giai cấp và cá nhân yêu nước.

- Nhận xét:

+ Chủ trương trên đã huy động đến mức cao nhất lực lượng toàn dân tộc thực hiện nhiệm vụ số một là giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do.

+ Khắc phục hạn chế của Luận cương chính trị và khẳng định chủ trương đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, góp phần trực tiếp đưa Cách mạng tháng Tám đến thành công.

Câu 2.

2.1. Chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) là chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950.

2.2. Hoàn cảnh lịch sử: bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến của ta có thêm nhiều thuận lợi:

+ Ngày 1 - 10 - 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.

+ Ngày 18 - 1 - 1950, Chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; ngày 30 - 1 - 1950 Chính phủ Liên Xô và trong vòng một tháng sau, các nước trong phe xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đây là thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam.

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân ta được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới.

2.3. Chủ trương của ta: tháng 6 - 1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những thuận lợi mới thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

2.4. Ý nghĩa: Với chiến thắng Biên giới, con đường liên lạc của ta với các nước xã hội chủ nghĩa được khai thông. Quân đội ta đã trưởng thành, giành được thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Câu 3.

2.1. Phong trào "Đồng khởi" (1959-1960) đánh dấu bước phát triển nhảy vọt lần thứ nhất của cách mạng miền Nam.

2.2. Những nguyên nhân dẫn tới phong trào:

– Lực lượng cách mạng ở miền Nam được giữ gìn và phát triển qua thực tiễn đấu tranh chính trị, hoà bình, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, tiến lên dùng bạo lực, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chuẩn bị cho sự bùng nổ phong trào cách mạng mới.

- Chính quyền Ngô Đình Diệm tăng cường đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân (1957 - 1959), làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với đế quốc Mĩ xâm lược và tay sai phát triển gay gắt, đòi hỏi phải có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn, thử thách.

- Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1 - 1959) khẳng định con đường cách mạng bạo lực, xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên.

Câu 4.

4.1. Giai đoạn 1946 - 1954: Kháng chiến chống thực dân Pháp

- Tháng 3 - 1946, thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào. Nhân dân Lào một lần nữa phải cầm súng kháng chiến bảo vệ nền độc lập.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Pháp của Lào ngày càng phát triển.

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, thực dân Pháp kí kết Hiệp định Giơnevơ (tháng 7 - 1954), công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.

4.2. Giai đoạn 1954 - 1975: Kháng chiến chống đế quốc Mĩ

- Sau Hiệp định Giơnevơ, Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Lào. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Lào, cuộc đấu tranh chống Mĩ được tiến hành trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Quân dân Lào lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh của Mĩ. Đến những năm 70, vùng giải phóng được mở rộng với 4/5 lãnh thổ.

- Tháng 2 - 1973, các phái ở Lào đã thoả thuận kí Hiệp định Viêng Chăn, lập lại hoà bình, thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào.

- Từ tháng 5 đến tháng 12 năm 1975, được sự cổ vũ của thắng lợi mùa Xuân năm 1975 ở Việt Nam, quân dân Lào nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

- Ngày 2 - 12 - 1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức được thành lập.

4.3. Tình đoàn kết chiến đấu...

- Ngày 11 - 3 - 1951, liên minh Việt - Miên - Lào thành lập, biểu hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương trong sự nghiệp kháng chiến chống Pháp.

- Từ ngày 8 - 4 - 1953 đến ngày 18 - 5 - 1953, liên quân Việt - Lào mở chiến dịch Thượng Lào, giải phóng tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phongxali.

- Trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, liên quân Việt - Lào mở nhiều chiến dịch tấn công địch để làm phá sản bước đầu kế hoạch Nava. Cụ thể:

+ Đầu tháng 12 - 1953, liên quân Việt - Lào mở chiến dịch tấn công địch ở Trung Lào, giải phóng Thà Khẹt, bao vây, uy hiếp Xênô.

+ Cuối tháng 1 - 1954, liên quân Việt - Lào tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng tỉnh Phongxali, uy hiếp Luôngphabăng.

- Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, do bị án ngữ con đường Tây Bắc và một số vùng đất ở Lào được giải phóng nên khi bị tấn công, địch không thể mở đường rút chạy sang Lào, làm cho địch rơi vào thế bị cô lập.

- Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ ở Việt Nam, buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ (1954), công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, trong đó có Lào.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 3

Câu 1. Tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã thông qua văn kiện nào để vạch đường lối, nhiệm vụ, động lực, vai trò lãnh đạo của Đảng và vị trí cách mạng Việt Nam? Nhiệm vụ cách mạng được Nguyễn Ái Quốc xác định trong văn kiện này có tính đúng đắn và sáng tạo như thế nào?

Câu 2. Thắng lợi quyết định trên mặt trận quân sự của quân dân miền Nam trong việc đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ là thắng lợi nào? Nêu những chiến thắng quân sự của quân dân miền Nam từ năm 1964 đến 1965?

Câu 3. Vì sao đến Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đổi mới đất nước? Theo anh (chị) cần phải hiểu đổi mới như thế nào cho đúng.

Câu 4. So sánh các chiến lược kinh tế hướng nội và hướng ngoại của nhóm sáng lập ASEAN. Nội dung, thành tựu và hạn chế của từng chiến lược. Phát biểu ý kiến của anh, chị về nền kinh tế Việt Nam hiện nay phát triển kinh tế theo hướng nào?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 3

Câu 1.

1.1. Tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã thông qua văn kiện đó ■ Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, điều lệ vắn tắt, đó chính là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

- Cương lĩnh xác định đường lối chiến lược cách mạng Đảng là tiến hành cuộc "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".

- Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do; lập chính phủ công, nông binh; tổ chức quân đội công nông, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản động cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất...

- Lực lượng cách mạng là công nông tiểu tư sản, trí thức. Còn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.

- Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo tuy còn vắn tắt song đây là một cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, sớm kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

1.2. Tính đúng đắn và sáng tạo nhiệm vụ cách mạng:

Cương lĩnh đề ra nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đổ đế quốc, phong kiến và tư sản phản cách mạng... Đó là nội dung bao trùm cả nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, nhưng nổi bật nhất là nội dung dân tộc. Đặt nhiệm vụ dân tộc lên trên nhiệm vụ dân chủ là đúng đắn và phù hợp với hoàn cảnh của nước ta: một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Câu 2.

2.1. Thắng lợi quyết định trong cuộc đấu tranh chống "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ là chiến thắng Bình Giã năm 1964.

2.2. Những chiến thắng:

- Sau chiến thắng Ấp Bắc, quân giải phóng nhanh chóng trưởng thành và tiến lên đánh những trận có quy mô lớn. Cuối năm 1964, quân và dân Đông Nam Bộ mở chiến dịch tiến công Đông - Xuân 1964 - 1965 với trận mở màn đánh vào ấp Bình Giã.

- Thừa thắng sau chiến thắng Bình Giã, quân giải phóng và nhân dân miền Nam đẩy mạnh tiến công Xuân - Hè 1965 và giành nhiều thắng lợi trong các chiến dịch An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hoà). Từng đơn vị lớn của địch bị tiêu diệt gọn, hoặc thiệt hại nặng. Quân đội Sài Gòn, lực lượng nòng cốt của "Chiến tranh đặc biệt", không còn đủ sức đương đầu với cuộc tiến công lớn của quân giải phóng và đứng trước nguy cơ tan rã.

Câu 3.

3.1. Trong hơn một thập kỉ thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1985), cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đạt được những thành

tựu và ưu điểm đáng kể trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Song cách mạng cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế - xã hội. Một trong những nguyên nhân cơ bản của khó khăn, yếu kém là do mắc phải "sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện".

- Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm đưa đất nước vượt qua khủng hoảng và đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên, Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

Như vậy, đổi mới là vấn đề cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta đồng thời là vấn đề phù hợp với xu thế chung của thời đại.

3.2. Cần phải hiểu:

- Đổi mới ở đây cần phải hiểu là chỉ đổi mới về bước đi, cải cách làm sao cho phù hợp hơn với những quy luật khách quan của chủ nghĩa xã hội, chứ không phải thay đổi mục tiêu tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Đổi mới phải hiểu rằng, đây là công cuộc đổi mới toàn diện, đổi mới trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá - tư tưởng, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế. Đổi mới kinh tế là cơ sở để đổi mới chính trị, đổi mới chính trị phải thận trọng, làm từng bước, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Đổi mới chính trị phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 4.

4.1. So sánh:

Tiêu chí so sánh	**Chiến lược kinh tế hướng nội**	**Chiến lược kinh tế hướng ngoại**
Thời gian bắt đầu	Những năm 60 của thế kỉ XX.	Những năm 60 - 70 của thế kỉ XX.
Mục tiêu	Nhanh chóng xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.	Thực hiện công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo
Nội dung	Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.	Thực hiện "mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn và kĩ thuật của nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.

Tiêu chí so sánh	Chiến lược kinh tế hướng nội	Chiến lược kinh tế hướng ngoại
Thành tựu	Thực hiện chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu, các nước đã đạt được một số thành tựu đáng kể, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo giải quyết nạn thất nghiệp,....	Tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.
Hạn chế	Thiếu nguồn vốn nguyên liệu và công nghệ, chi phí cao dẫn tới làm ăn thua lỗ, tệ tham nhũng quan liêu phát triển, đời sống lao động còn khó khăn, chưa giải quyết được vấn đề tăng trưởng với công bằng xã hội.	Phụ thuộc vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lí.

4.2. Phát biểu ý kiến: Căn cứ tình hình kinh tế của Việt Nam hiện nay, các anh, chị suy nghĩ và phát biểu ý kiến của mình. Trong quá trình hội nhập quốc tế, chúng ta vừa phát huy nội lực của nền kinh tế... *(Học sinh tự phát biểu ý kiến của mình)*

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 4

Câu 1. Sự phân hoá xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất diễn ra như thế nào? Vì sao giai cấp công nhân Việt Nam nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam ?

Câu 2. Hãy nhận định về phong trào cách mạng 1930 - 1931 trên ba phương diện: quy mô, tính chất và hình thức đấu tranh.

Câu 3. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II. Nêu những quyết định mới của Đại hội so với thời kì trước.

Câu 4. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Cuba diễn ra như thế nào? Ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 4

Câu 1.

1.1. Sự phân hoá xã hội Việt Nam :

- *Giai cấp cũ:*

+ Địa chủ bị phân hoá thành ba bộ phận khá rõ rệt: Tiểu địa chủ, trung địa chủ và đại địa chủ. Sinh ra và lớn lên trong một dân tộc có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, nên một bộ phận không ít tiểu và trung địa chủ có tinh thần dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai. Còn đại địa chủ sẵn sàng làm tay sai đắc lực cho thực dân Pháp để được hưởng đặc quyền, đặc lợi.

+ Nông dân bị thống trị, bị tước đoạt ruộng đất, bần cùng hoá, phá sản, không có lối thoát. Mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam - lực lượng dân cư đông đảo - với đế quốc Pháp và tay sai hết sức gay gắt. Đó là cơ sở của sự bùng nổ các cuộc đấu tranh của nông dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- *Giai cấp mới:*

+ Tiểu tư sản thành thị (bao gồm những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ, học sinh, sinh viên, công chức, trí thức) sau chiến tranh đã có sự phát triển nhảy vọt về số lượng. Họ có tinh thần dân tộc, chống thực dân Pháp và tay sai. Đặc biệt bộ phận học sinh, sinh viên, trí thức rất nhạy cảm với thời cuộc và tha thiết canh tân đất nước nên rất hăng hái tham gia vào các cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc.

+ Tư sản ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đi vào con đường phát triển kinh tế tư bản. Địa vị kinh tế của tư bản Việt Nam rất nhỏ bé, tổng số vốn kinh doanh chỉ bằng khoảng 5% số vốn của tư bản nước ngoài đầu tư vào nước ta lúc bấy giờ. Nhìn chung, tư sản dân tộc Việt Nam là một giai cấp có khuynh hướng dân tộc và dân chủ. Họ là một lực lượng đóng vai trò đáng kể, một thành phần trong mặt trận đoàn kết dân tộc.

+ Công nhân Việt Nam ngày càng đông đảo. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, họ có khoảng 10 vạn người. Đến năm 1929, trong các doanh nghiệp của người Pháp ở Đông Dương, chủ yếu là ở Việt Nam, giai cấp công nhân có trên 22 vạn người. Giai cấp công nhân Việt Nam bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ, chủ yếu là bọn đế quốc thực dân. Họ có quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân, có truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản trên thế giới nên đã nhanh chóng vươn lên để trở thành một động lực mạnh mẽ của phong trào dân tộc theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.

1.2. Vì

- Giai cấp công nhân Việt Nam bị bóc lột nặng nề nhất nên có tinh thần cách mạng cao nhất.

- Giai cấp công nhân Việt Nam đại diện cho một lực lượng sản xuất tiên tiến.

- Giai cấp công nhân Việt Nam phát huy được truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc.

- Giai cấp công nhân Việt Nam sớm tiếp thu trào lưu tư tưởng cách mạng mới, đó là tư tưởng cách mạng vô sản.

Câu 2.

2.1. Quy mô:

- Phong trào đã phát triển trên quy mô cả nước, kéo dài suốt gần hai năm (từ đầu năm 1930 đến cuối năm 1931).

- Phong trào đã thu hút được sự tham gia đông đảo các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là quần chúng công - nông, với hàng trăm cuộc đấu tranh lớn nhỏ, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của 3.000 công nhân và nông dân Vinh - Bến Thuỷ vào ngày 1 - 5 - 1930, cuộc biểu tình của hơn 2 vạn nông dân Thanh Chương ngày 1 - 9 - 1930 và cuộc biểu tình tuần hành của 6 vạn nông dân huyện Hưng Nguyên ngày 12 - 9 - 1930.

2.2. Tính cách mạng:

- Phong trào đã nhằm vào hai kẻ thù cơ bản của nhân dân ta là bọn đế quốc và phong kiến tay sai.

- Tại một số nơi thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, hệ thống chính quyền địch bị tan rã từng mảng, bọn quan lại và cường hào bỏ trốn, chính quyền công, nông, binh thành lập dưới hình thức Xô viết.

2.3. Hình thức đấu tranh:

- Phong trào sử dụng hình thức đấu tranh từ thấp đến cao, từ mít tinh biểu tình đến đốt huyện đường, phá nhà lao, kết hợp biểu tình thị uy với hoạt động nửa vũ trang để tiến công địch.

- Trong tháng 9 và tháng 10 - 1930, phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa cướp chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng.

Câu 3.

3.1. Nội dung của Đại hội:

Đại hội thông qua hai bản báo cáo quan trọng:

- *Báo cáo chính trị* do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày đã tổng kết kinh nghiệm của Đảng qua các chặng đường lịch sử đấu tranh oanh liệt từ ngày ra đời, khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng

- *Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày.

- Đại hội quyết định đổi tên Đảng thành *Đảng Lao động Việt Nam* và đưa Đảng ra hoạt động công khai, đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của Việt Nam.

- Đại hội thông qua *Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới*; Quyết định xuất bản báo *Nhân dân*, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng.

- Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương, Hồ Chí Minh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

3.2. Ý nghĩa:

- Đại hội lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi".

- Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, tạo niềm tin của quần chúng đối với Đảng.

- Đại hội có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi ngày một lớn hơn.

3.3. Quyết định mới của Đại hội:

- Đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.

- Đưa Đảng ra hoạt động công khai.

- Mỗi nước ở Đông Dương phải có một Đảng riêng của mình.

Câu 4.

4.1. Cuộc đấu tranh giành độc lập:

- Tháng 3 - 1952, với sự giúp đỡ của Mĩ, Batixta đã thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cuba. Chính quyền Batixta xoá bỏ hiến pháp tiến bộ, cấm các đảng phái chính trị hoạt động, bắt giam và tàn sát nhiều người yêu nước.

- Trong bối cảnh đó, nhân dân Cuba đã đứng lên đấu tranh chống chế độ độc tài. Ngày 26 - 7 - 1953, 135 thanh niên yêu nước do Phiđen Cátxtơrô chỉ huy tấn công vào trại lính Môncada. Cuộc tấn công bị thất bại. Phiđen Cátxtơro và nhiều đồng chí của ông bị bắt giam.

- Năm 1953, Phiđen được trả tự do, nhưng bị trục xuất khỏi Cuba, đày sang Mêhicô. Tháng 11 - 1956, ông cùng 81 đồng chí đáp tàu vượt biển trở về nước.

- Tháng 12 - 1958, nghĩa quân đánh chiếm pháo đài án ngữ thủ đô La Habana. Batixta bỏ chạy ra nước ngoài.

- Ngày 1 - 1 - 1959, chế độ Batixta sụp đổ, nước Cộng hoà Cuba ra đời do Phiđen Cátxtơrô đứng đầu.

4.2. Ý nghĩa:

- Có tác động động viên cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trong khu vực.

- Xứng đáng là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ - Latinh.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 5

Câu 1. Để tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Đảng ta đã chuẩn bị lực lượng chính trị và vũ trang như thế nào? Sự kiện nào mở màn cho khởi nghĩa vũ trang trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám?

Câu 2. Vì sao Chính phủ ta kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946? Những thắng lợi đạt được qua việc kí kết Hiệp định Sơ bộ và nguyên nhân của những thắng lợi đó.

Câu 3. Đúng hay sai khi nói: Công cuộc đổi mới đất nước của Đảng ta từ Đại hội lần thứ VI (tháng 12-1986) là một tất yếu lịch sử? Trình bày chủ trương đổi mới của Đảng ta trên hai lĩnh vực kinh tế và chính trị.

Câu 4. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai Mĩ khởi xướng Chiến tranh lạnh? Những điều kiện nào đưa Chiến tranh lạnh đến chấm dứt?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 5

Câu 1.

1.1. Xây dựng lực lượng chính trị:

+ Một trong những nhiệm vụ cấp bách của Đảng là vận động quần chúng tham gia Việt Minh. Cao Bằng là nơi thí điểm cuộc vận động xây dựng các *Hội Cứu quốc* trong mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942, khắp các châu ở

Cao Bằng đều có Hội Cứu quốc, trong đó có ba châu "hoàn toàn". Tiếp đó, Uỷ ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Uỷ ban Việt Minh lâm thời liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng được thành lập.

+ Ở nhiều tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung, ở Hà Nội, Hải Phòng hầu hết các "*Hội phản đế*" chuyển thành "*Hội Cứu quốc*" đồng thời nhiều Hội Cứu quốc mới được thành lập.

+ Trong khi chú trọng tới công nhân và nông dân, Đảng còn tranh thủ tập hợp rộng rãi các tầng lớp khác như sinh viên, học sinh, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu nước. Năm 1943, Đảng đề ra bản *Đề cương Văn hoá Việt Nam*, vận động thành lập *Hội Văn hoá Cứu quốc Việt Nam* và *Đảng Dân chủ Việt Nam* đứng trong Mặt trận Việt Minh. Đảng cũng tăng cường công tác vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp, những ngoại kiều ở Đông Dương chống phát xít.

1.2. Xây dựng lực lượng vũ trang:

+ Cùng với việc xây dựng lực lượng chính trị, công tác xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng được Đảng đặc biệt coi trọng.

+ Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, một bộ phận lực lượng khởi nghĩa vũ trang chuyển sang xây dựng thành những đội du kích hoạt động ở những cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai.

+ Bước sang năm 1941, những đội du kích Bắc Sơn lớn mạnh lên và thống nhất lại thành *Trung đội Cứu quốc quân I* (14 - 2 - 1941). Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7 - 1941 đến tháng 2 - 1942) để đối phó với sự vây quét của địch, sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để chấn chỉnh lực lượng, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Ngày 15 - 9 - 1941, *Trung đội Cứu quốc quân II* ra đời.

1.3. Sự kiện mở màn cho khởi nghĩa vũ trang.....

Đó là sự kiện: Vào chiều ngày 16-8-1945, đội Việt Nam Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy kéo từ Tân Trào về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Câu 2.

2.1. Chính phủ ta kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6- 3 -1946 vì:

- Khi ta nhân nhượng với Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp ở Nam Bộ, nhưng sau đó Pháp và Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa - Pháp ngày 28-2-1946 để xích lại gần nhau, cấu kết với nhau.

- Tình thế đó đặt nhân dân ta trước hai sự lựa chọn: Hoặc là cùng một lúc đánh cả Pháp lẫn Trung Hoa Dân quốc hoặc là hoà với một kẻ thù, tập trung đánh một kẻ thù. Với quân Trung Hoa Dân quốc ta đã nhân nhượng rồi, không thể nhân nhượng nữa. Ta đã chọn giải pháp có lợi nhất cho cách mạng, đó là hoà với Pháp bằng cách kí Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946).

2.2. Những thắng lợi:

- Pháp phải công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.

- Pháp chấp nhận ngừng bắn ở Nam Bộ, tạo điều kiện thuận lợi để ta có thời gian hoà bình củng cố lại lực lượng.

- Ta mượn tay Pháp gạt 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi miền Bắc.

- Ngăn chặn được cuộc chiến tranh có nguy cơ bùng nổ trên phạm vi cả nước.

2.3. Nguyên nhân của thắng lợi đó:

- Toàn dân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm giữ vững thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945.

- Nhờ sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối cách mạng vô cùng sáng suốt: cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, phân hoá cô lập kẻ thù, đã đưa nước nhà vượt qua thời khắc nguy hiểm, củng cố bảo vệ chính quyền cách mạng, tạo điều kiện để chuẩn bị toàn quốc kháng chiến.

Câu 3.

3.1. Công cuộc đổi mới đất nước của Đảng ta năm 1986 là một tất yếu lịch sử, bởi vì:

- Đến những năm 80 của thế kỉ XX, tình hình thế giới có những biến đổi, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu rơi vào tình trạng trì trệ rồi khủng hoảng.

- Ở Việt Nam, từ năm 1976 - 1985, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Song cách mạng cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế - xã hội. Một trong những nguyên nhân cơ bản của khó khăn, yếu kém là do mắc phải "sai lầm

nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện".

- Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm đưa đất nước vượt qua khủng hoảng và đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Tại Đại hội lần thứ VI (tháng 12-1986) của Đảng đã chủ trương đổi mới đất nước.

Như vậy, đổi mới là vấn đề tất yếu, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời là vấn đề phù hợp với xu thế chung của thời đại.

3.2. Chủ trương của Đảng ta:

* Đổi mới kinh tế:

- Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế và tạo sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế nhiều thành phần.

- Cải tạo quan hệ sản xuất, cải tạo các thành phần kinh tế lạc hậu kìm hãm sự phát triển. Cải tạo đi đôi với sử dụng và thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Cải tạo phải được coi là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kì quá độ.

- Xoá bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

- Thực hiện chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế, tích cực khai thác nguồn vốn, khai thác công nghệ, khai thác thị trường.

* Đổi mới chính trị:

- Xây dựng lại nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng của Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

- Thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, chuyên chính đối với mọi hành động xâm phạm lợi ích Tổ quốc.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng của dân tộc, phấn đấu sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hữu nghị, hợp tác, "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước".

Câu 4.

4.1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Mĩ khởi xướng Chiến tranh lạnh vì:

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ ra sức chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào cách mạng nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.

- Sự kiện được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng Chiến tranh lạnh của Mĩ là bản thông điệp của Tổng thống Truman gửi Quốc hội Mĩ ngày 12 - 3 -1947. Tổng thống Mĩ khẳng định: Sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mĩ.

- Tiếp theo đó, vào đầu tháng 6 - 1947, Mĩ đề ra "Kế hoạch Mácsan" nhằm giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh, nhằm lôi kéo các nước này vào liên minh quân sự với Mĩ để chống Liên Xô và các nước Đông Âu

- Sự kiện nữa là vào ngày 4 - 4 - 1949, Mĩ thành lập khối quân sự - tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và Đông Âu.

4.2. Những điều kiện nào đưa Chiến tranh lạnh đến chấm dứt?

- Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, xu hướng hoà hoãn Đông - Tây đã xuất hiện với những cuộc gặp gỡ thương lượng Xô - Mĩ.

+ Ngày [redacted] - 11 - 1972, hai nước Đức: Cộng hoà Dân chủ và Cộng hoà Liên bang đã kí kết tại Bon Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

+ Cũng trong năm 1972, hai siêu cường Liên Xô, Mĩ đã thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược và kí Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM), sau đó là Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (gọi tắt là SALT-1).

+ Đầu tháng 8 - 1975, 33 nước châu Âu cùng với Mĩ, Canađa đã kí kết Định ước Henxinki, khẳng định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các quốc gia như bình đẳng, chủ quyền, sự bền vững của đường biên giới, giải quyết hoà bình các tranh chấp.

- Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, hai siêu cường Xô - Mĩ đã tiến hành những cuộc gặp cấp cao, nhất là từ năm 1985 khi Goócbachốp lên cầm quyền ở Liên Xô.

- Tháng 12 - 1989, trong cuộc gặp không chính thức tại đảo Manta (Địa Trung Hải). Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goócbachốp và Tổng thống Mĩ Busơ đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 6

Câu 1. Từ nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, hãy nêu nhận xét của anh/chị về Cương lĩnh này. Cốt lõi của Cương lĩnh là gì?

Câu 2. Trình bày hình thức tổ chức và vai trò Mặt trận của riêng Việt Nam đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 3. Quân dân Việt Nam và quân dân Lào đã đoàn kết chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh của Mĩ như thế nào? Phát biểu cảm nghĩ của anh, chị về tinh thần đoàn kết đó.

Câu 4. Quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ năm 1967 đến những năm 90 của thế kỉ XX. Ý nghĩa của việc thành lập tổ chức ASEAN.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 6

Câu 1.

1.1. Nội dung cơ bản:

- Cương lĩnh xác định đường lối chiến lược cách mạng Đảng là tiến hành cuộc "*tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*".

- Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do; lập chính phủ công, nông binh; tổ chức quân đội công nông, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản động cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành mạng ruộng đất v...v..

- Lực lượng cách mạng là công - nông tiểu tư sản, trí thức. Còn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.

- Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo tuy còn vắn tắt song đây là một cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, sớm kết hợp đúng đắn về vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

1.2. Nhận xét:

- Cương lĩnh vạch rõ cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn này nối tiếp nhau. Đó là một luận điểm đúng đắn, sáng tạo, luận điểm đó phản ánh đúng đắn hoàn cảnh khách quan của Việt Nam, đồng thời cũng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

- Cương lĩnh đề ra nhiệm vụ cách mạng là chống đế quốc và chống phong kiến có mối quan hệ với nhau, nhưng nhiệm vụ chống đế quốc đặt lên hàng đầu. Đó là nội dung bao trùm cả nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, nhưng nổi bật nhất là nội dung dân tộc. Đặt nhiệm vụ dân tộc lên trên nhiệm vụ dân chủ là đúng đắn và phù hợp với hoàn cảnh của nước ta: một nước thuộc địa nửa phong kiến.

- Cương lĩnh xác định rõ lực lượng nòng cốt của cách mạng nước ta là công - nông, đồng thời thấy được các giai cấp và tầng lớp khác cũng là lực lượng cách mạng cần phải liên minh hoặc lôi kéo hay trung lập.

- Cương lĩnh khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Điều này hoàn toàn phù hợp với cách mạng nước ta, vì phải có chính đảng của giai cấp vô sản với đường lối cách mạng đúng đắn mới lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành thắng lợi.

- Cương lĩnh xác định: cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Điều này vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, vừa phù hợp với thực tiễn của cách mạng nước ta.

1.3. Cốt lõi của Cương lĩnh là độc lập dân tộc.

Câu 2.

2.1. Hình thức tổ chức: Mặt trận của riêng Việt Nam là Mặt trận Việt Minh. Hình thức tổ chức là liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo. Thành lập các đoàn thể cứu quốc để vận động quần chúng đấu tranh cách mạng.

2.2. Vai trò:

- Tập hợp đông đảo quần chúng, hình thành nên lực lượng chính trị cách mạng đông đảo dưới sự lãnh đạo của Đảng, động viên được sức mạnh của cả dân tộc, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, phân hoá và cô lập kẻ thù.

- Trên cơ sở phát triển các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận để hình thành và phát triển lực lượng vũ trang, chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Câu 3.

3.1. Đoàn kết chiến đấu:

- Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là chống lại cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương, vừa chiến đấu chống địch trên chiến trường, vừa đấu tranh với địch trên bàn đàm phán.

- Trong hai năm 1970 - 1971, nhân dân ta cùng với nhân dân hai nước Campuchia và Lào giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận quân sự và chính trị.

+ Trong hai ngày 24 và ngày 25 - 4 - 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia họp nhằm biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

+ Từ ngày 30 - 4 đến ngày 30 - 6 - 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với 4,5 triệu dân.

+ Từ ngày 12 - 2 đến ngày 23 - 3 - 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã tập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn - 719" chiếm giữ Đường 9 - Nam Lào của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 22.0000 địch, đuổi hết quân Mĩ và quân đội Sài Gòn khỏi Đường 9 Nam Lào, giữ hành lang chiến lược cách mạng Đông Dương.

3.2. Phát biểu cảm nghĩ: Dựa vào những sự kiện lịch sử về tinh thần đoàn kết chiến đấu của quân dân Việt - Lào để phát biểu cảm nghĩ.

Câu 4.

4.1. Quá trình phát triển:

- Trong giai đoạn đầu (1967 - 1975), ASEAN là một tổ chức non yếu, sự hợp tác trong khu vực còn trong trạng thái khởi đầu, chưa có vị trí trên trường quốc tế.

- Từ năm 1976 đến năm 1999, ASEAN có những bước tiến mới. Sự phát triển này được đánh dấu bằng Hội nghị cấp cao lần thứ nhất họp tại Bali (Inđônêxia) tháng II - 1976 với việc kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ở Đông Nam Á (gọi tắt là Hiệp ước Bali).

+ Vào thời điểm này, quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN bước đầu được cải thiện. Hai nhóm nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao và bắt đầu có các chuyến đi thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo cấp cao.

+ Năm 1984, sau khi giành được độc lập, Brunây gia nhập và trở thành thành viên thứ [redacted] của ASEAN.

+ Từ đầu những năm 90, chiến tranh lạnh chấm dứt và "vấn đề Campuchia" được giải quyết, tình hình chính trị khu vực được cải thiện căn bản, ASEAN có điều kiện mở rộng tổ chức, kết nạp thành viên mới.

+ Ngày 22 - 7 - 1992, Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Bali. Tiếp đó, tháng 7 - 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. Tháng 7 - 1997, Lào và Mianma gia nhập ASEAN, và tháng 4 - 1999, Campuchia được kết nạp vào tổ chức này.

Như vậy, từ 5 nước sáng lập ban đầu, ASEAN đã phát triển thành 10 nước thành viên. Từ đây, ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định để cùng phát triển.

4.2. Ý nghĩa:

- Tạo điều kiện cho các nước ở Đông Nam Á duy trì được nền hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Giúp cộng đồng các nước Đông Nam Á cạnh tranh với các khu vực khác trên thế giới.

- Tạo điều kiện đưa nền kinh tế các nước ở Đông Nam Á có những chuyển biến mạnh mẽ và đạt sự tăng trưởng cao, nhất là từ thập niên 70 của thế kỉ XX.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 7

Câu 1. Quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc gắn với sự chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức và sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam như thế nào? Sự kiện nào chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam ?

Câu 2. Trong điều kiện lịch sử nào ba tổ chức cộng sản ra đời ở Việt Nam năm 1929? Sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên dẫn đến thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng như thế nào?

Câu 3. Sự kiện lịch sử nào diễn ra ở miền Nam năm 1968 buộc Mĩ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Paris? Trình bày diễn biến và ý nghĩa lịch sử của sự kiện đó.

Câu 4. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế phát triển của thế giới diễn ra như thế nào?

Sự kiện nào thể hiện Chiến tranh lạnh chính thức chấm dứt?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 7

Câu 1.

1.1. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức:

- Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc lập ra *Hội liên hiệp thuộc địa* ở Paris. Năm 1922 viết báo *Người cùng khổ* và viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo, Đời sống công nhân*... và đặc biệt là cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp (năm 1925).*

- Tháng 6 - 1923, Người sang Liên Xô, dự *Hội nghị Quốc tế Nông dân*, viết bài cho báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí *Thư tín Quốc tế* của Quốc tế Cộng sản. Tháng 7 - 1924, Người dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian từ năm 1920 đến năm 1924, chủ yếu trên mặt trận tư tưởng chính trị nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta.

- Ngày 11 - 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam. Tháng 6 - 1925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc).

1.2. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam :

- Năm 1929, ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời ở Việt Nam: Đông Dương Cộng sản Đảng; An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

- Sự hoạt động riêng lẻ của ba tổ chức này gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình cách mạng, cần phải hợp nhất.

- Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản tổ chức và chủ trì hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản để đi đến thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.3. Sự kiện chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam đó là: tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Câu 2.

1.1. Điều kiện lịch sử:

- Từ cuối năm 1928 đến đầu năm 1929, phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản phát triển mạnh mẽ ở nước ta.

- Trước tình hình đó, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ khả năng lãnh đạo phong trào.

- Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải có chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo nhằm đưa phong trào tiếp tục phát triển.

- Đáp ứng ứng yêu cầu lịch sử đó, ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản trong năm 1929.

2.2. Sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ...

- Đến năm 1929, chủ nghĩa Mác - Lênin được tuyên bá sâu rộng vào Việt Nam, phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải có chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.

Cuối tháng 3 - 1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kì họp tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) lập ra Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Chi bộ mở rộng cuộc vận động để thành lập một Đảng Cộng sản nhằm thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

- Tháng 5 - 1929, Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng. Tại đại hội, đoàn đại biểu Bắc Kì đặt vấn đề thành lập ngay Đảng Cộng sản để thay thế Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, song không được đại hội chấp nhận nên đã bỏ đại hội về nước.

- Ngày 17 - 6 - 1929, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp đại hội tại số nhà 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ của Đảng, ra báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận và cử ra Ban chấp hành Trung ương của Đảng.

Câu 3.

3.1. Sự kiện diễn ra ở miền Nam năm 1968 là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968

3.2. Diễn biến: Cuộc tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng ngày 31 - 1 - 1968.

- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy diễn ra ba đợt: 30 - 1 đến 25 - 2; tháng 5 và 6; tháng 8 và 9 - 1968.

- Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công vào các vị trí đầu não của địch, như Toà đại sứ Mĩ, Dinh "Độc lập", Bộ Tổng tham mưu quân Sài Gòn, Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất.

3.2. Ý nghĩa:

- Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ").

- Mĩ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến bàn đàm phán ở Paris để bàn về chấm dứt chiến tranh.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của quân dân ta.

Câu 4.

4.1. Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt, xu thế phát triển của thế giới:

+ Trật tự thế giới "hai cực" đã sụp đổ nhưng trật tự thế giới mới lại đang trong quá trình hình thành.

+ Hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế.

+ Sự tan rã của Liên Xô đã tạo cho Mĩ một lợi thế tạm thời. Giới cầm quyền Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới mới một cực để làm bá chủ thế giới.

+ Hòa bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực tình hình lại không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài.

4.2. Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp của loài người.

4.3. Sự kiện thể hiện Chiến tranh lạnh chính thức chấm dứt: tháng 12-1989, tại đảo Manta (Địa Trung Hải) hai nhà lãnh đạo Liên Xô và Mĩ là M. Goocbachốp và G. Busơ đã chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 8

Câu 1. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam làm cho giai cấp nông dân và công nhân phân hóa như thế nào? Vì sao giai cấp công nhân Việt Nam nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

Câu 2. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, sau mỗi thắng lợi lớn trên chiến trường, Đảng ta đã có những chủ trương, quyết định nào để sớm giải phóng hoàn toàn miền Nam? Nêu ý nghĩa của chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 3. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II. Nêu những quyết định mới của Đại hội so với thời kì trước.

Câu 4. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc được đánh giá là "lá cờ đầu" của phóng trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh diễn ra như thế nào? Ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 8

Câu 1.

1.1. Giai cấp nông dân bị thống trị, bị tước đoạt ruộng đất, bần cùng hoá, phá sản, không có lối thoát. Mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam - lực lượng dân cư đông đảo - với đế quốc Pháp và tay sai hết sức gay gắt. Đó là cơ sở của sự bùng nổ các cuộc đấu tranh của nông dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

1.2. Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng đông đảo. Giai cấp công nhân Việt Nam bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ, chủ yếu là bọn đế quốc thực dân. Họ có quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân, có truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản trên thế giới nên đã nhanh chóng vươn lên để trở thành một động lực mạnh mẽ của phong trào dân tộc theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.

1.3. Vì:

- Bị bóc lột nặng nề nhất nên có tinh thần cách mạng cao nhất.
- Đại diện cho một lực lượng sản xuất tiên tiến.

- Phát huy được truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc.

- Sớm tiếp thu trào lưu tư tưởng cách mạng mới, đó là tư tưởng cách mạng vô sản.

Câu 2.

2.1. Cuối năm 1974 - đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông Xuân vào hướng Nam Bộ; quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long. Quân đội Sài Gòn phản công, nhưng thất bại. Mĩ phản ứng yếu ớt. Tình hình đó khẳng định rõ thêm nhận định của Đảng về sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của ta...

Bộ Chính trị đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976; nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975; quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên.

Chiến thắng Buôn Ma Thuột đã làm hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn, dẫn đến sai lầm về chiến lược. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút khỏi Tây Nguyên...

Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, hết sức thuận lợi, ngay khi chiến dịch Tây Nguyên còn tiếp diễn, Bộ Chính trị có quyết định kịp thời về kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam, trước mắt là mở chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng.

Sau khi chiến dịch Tây Nguyên kết thúc, cùng với thắng lợi trong chiến dịch Huế - Đà Nẵng, ta đã tiêu diệt và làm tan rã một lực lượng quan trọng của địch, làm cho chúng tiếp tục hoang mang rối loạn, mở ra thời cơ cho cách mạng miền Nam.

Bộ Chính trị nhận định thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam, phải tập trung nhanh nhất lực lượng binh khí kĩ thuật và vật chất, giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975 (trước tháng 5 - 1975). Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Những chủ trương và quyết định cuối năm 1974 - mùa Xuân năm 1975 đã thể hiện sự chỉ đạo kịp thời, linh hoạt của Đảng trong việc giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

2.2. Nêu ý nghĩa của chiến dịch Tây Nguyên:

Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên sang tổ tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

Câu 3.

3.1. Nội dung của Đại hội:

- Thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày.

- Thông qua Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam do Tổng bí thư Trường Chinh trình bày.

- Đại hội quyết định thành lập Đảng Lao động Việt Nam và đưa Đảng ra hoạt động công khai, đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của Việt Nam.

- Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương, Hồ Chí Minh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

3.2. Ý nghĩa:

- Đại hội lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi".

- Đại hội có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi ngày một lớn hơn.

3.3. Quyết định mới của Đại hội:

- Đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.

- Đưa Đảng ra hoạt động công khai.

- Mỗi nước ở Đông Dương phải có một Đảng riêng của mình.

Câu 4.

4.1. Cuộc đấu tranh giành độc lập đó là của nhân dân Cuba:

- Ngày 26 - 7 - 1953, 153 thanh niên yêu nước dưới sự chỉ huy của luật sư trẻ tuổi Phi-đen Ca-xtơ-rô đã tấn công vào pháo đài Môn-ca-đa. Cuộc tấn công không giành được thắng lợi (Phi-đen Ca-xtơ-rô bị bắt giam và sau đó bị trục xuất sang Mê-hi-cô), nhưng mở đầu cho giai đoạn đấu tranh vũ trang để giải phóng đất nước.

- Ngày 25 - 11 - 1956, Phi-đen Ca-xtơ-rô cùng 81 chiến sĩ yêu nước từ Mê-hi-cô trở về xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng rừng núi phía Tây của Cuba.

- Dưới sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân, lực lượng cách mạng đã lớn mạnh và phong trào đấu tranh lan rộng ra cả nước. Ngày 1 - 1 - 1959, chế độ độc tài bị lật đổ, cách mạng Cuba giành được thắng lợi hoàn toàn.

4.2. Ý nghĩa:

- Có tác động động viên, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trong khu vực.

- Xứng đáng là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 9

Câu 1. Tổ chức yêu nước của tầng lớp tiểu tư sản và giai cấp tư sản dân tộc ra đời trong những năm 20 của thế kỉ XX là các tổ chức nào? Nêu hoàn cảnh ra đời của các tổ chức đó.

Câu 2. Vì sao khi đưa quân đến Điện Biên Phủ, cả Pháp và Mĩ đều cho rằng đó là "Pháo đài không thể công phá"? Ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm "quyết chiến chiến lược" với địch như thế nào?

Câu 3. Trình bày những thắng lợi quyết định của quân dân ta ở hai miền Nam - Bắc từ năm 1969 đến năm 1972 buộc Mĩ phải chấp nhận kí kết Hiệp định Paris năm 1973.

Câu 4. Quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu như thế nào? Mối quan hệ Việt Nam - EU. Vì sao liên minh châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất thế giới?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 9

Câu 1.

1.1. Tổ chức yêu nước của tầng lớp tiểu tư sản và giai cấp tư sản dân tộc ra đời trong những năm 20 của thế kỉ XX là Tân Việt Cách mạng Đảng (1928) và Việt Nam Quốc dân Đảng (1927).

1.2. Hoàn cảnh:

- Tân Việt Cách mạng Đảng: Tiền thân của Tân Việt là Hội Phục Việt ra đời vào ngày 14 - 7 - 1925, do nhóm sinh viên trường Cao đẳng sư phạm Đông Dương và nhóm tù chính trị Trung Kì thành lập. Sau nhiều lần đổi tên, đến tháng 7 - 1928, Hội Phục Việt chính thức lấy tên là Tân Việt Cách mạng Đảng.

- Việt Nam Quốc dân Đảng: Thành lập ngày 25 - 12 - 1927. Hạt nhân đầu tiên của đảng là Nam đồng thư xã. Những người sáng lập: Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu...

1.3. Hoạt động:

- Tân Việt Cách mạng Đảng: Khi mới thành lập, là một tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt. Do ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện và vận động hợp nhất với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Nội bộ Tân Việt đã phân hoá thành hai khuynh hướng: khuynh hướng cải lương (đứng trên lập trường quốc gia tư sản) và khuynh hướng vô sản. Những đảng viên tích cực nhất của Tân Việt đã họp lại, chuẩn bị thành lập một đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mac-Lênin.

- Việt Nam Quốc dân Đảng: Địa bàn chủ yếu ở một số địa phương Bắc Kì. Lúc mới thành lập chưa có cương lĩnh rõ ràng. Năm 1928 và năm 1929, hai lần thay đổi chủ nghĩa. Tổ chức ám sát tên trùm mộ phu Badanh (tháng 2 - 1929) nhưng không thành, bị thực dân Pháp khủng bố trắng.

Câu 2.

2.1. Khi đưa quân đến Điện Biên Phủ, cả Pháp và Mĩ đều cho rằng đó là "Pháo đài không thể công phá" vì:

- Ngày 20 - 11 - 1953, thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Khi đến Điện Biên Phủ các tướng tá Pháp - Mĩ thấy rằng, Điện Biên Phủ là một địa bàn rất quan trọng nằm giữa cánh đồng Mường Thanh, xung quanh có núi bao bọc.

- Với vị trí địa lý của Điện Biên Phủ, về lâu dài chúng muốn biến nơi đây thành một căn cứ lục quân và không quân có tác dụng lợi hại trong âm mưu xâm lược Đông Nam Á.

- Để thực hiện ý đồ đó, Pháp cho xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh gồm 49 cụm cứ điểm được chia thành 3 phân khu: Phân khu phía Bắc, phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Hồng Cúm ở phía Nam.

- Với cách bố phòng như vậy, các tướng tá của Pháp - Mĩ đều chủ quan cho rằng Điện Biên Phủ là một "pháo đài không thể công phá".

2.2. Ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm "quyết chiến chiến lược":

- Trước sự phá sản bước đầu trong kế hoạch quân sự Nava, địch quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh ở Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành một "pháo đài không thể công phá", "một vecdoong" của thế kỉ XX "một con

nhím khổng lồ" ở rừng núi Tây Bắc. Và biến Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch Nava. Vì vậy, muốn kết thúc chiến tranh phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

- Vào ngày [redacted] - 12 - 1953, Trung ương Đảng đã họp và nhận định: Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng thế yếu của địch ở Điện Biên Phủ dễ bị cô lập, chỉ tiếp tế được bằng đường không, nếu ta cắt đứt đường hàng không, địch sẽ rơi vào thế "tử lộ".

- Quân đội ta đã trưởng thành và có kinh nghiệm có thể đánh địch ở tập đoàn cứ điểm.

- Hậu phương của ta đã vững mạnh, có thể khắc phục những khó khăn đảm bảo chi viện cho chiến trường.

Trên cơ sở phân tích tình hình, Trung ương Đảng đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành điểm "quyết chiến chiến lược giữa ta và địch".

Câu 3.

3.1. Thắng lợi quyết định ở miền Nam: cuộc tiến công chiến lược năm 1972

- Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong hai năm 1970 - 1971, quân ta mở đợt tiến công chiến lược bắt đầu từ ngày 30 - 3 - 1972. Mở đầu, quân ta đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển ra khắp chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972.

- Thắng lợi này đã tạo bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, giáng đòn mạnh vào quân nguỵ (công cụ chủ yếu) và quốc sách "bình định" (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh").

3.2. Thắng lợi quyết định ở miền Bắc: đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ

- Cuối năm 1972, Mĩ tăng cường hơn nữa hoạt động chiến tranh chống phá miền Bắc. Ngày 14 - 12 - 1972, chính quyền Nich-xơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến đấu B52 lớn chưa từng có vào Thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng, với mưu toan cho nhân dân ta những thiệt hại về người và của đến mức không chịu đựng được phải khuất phục.

- Cuộc tập kích diễn ra 24/24 giờ trong ngày, bắt đầu từ chiều tối ngày 18 - 12 - 1972 đến hết ngày 29 - 12 - 1972. Trong 12 ngày đêm, Mĩ đã rải xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số mục tiêu phía Bắc vĩ tuyến 20 một khối lượng bom đạn trên 10 vạn tấn (riêng Hà Nội 4 vạn tấn). với sức công phá bằng 5 quả bom nguyên tử ném xuống Nhật Bản năm 1945.

- Quân dân ta ở miền Bắc làm nên trận thắng "Điện Biên Phủ trên không" buộc Mĩ phải kí hiệp định Pa-ri tháng 1 - 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

Câu 4.

4.1. Quá trình hình thành và phát triển:

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với xu thế toàn cầu hoá, khuynh hướng liên kết khu vực cũng diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, mà tiêu biểu là quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

- Ngày 18 - 4 - 1951, Hiệp ước Paris được kí kết giữa 6 nước Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua để thành lập Cộng đồng than - thép châu Âu.

- Ngày 25 - 3 - 1957, sáu nước kí Hiệp ước Rôma thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC).

- Ngày 1 - 7 - 1967 ba tổ chức trên hợp nhất thành "Cộng đồng châu Âu" (EC).

- Đến ngày 7 - 12-1991 các nước thành viên EEC đã kí tại Hà Lan bản Hiệp ước Maxtrich, có hiệu lực từ ngày 1-1-1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) với 15 nước thành viên.

- Ngày 1 - 5 - 2004, kết nạp thêm 10 thành viên Đông Âu, nâng tổng số thành viên EU lên 25 nước.

- EU ra đời không chỉ nhằm hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn liên minh trong lĩnh vực chính trị (như xác định luật công dân châu Âu, chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hiến pháp chung...).

4.2. Mối quan hệ giữa Việt Nam với EU:

- Tháng 10 - 1990, EU thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

- Tháng 7 - 1995, EU và Việt Nam kí Hiệp định Hợp tác toàn diện.

4.3. Nói Liên minh châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất thế giới vì:

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với xu thế toàn cầu hoá, khuynh

hướng liên kết khu vực cũng diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, mà tiêu biểu là quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

- Từ lúc mới thành lập (1957), Liên minh châu Âu chỉ có 6 nước, đến năm 1995, EU đã phát triển thành 15 nước thành viên. đến năm 2004, EU kết nạp thêm 10 nước; đến năm 2007, thêm 2 nước nữa, nâng số thành viên lên 27 quốc gia.

- EU ra đời không chỉ nhằm hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn liên minh trong lĩnh vực chính trị (như xác định luật công dân châu Âu, chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hiến pháp chung...).

Chính vì sự ra đời và ngày càng phát triển mạnh mẽ như vậy nên Liên minh châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất thế giới.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 10

Câu 1. Khi về đến Quảng Châu - Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức nào để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam ? Ý nghĩa sự ra đời và vai trò Nguyễn Ái Quốc đối với tổ chức đó.

Câu 2. Vì sao Nhật bất ngờ làm cuộc đảo chính Pháp ngày 9 - 3 - 1945? Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trước tình thế đó. Anh, chị hiểu Chỉ thị: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" như thế nào?

Câu 3. Hãy nêu những nét chính về cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ sau ngày 2 - 9 - 1945 đến trước ngày 6 - 3 - 1946.

Câu 4. Những điểm khác nhau cơ bản của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi với khu vực Mĩ - Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Vì sao có sự khác nhau đó?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 10

Câu 1.

1.1. Khi về đến Quảng Châu - Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc liên hệ với những thanh niên yêu nước trong tổ chức Tâm tâm xã rồi đi đến thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 6 - 1925) để thông qua tổ chức đó, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam.

1.2. Ý nghĩa của việc thành lập Hội:

Thông qua hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chủ nghĩa Mác - Lênin lần lượt được truyền bá vào trong nước, có tác dụng thúc đẩy phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ.

- Việc thành lập Hội là sự chuẩn bị về tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.3. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc:

- Sáng lập và lãnh đạo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

- Vạch ra mục đích và chương trình hoạt động của Hội.

- Mở các lớp huấn luyện để trang bị chủ nghĩa Mác - Lênin cho những thành viên của Hội.

- Xuất bản báo Thanh niên và tác phẩm Đường Kách mệnh làm cơ sở lí luận cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước.

Câu 2.

2.1. Nhật đảo chính Pháp ngày 9 - 3 - 1945 vì :

- Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, Đức liên tiếp thất bại, Nhật khốn đốn.

- Thủ đô Paris được giải phóng, Chính phủ Đờ Gôn về Paris. Thực dân Pháp ở Đông Dương ráo riết hoạt động chờ đợi quân Đồng minh.

- Tình thế trên buộc Nhật phải đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương, không cho Pháp ngóc đầu dậy.

2.2. Chủ trương của Đảng:

- Đang lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh), ngày 12 - 3 - 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Bản chỉ thị nhận định: cuộc đảo chính đã tạo nên sự khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng những điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi. Phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương. Khẩu hiệu "Đánh đuổi Pháp - Nhật" được thay bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật".

- Hình thức đấu tranh từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị đến biểu tình, thị uy, vũ trang, du kích và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.

- Hội nghị chủ trương phát động "*Cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa*".

2.3. Thực hiện chủ trương đó:

- Vùng thượng du và trung du Bắc Kì: Chiến tranh du kích được đẩy mạnh. Việt Nam giải phóng quân ra đời. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc cho cả nước.

- Vùng đô thị: Mít tinh, biểu tình, diễn thuyết, các đội danh dự Việt Minh trừ khử Việt gian nguy hiểm.

- Bắc Kì và Bắc Trung Kì: Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói.

- Các nhà lao: Chiến sĩ cộng sản vượt ngục... Tù chính trị Ba Tơ nổi dậy đánh chiếm đồn giặc, lập chính quyền cách mạng và đội du kích Ba Tơ.

- Cao trào kháng Nhật, cứu nước biến thành cao trào tiền khởi nghĩa, đã tạo nên một khí thế sẵn sàng Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

2.4. Hiểu như thế nào.

Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" được hiểu rằng, ở nơi nào, địa phương nào Nhật nổ súng đảo chính Pháp thì nơi đó, địa phương đó dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đứng lên đánh Nhật.

Câu 3.

3.1. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ:

- Đêm 22 rạng ngày 23 - 9 - 1945, Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban nhân dân Nam Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tiến hành tổng bãi công, bãi thị, bãi khoá, tập kích quân Pháp...

- Quân Pháp được tăng viện, đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ.

- Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến.

3.2. Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng:

- Sách lược đấu tranh của ta đối với quân Tưởng và bọn tay sai: Hoà hoãn, tránh xung đột, giao thiệp thân thiện và lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị với quân Tưởng một cách khôn khéo, đồng thời kiên quyết trừng trị bọn tay sai. Bằng cách cho bọn tay sai của Tưởng 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và một số ghế Bộ trưởng trong chính phủ Liên hiệp.

- Cho Tưởng một số quyền lợi trước mắt về kinh tế.

- Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng.

Câu 4.

4.1. Nét khác nhau:

- Châu Á, châu Phi đấu tranh chống lại bọn đế quốc thực dân và bọn tay sai để giải phóng dân tộc, giành lại độc lập và chủ quyền.

- Khu vực Mĩ La-tinh đấu tranh chống lại các thế lực thân Mĩ để thành lập các chính phủ dân tộc, dân chủ qua đó giành lại độc lập và chủ quyền dân tộc.

4.2. Có sự khác nhau đó vì:

- Châu Á, châu Phi là thuộc địa, nửa thuộc địa hoặc phụ thuộc vào chủ nghĩa tư bản, độc lập và chủ quyền đã bị mất, nên nhiệm vụ đấu tranh là giành lại độc lập và chủ quyền đã bị mất.

- Khu vực Mĩ - Latinh vốn là những nước Cộng hoà độc lập, nhưng thực tế là thuộc địa kiểu mới của Mĩ, nên nhiệm vụ đấu tranh là chống lại các thế lực thân Mĩ để thành lập các Chính phủ dân tộc dân chủ, qua đó giành lại độc lập và chủ quyền của dân tộc.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 11

Câu 1. Qua thời kì cao trào cũng như thoái trào, vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện như thế nào?

Câu 2. Liên hiệp quốc thành lập nhằm mục đích gì? Hãy nêu những hoạt động của Liên hiệp quốc mà em biết.

Câu 3. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng ta đã vận dụng những bài học kinh nghiệm gì từ phong trào cách mạng 1930 - 1931 và phong trào dân chủ 1936 - 1939?

Câu 4. Ý nghĩa thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền thời kì từ tháng [redacted] - 1945 đến tháng 12 năm 1946?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 11

Câu 1.

1.1. Thời kì cao trào: Đảng là người phát động và lãnh đạo phong trào:

+ Phong trào được sự chỉ đạo thống nhất của Đảng nổ ra từ Bắc chí Nam, ở cả công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu.

+ Mục tiêu đấu tranh: Không chỉ đòi quyền lợi cho công nhân, nông dân, các tầng lớp khác mà còn tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới. Tiêu biểu là cuộc biểu tình ngày 1-5-1930.

+ Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cao trào đấu tranh đã nhằm vào hai kẻ thù chính của dân tộc là đế quốc Pháp và bọn phong kiến.

+ Hình thức đấu tranh: Kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị là chủ yếu.

1.2. Thời kì thoái trào:

Tuy bị thực dân Pháp đàn áp khủng bố dã man, phong trào tạm lắng xuống, các cơ sở đảng bị phá vỡ, song sức sống của Đảng không thể bị tiêu diệt. Vai trò lãnh đạo của Đảng vẫn được giữ vững và luôn đi đầu trong chống khủng bố, tuyên truyền giác ngộ, gây dựng lại cơ sở của Đảng và quần chúng.

+ Đấu tranh ở trong tù của các đảng viên cộng sản.

+ Gây dựng lại cơ sở và phong trào quần chúng.

+ Lợi dụng các diễn đàn công khai để tuyên truyền cổ động quần chúng theo các khẩu hiệu của Đảng.

+ Thành lập Ban lãnh đạo của Đảng và ra chương trình hành động để phát động quần chúng đấu tranh.

Câu 2.

2.1. Mục đích: duy trì hoà bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành sự hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

2.2. Những hoạt động: Để tiến hành các hoạt động của mình, trước hết Liên hiệp quốc phải thành lập các cơ quan của Liên hiệp quốc.

+ Đại hội đồng: Gồm tất cả các nước thành viên, có quyền hành rộng rãi. Mỗi năm Đại hội đồng họp một kì để thảo luận tất cả các vấn đề hoặc công việc thuộc phạm vi Hiến chương quy định.

+ Hội đồng Bảo an: Là cơ quan giữ vai trò trọng yếu hàng đầu trong việc duy trì hoà bình an ninh thế giới.

+ Hội đồng Kinh tế và Xã hội: Là một cơ quan lớn gồm 54 thành viên với nhiệm kì 3 năm, có nhiệm vụ nghiên cứu, báo cáo và xúc tiến việc hợp tác quốc tế về các mặt kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, y tế, nhân đạo... nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các dân tộc.

+ Hội đồng Quản thác: Là cơ quan giúp Đại hội đồng kiểm soát việc thi hành chế độ quản thác ở các lãnh thổ mà Liên hợp quốc uỷ quyền cho một số nước quản lí.

+ Toà án Quốc tế: Là cơ quan tư pháp chính của Liên hợp quốc có nhiệm vụ giải quyết các tranh chấp giữa các nước trên cơ sở luật pháp quốc tế. Toà án Quốc tế gồm 15 thẩm phán có 15 quốc tịch khác nhau, nhiệm kì 9 năm.

+ Ban Thư kí: Cơ quan hành chính - tổ chức của Liên hợp quốc, đứng đầu là Tổng thư kí với nhiệm kì 5 năm. Đến năm 2003, Liên hợp quốc có 191 quốc gia thành viên.

Từ tháng 9 -1977, Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

- Có thể nêu một số tổ chức của Liên hiệp quốc đang hoạt động tại Việt Nam: Chương trình phát triển kinh tế (UNDP), Quỹ Nhi đồng (UNICEF), Quỹ hoạt động dân số (UNFPA), Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp (FAO), Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục (UNESCO), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)...

Câu 3.

3.1. Vận dụng bài học kinh nghiệm trong phong trào cách mạng 1930 - 1931:

+ Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng. Đây là bài học cơ bản nhất bởi vì, trong suốt quá trình chuẩn bị và tiến hành Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, Đảng ta đứng đầu là Hồ Chí Minh đã đề ra những chủ trương sáng suốt, kịp thời, đúng đắn.

+ Bài học về thực hiện liên minh công - nông: Trong quá trình diễn ra Cách mạng tháng Tám, lực lượng cách mạng hăng hái và đông đảo nhất là công nhân và nông dân, những người góp phần viết nên trang sử vàng của Cách mạng tháng Tám.

+ Bài học về sử dụng bạo lực để giành chính quyền: Cách mạng tháng Tám đi từ đấu tranh chính trị đến khởi nghĩa vũ trang để giành chính quyền trong toàn quốc, trong đó khởi nghĩa vũ trang giữ vai trò quyết định.

+ Bài học về xây dựng chính quyền nhà nước: Khi Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng và Chính phủ đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Bài học về công tác mặt trận: Để tiến tới Cách mạng tháng Tám, Đảng ta đã cho xây dựng mặt trận nhằm đoàn kết các lực lượng yêu nước chống kẻ thù của dân tộc và chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Đó là Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (1939) và Mặt trận Việt Minh (1941).

3.2. Vận dụng bài học kinh nghiệm từ phong trào dân chủ 1936 - 1939:

+ Bài học về tập hợp lực lượng chính trị của đông đảo quần chúng: Cách mạng tháng Tám nổ ra và giành thắng lợi, bên cạnh lực lượng vũ trang còn có lực lượng chính trị của quần chúng đã chuẩn bị sẵn sàng, khi có lệnh Tổng khởi nghĩa là họ nhất tề vùng dậy.

+ Bài học về sử dụng hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú: Cách mạng tháng Tám là cuộc cách mạng bạo lực, ở đó kết hợp được nhiều hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú như vũ trang khởi nghĩa, mít tinh, biểu tình, tuần hành,... để đánh chiếm các trụ sở của địch, giải tán chính quyền địch.

Câu 4.

4.1. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thời kì từ tháng 9 - 1945 đến 12 - 1946 là thắng lợi to lớn và có ý nghĩa cực kì quan trọng:

+ Trên lĩnh vực xây dựng đất nước, những kết quả trong năm đầu của chế độ dân chủ cộng hoà về kinh tế, tài chính, văn hóa, góp phần tăng thêm sức mạnh cho Nhà nước ta trong cuộc đấu tranh nhằm đánh bại âm mưu của Trung Hoa Dân quốc, chi viện tích cực cho Nam Bộ đánh thực dân Pháp và chuẩn bị thế lực cho nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc.

+ Trên lĩnh vực bảo vệ chính quyền cách mạng giữ vững nền độc lập dân tộc, những thắng lợi của toàn Đảng, toàn dân ta lại càng có ý nghĩa lớn lao. Với thắng lợi này nhân dân ta đã vượt qua những khó khăn thử thách hiểm nghèo nhất. Thắng lợi này còn chứng tỏ rằng nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đủ khả năng giữ vững chính quyền cách mạng.

+ Thắng lợi này có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, góp phần tăng thêm sức mạnh của các lực lượng cách mạng thế giới trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc.

4.2. Những bài học kinh nghiệm:

+ Bài học về việc biết dựa vào sức mạnh của quần chúng nhân dân, biết phát huy cao độ sức mạnh sáng tạo của quần chúng nhân dân.

+ Bài học về biết lợi dụng và khai thác triệt để mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, xác định đúng kẻ thù chủ yếu, trước mắt, cô lập và tập trung lực lượng đánh đúng kẻ thù.

+ Bài học về biết tranh thủ khả năng hòa bình và phương pháp đàm phán thương lượng để giữ vững và phát triển lực lượng cách mạng, đồng thời phải luôn chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan rộng quyết liệt và kéo dài.

+ Bài học về việc kết hợp giữa nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, xây dựng đi đôi với bảo vệ Tổ quốc.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 12

Câu 1. Căn cứ vào tình hình như thế nào mà Đảng Cộng sản Đông Dương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết? Ý nghĩa và tầm quan trọng của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5 - 1941).

Câu 2. Điều kiện Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra như thế nào? Đảng ta đã nhanh chóng chớp thời cơ phát động quần chúng khởi nghĩa ra sao?

Câu 3. Đảng ta đã căn cứ vào điều kiện thời cơ như thế nào để đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam? Nội dung của kế hoạch đó.

Câu 4. Sự ra đời của "Kế hoạch Mácsan" và sự thành lập khối quân sự NATO đã tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa như thế nào?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 12

Câu 1.

1.1. Tình hình Thế giới:

Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bước sang năm thứ ba, sau khi chiếm phần lớn Châu Âu, phát xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô, Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc, chuẩn bị chiến tranh Thái Bình Dương.

1.2 Trong nước:

- Nhật nhảy vào Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn từng bước để biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của chúng.

- Nhân dân Đông Dương phải chịu hai tầng áp bức, bóc lột của Pháp - Nhật, mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc, phát xít Pháp - Nhật phát triển gay gắt, vận mệnh các dân tộc Đông Dương nguy vong hơn bao giờ hết.

- Nhân dân Đông Dương ngày càng cách mạng hóa, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9 - 1940), Nam Kì (11 - 1940) và cuộc binh biến Đô Lương (1 - 1941).

- Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương, ngày 28 - 1 - 1941 Nguyễn Ái Quốc về nước và triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII, họp từ ngày 10 đến 19 - 5 - 1941 tại Pác Bó (Cao Bằng) chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.

1.3. Ý nghĩa:

Hội nghị Trung ương lần thứ 8 có ý nghĩa lịch sử to lớn - đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng đề ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11 - 1939).

+ Kiên quyết giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp thiết hơn bao giờ hết.

+ Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến.

+ Đề ra phương pháp cách mạng cụ thể: tích cực chuẩn bị lực lượng để khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa.

1.4. Tầm quan trọng của Hội nghị:

+ Động viên toàn Đảng, toàn dân tích cực chuẩn bị tiến tới Cách mạng tháng Tám.

+ Với chủ trương của Hội nghị, Mặt trận Việt Minh ra đời, qua đó Đảng xây dựng được khối đoàn kết toàn dân vững chắc. Tiếp đó ,lực lượng vũ trang lần lượt ra đời, căn cứ địa cách mạng thành lập, phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Câu 2.

2.1. Điều kiện:

- Sau khi tiêu diệt hoàn toàn phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô bắt đầu tiến công quân Nhật. Ngày 9-8-1945, Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.

- Ngày 14 - 8 - 1945, Hội đồng tối cao chiến tranh và Nội các Nhật họp thông qua quyết định đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Trưa ngày 15 - 8 - 1945, Nhật hoàng chính thức tuyên bố đầu hàng trên đài phát thanh của Nhật.

- Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim cùng các hạng tay sai của Nhật hoang mang. Điều kiện khách quan có lợi cho tổng khởi nghĩa đã đến.

2.2. Chớp thời cơ của Đảng:

- Ngay từ ngày 13 - 8 - 1945, khi nhận được những thông tin về Nhật đầu hàng, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập *Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc*. 23 giờ cùng ngày Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc ban bố "*Quân lệnh số 1*" chính thức phát lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Từ ngày 14 đến ngày 15 - 8 - 1945 *Hội nghị toàn quốc của Đảng* họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

- Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 17 - 8 - 1945, *Đại hội quốc dân* được triệu tập ở Tân Trào. Đại hội tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa của Đảng và thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra *Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam* do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh làm Quốc kì, bài hát Tiến quân ca làm Quốc ca.

Câu 3.

3.1. Thời cơ cách mạng xuất hiện:

+ Với Hiệp định Pari năm 1973, ta đã "*đánh cho Mĩ cút*". Ngày 29 - 3 - 1973, toán lính Mĩ cuối cùng đã rút khỏi nước ta. Nhưng Mĩ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự, lập ra Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

+ Được cố vấn Mĩ chỉ huy và nhận viện trợ của Mĩ, chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari, chúng huy động gần như toàn bộ lực lượng tiến hành chiến dịch "*tràn ngập lãnh thổ*", liên tiếp mở những cuộc hành quân "*bình định - lấn chiếm*" vùng giải phóng. Đây thực chất là hành động tiếp tục chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Nichxơn.

+ Về phía ta, việc kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, việc quân đội xâm lược Mĩ rút khỏi nước ta, đã tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ở miền Nam.

+ Cuối năm 1974 đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân vào hướng Nam Bộ, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long vào ngày 6 - 1 - 1975. Với chiến thắng Phước Long ta đã làm cho quân đội Sài Gòn ngày càng bất lực trong chiến đấu và thấy rõ khả năng can thiệp bằng quân sự của Mĩ rất hạn chế. Đó là điều kiện để quân ta tiến lên giành thắng lợi cuối cùng trong sự nghiệp chống Mĩ cứu nước.

3.2. Khi thời cơ xuất hiện, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976. Tuy nhiên, Bộ Chính trị nhấn mạnh "*cả năm 1975 là thời cơ*" và chỉ rõ "*nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*". Bộ chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Câu 4.

- Những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã vươn lên thành một nước tư bản giàu mạnh nhất, vượt xa các nước tư bản khác, nắm độc quyền vũ khí nguyên tử. Mĩ tự cho mình có quyền lãnh đạo thế giới - như Tổng thống Truman công khai tuyên bố: "Ngày nay Hoa [redacted] là một quốc gia mạnh, không có một quốc gia nào mạnh hơn... Điều đó có nghĩa là với sức mạnh như thế, chúng ta có nghĩa vụ nắm quyền lãnh đạo thế giới".

- Sự kiện được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng chiến tranh lạnh của Mĩ là bản thông điệp của Tổng thống Truman gửi Quốc hội Mĩ ngày 12 - 3 - 1947. Trong đó, Tổng thống Mĩ khẳng định: sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mĩ và đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho hai nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì. Đó là học thuyết Truman.

- Nhưng học thuyết Truman vừa ra đời đã vấp phải sự phản đối của thế giới vì bản chất chống cộng của nó.

- Vào đầu tháng 6 - 1947, Mĩ đề ra "Kế hoạch Mácsan" với khoản viện trợ khoảng 17 tỉ USD để giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh. Ngày 4 - 4 - 1949, Mĩ thành lập khối quân sự - Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Như vậy, "Kế hoạch Mácsan" và khối quân sự NATO đã tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 13

Câu 1. Vì sao phong trào cách mạng trong nửa đầu năm 1930 của toàn quốc và riêng ở Nghệ - Tĩnh đã lên cao như vậy?

Câu 2. Hãy lập bảng so sánh về tên gọi, nhiệm vụ và lực lượng tham gia các tổ chức mặt trận thống nhất của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930 - 1945?

Tên gọi	Nhiệm vụ	Lực lượng tham gia
Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương. Tháng 3 - 1938 là Mặt trận dân chủ Đông Dương	....	....
Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (11 - 1939)	....	....
Mặt trận Việt Minh (19 - 5 - 1941)	....	....

Câu 3. Những thắng lợi của quân dân miền Nam sau Hiệp định Pari như thế nào? Tác dụng của nó đối với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Câu 4. Những mục tiêu trong chính sách đối ngoại của Mĩ dưới thời Tổng thống Clintơn là gì?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 13

Câu 1.

1.1. Nguyên nhân làm phong trào cách mạng bùng nổ mạnh mẽ trong toàn quốc:

* Về kinh tế:

Do bị đế quốc và phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, thêm vào đó từ năm 1929-1933 thế giới lại diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế của tư bản chủ nghĩa, làm cho đời sống của nhân dân ta vốn đã khốn khổ càng thêm khốn khổ. Mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt, khiến cho nhân dân ta nhận thấy chỉ còn một con đường là vùng lên đấu tranh chống ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, thoát khỏi cuộc đời trâu ngựa.

* Về chính trị:

Đầu năm 1930 cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân Đảng bùng nổ và thất bại. Lợi dụng cơ hội này bọn đế quốc tiến hành khủng bố trắng đối với cách mạng. Hàng nghìn người bị bắt, tra tấn, tù đày. Tình hình đó làm cho không khí chính trị ở Đông Dương vốn đã căng thẳng lại càng thêm căng thẳng.

*Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời:

Cũng vào đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đề ra hai khẩu hiệu chiến lược: "Độc lập dân tộc"và "Ruộng đất dân cày". Hai khẩu hiệu này đã đáp ứng nguyện vọng đại đa số nhân dân, nhất là nông dân. Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh chống đế quốc Pháp và phong kiến tay sai giành độc lập, tự do.

Từ ba nguyên nhân ấy dẫn tới sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở nước ta. Trong ba nguyên nhân trên việc Đảng ra đời và lãnh đạo là nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào.

1.2. Phong trào ở Nghệ - Tĩnh lên cao tại vì:

Bên cạnh những nét chung, Nghệ - Tĩnh có những nét riêng:

+ Chịu ách thống trị của đế quốc và phong kiến rất nặng nề và lại là vùng đất nghèo.

+ Nhân dân Nghệ - Tĩnh có truyền thống cách mạng.

+ Cơ sở công nghiệp Vinh- Bến Thủy là trung tâm kĩ nghệ lớn nhất Trung Kì, là điều kiện thuận lợi cho liên minh công nông.

+ Các tổ chức Cộng sản và cơ sở Đảng ở đây khá mạnh.

Câu 2.

Tên gọi	Nhiệm vụ	Lực lượng tham gia
Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương. Tháng 3 - 1938 là Mặt trận dân chủ Đông Dương	Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.	Tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và dân chủ trong xã hội, kể cả địa chủ yêu nước, quan lại tiến bộ, các nho sĩ, các nhà tu hành, những người Pháp dân chủ ở Đông Dương.
Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (11 - 1939)	Chống thực dân Pháp, phát xít Nhật làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. Tạm gác nhiệm vụ giai cấp.	Tất cả các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, đảng phái làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc.
Mặt trận Việt Minh (19 - 5 - 1941)	Tập hợp quần chúng, xây dựng, chuẩn bị lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ địa cách mạng. Lãnh đạo phong trào kháng Nhật cứu nước. Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám đánh đuổi phát xít Nhật, giành chính quyền.	Bao gồm nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, tôn giáo hay chủng tộc. Tập hợp lực lượng quần chúng từ thành thị đến nông thôn.

Câu 3.

3.1. Thắng lợi của quân dân miền Nam:

Tháng 7 - 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21. Hội nghị nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn hiện tại là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hội nghị nhấn mạnh trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối năm 1973 quân dân ta ở miền Nam vừa kiên quyết đánh trả địch, bảo vệ vùng giải phóng, vừa chủ động mở những cuộc tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng.

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân vào hướng Nam Bộ, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long.

Sau chiến thắng này của ta, chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh và đưa quân chiếm lại, nhưng đã thất bại. Còn Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực từ xa đe doạ.

Phối hợp với đấu tranh quân sự, nhân dân ta ở miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao nhằm tố cáo hành động của Mĩ và chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định, phá hoại hoà bình, hoà hợp dân tộc, nêu cao tính chất chính nghĩa cuộc chiến đấu của nhân dân ta; đòi lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, thực hiện các quyền tự do, dân chủ...

3.2. Tác dụng:

+ Những thắng lợi về quân sự, chính trị, ngoại giao đã làm cho thế và lực giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta: Lực lượng của ta ngày càng lớn mạnh, lực lượng địch đã suy yếu cả về chính trị, tinh thần và sức chiến đấu. Tất cả điều đó làm cho thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam nhanh chóng chín muồi.

+ Vùng giải phóng được xây dựng vững mạnh đã đảm bảo yêu cầu của hậu phương tại chỗ phục vụ cho Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975.

Câu 4.

- Chính quyền B.Clinton "cố gắng ứng dụng ba giá trị: cơ hội, trách nhiệm và cộng đồng để vượt qua những thử thách". Theo đó, chính quyền cố gắng tạo cơ hội thêm nhiều việc làm, mở rộng thị trường và tập trung đầu tư cho con người; đồng thời đòi hỏi việc nâng cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, của chính phủ và của toàn xã hội trên cơ sở đoàn kết cộng đồng gia đình, láng giềng, dân tộc.

- Trong bối cảnh chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự thế giới mới chưa định hình, ở thập niên 90 Mĩ đã triển khai chiến lược "Cam kết và mở rộng" với ba trụ cột chính là:

+ Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh và sẵn sàng chiến đấu cao.

+ Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh nền kinh tế Mĩ.

+ Sử dụng khẩu hiệu "dân chủ" ở nước ngoài như một công cụ can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.

- Với sức mạnh kinh tế, quân sự, khoa học - kĩ thuật của mình, trong bối cảnh Liên Xô tan rã, Mĩ có tham vọng thiết lập một trật tự thế giới "đơn cực" trong đó Mĩ là siêu cường duy nhất đóng vai trò chi phối và lãnh đạo.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 14

Câu 1. Diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ tháng 9 - 1939 đến tháng 6 - 1941 và tác động của chúng đối với Việt Nam.

Câu 2. Hội nghị lần thứ 6 (tháng 11 - 1939) và Hội nghị lần thứ 8 (tháng 5 - 1941) Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận thống nhất như thế nào?

Câu 3. Hãy nêu chiến thắng mở màn và chiến thắng quyết định của quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

Câu 4. Quân dân miền Bắc đã đánh bại cuộc tập kích bằng không quân của Mĩ cuối năm 1972 như thế nào? Kết quả và ý nghĩa.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 14

Câu 1. Diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ tháng 9 - 1939 đến tháng [redacted] - 1941 và tác động của chúng đối với Việt Nam:

1.1. Ngày 1-9-1939, Đức xâm chiếm Ba Lan; ngày 3-9-1939 Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Đức nhanh chóng đánh chiếm các nước Tây Âu, trong đó có nước Pháp. Tháng 6-1940, chính phủ Pháp đầu hàng Đức. Cuối năm 1940 đầu năm 1941, Đức mở rộng chiếm đóng các nước Đông và Nam Âu cùng bán đảo Ban Căng. Tháng 6-1941 phát xít Đức tấn công Liên Xô.

1.2. Ở Viễn Đông, quân phiệt Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc. Mùa thu 1940, phát xít Nhật vào Đông Dương, từng bước biến Đông Dương thành căn cứ chiến tranh và thuộc địa của chúng.

2.1. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào cách mạng của nhân dân ta, thực hiện chính sách "kinh tế chỉ huy", vơ vét của cải, huy động sức người phục vụ cho chiến tranh đế quốc.

2.2. Thực dân Pháp đã nhanh chóng câu kết với Nhật áp bức nhân dân các nước Đông Dương. Mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Đông Dương với đế quốc phát xít Pháp - Nhật là mâu thuẫn chủ yếu, gay gắt nhất. Giải phóng các dân tộc Đông Dương khỏi ách thống trị của Pháp - Nhật trở thành nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách nhất.

Câu 2.

2.1. Để giành độc lập, phải tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận thống nhất, Hội nghị lần thứ 6 (tháng 11-1939) của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

2.2. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc, kể cả các cá nhân yêu nước ở Đông Dương, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu trước mắt là chủ nghĩa đế quốc phát xít, giành lại độc lập dân tộc hoàn toàn cho các dân tộc ở Đông Dương.

2.3. Hội nghị lần thứ 8 (tháng 5-1941) của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc, tập hợp lực lượng, xây dựng mặt trận thống nhân dân tộc cho từng nước ở Đông Dương. Ở Việt Nam, Đảng ta thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh).

Câu 3. Chiến thắng mở màn và chiến thắng quyết định của quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ:

3.1. Mở màn là chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18 - 8 - 1965, sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay. Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ và quân đồng minh, mở đầu cao trào "*Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt*" trên khắp miền Nam.

3.2. Chiến thắng quyết định là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968:

Bước vào mùa xuân 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô. Năm 1968 ta lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống (1968), ta chủ trương mở một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là đô thị, nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài, Gòn giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mĩ phải đàm phán, rút quân về nước.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng ngày 31 - 1 - 1968 (đêm giao thừa Tết Mậu Thân).

Từ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, có thêm nhiều lực lượng mới chống Mĩ, chống chính quyền Sài Gòn xuất hiện, mặt trận đoàn kết dân tộc, chống Mĩ cứu nước được mở rộng. Tổ chức *Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ hoà bình ở* Sài Gòn, Huế và toàn miền Nam, đại diện cho tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc tiến bộ ở thành thị được thành lập.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng. Nhưng do lực lượng địch còn đông (hơn nửa triệu lính Mĩ và đồng minh, gần 1 triệu quân đội Sài Gòn) cơ sở ở thành thị mạnh, nên

chúng đã nhanh chóng tổ chức lại lực lượng phản công. Quân ta gặp không ít khó khăn và tổn thất. Quân cách mạng vào chiếm giữ thành phố trong đợt 1 bị đẩy ra ngoài.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của quân dân ta.

Câu 4.

- Ngày [redacted] - 4 - 1972, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi thuộc khu IV cũ. Ngày 16 - 4 - 1972, Nichxơn tuyên bố chính thức gây ra cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai); đến ngày 9 - 5 - 1972, tuyên bố phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

- Nhờ được chuẩn bị trước và với tư thế luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, miền Bắc đã có thể chủ động, kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu.

- Ngày 14 - 12 - 1972, gần 2 tháng sau khi tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, để hỗ trợ cho mưu đồ chính trị - ngoại giao mới, Nichxơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng bắt đầu từ chiều tối 18 đến hết ngày 29 - 12 - 1972.

- Quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích không quân của Mĩ, làm nên trận "*Điện Biên Phủ trên không*".

* Kết quả: Ta đã bắn rơi 81 máy bay (trong đó 34 máy bay B52, 5 máy bay F111), bắt sống 43 phi công Mĩ. Tính chung, trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (từ ngày 6-4-1972 đến ngày 15 - 1 - 1973), miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mĩ (trong đó có 61 máy bay B52, 10 máy bay F111), bắn chìm 125 tàu chiến, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công Mĩ.

* Ý nghĩa: "*Điện Biên Phủ trên không*" là trận thắng quyết định của ta, đã buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc (ngày 15 - 1 - 1973) và đi đến kí Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (ngày 27 - 1 - 1973).

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 15

Câu 1. Trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930, Người đã có những cống hiến to lớn như thế nào? Phân tích một cống hiến to lớn nhất.

Câu 2. Những nhân tố chủ quan nào đưa Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam giành được thắng lợi. Phân tích một nhân tố quyết định nhất.

Câu 3. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975, chiến dịch nào mở màn cho cuộc Tổng tiến công ấy? Vì sao? Ý nghĩa của chiến dịch đó.

Câu 4. Xu thế toàn cầu hoá được biểu hiện trong những lĩnh vực nào? Vì sao nói: Toàn cầu hoá vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA SỐ 15

Câu 1.

1.1. Những cống hiến:

- Từ năm 1911 đến năm 1920, ra đi tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

- Từ năm 1920 đến năm 1925, chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản từ ngày 6 - 1 đến ngày 7 - 2 - 1930 để đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 3 - 2 - 1930).

- Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, vạch ra đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

1.2. Phân tích cống hiến lớn nhất:

- Cống hiến to lớn nhất trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đó là đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn - con đường cách mạng vô sản.

- Sau một thời gian bôn ba ở hải ngoại, Người vừa khảo sát thực tiễn cách mạng các nước vừa đi tìm con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Đến tháng 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương của

Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Đến đây Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam, đó là con đường cách mạng vô sản. Người quyết tâm đưa cách mạng Việt Nam đi theo con đường này. Người khẳng định: "Muốn cứu nước, muốn giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".

- Từ việc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn và xác định cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản để rồi Nguyễn Ái Quốc tiếp tục hoạt động truyền bá con đường này vào Việt Nam, trên cơ sở đó chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng, rồi tiến đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đúng quỹ đạo của cuộc cách mạng vô sản.

Như vậy, việc tìm ra con đường cách mạng đúng đắn có tác dụng quyết định đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, đây là cống hiến lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc Việt Nam trong quá trình hoạt động cứu nước của mình.

Câu 2.

2.1. Những nhân tố:

- Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phất cao cờ cứu nước thì toàn thể nhân dân nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

- Cách mạng tháng Tám do Đảng Cộng sản Đông Dương và Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã đề ra đường lối chiến lược, chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược đúng đắn dựa trên cơ sở lí luận Mác - Lênin được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam.

- Để giành thắng lợi Cách mạng tháng Tám, Đảng ta có quá trình chuẩn bị trong suốt 15 năm, qua các phong trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, đã đúc rút những bài học kinh nghiệm thành công và thất bại, đặc biệt là quá trình xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa trong thời kì vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

- Trong những ngày khởi nghĩa, toàn Đảng, toàn dân nhất trí, đồng lòng, không sợ hi sinh, gian khổ, quyết tâm giành độc lập tự do. Các cấp bộ Đảng đã chớp thời cơ phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền

2.2. Phân tích nhân tố quyết định nhất:

- Khi xác định nguyên nhân quyết định nhất, trước hết phải thấy rằng, nguyên nhân chủ quan đóng vai trò quyết định, nguyên nhân khách quan chỉ có tác dụng đưa Cách mạng tháng Tám nhanh chóng giành được thắng lợi và ít đổ máu. Trong các nguyên nhân chủ quan đó thì nguyên nhân về vai trò lãnh đạo của Đảng và của Hồ Chí Minh là nguyên nhân quyết định nhất.

- Đảng và Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo phù hợp với điều kiện lịch sử Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kết hợp giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với đường lối cách mạng đó, Đảng ta và Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh trong 15 năm, qua các lần diễn tập (1930 - 1931), (1936 - 1939), (1939 - 1945). Đặc biệt, khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 9 - 3 - 1945), Đảng ta và Hồ Chí Minh phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa. Và khi thời cơ xuất hiện, Đảng ta và Hồ Chí Minh đã nhanh chóng chớp thời cơ phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc, đưa cách mạng tháng Tám đến thắng lợi cuối cùng.

Câu 3.

3.1. Đó là chiến dịch Tây Nguyên.

3.2. Vì:

- Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng ở miền Nam, Tây Nguyên được xem là "nóc nhà" của miền Nam. Ai chiếm được Tây Nguyên sẽ làm chủ miền Nam. Với vị trí chiến lược quan trọng như vậy nên cả ta và địch đều muốn chiếm giữ.

- Mặc dầu Tây Nguyên là một vị trí chiến lược quan trọng, nhưng do địch chủ quan cho rằng, ta không thể đánh Tây Nguyên nên chúng tập trung lực lượng ở đây mỏng và bố phòng có nhiều sơ hở.

3.3. Ý nghĩa: Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

Câu 4.

4.1. Những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hoá:

- Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

- Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.

- Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn.

- Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

Các tổ chức này có vai trò ngày càng quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

4.2. Vì:

- *Về cơ hội:*

+ Từ sau Chiến tranh lạnh, hoà bình thế giới được củng cố, nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi. Xu thế chung của thế giới là hoà bình ổn định và hợp tác phát triển.

+ Các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển và lấy kinh tế làm trọng điểm, cùng sự tăng cường hợp tác và tham gia các liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.

+ Các quốc gia đang phát triển có thể khai thác các nguồn vốn đầu tư, kĩ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài, nhất là các tiến bộ khoa học - kĩ thuật để có thể "đi tắt đón đầu" rút ngắn thời gian xây dựng và phát triển đất nước.

- *Về thách thức:*

+ Các nước đang phát triển cần nhận thức đầy đủ sự cần thiết tất yếu và tìm kiếm con đường, cách thức hợp lí nhất trong quá trình hội nhập quốc tế - phát huy thế mạnh; hạn chế tới mức thấp nhất những rủi ro, bất lợi và cả sai lầm; có những bước đi thích hợp, kịp thời.

+ Phần lớn các nước đang phát triển đều từ điểm xuất phát thấp về kinh tế, trình độ dân trí thấp, nguồn nhân lực đào tạo có chất lượng còn nhiều hạn chế.

+ Sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế còn nhiều bất bình đẳng, gây nhiều thiệt hại đối với các nước đang phát triển.

+ Vấn đề sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay nợ vẫn còn bất hợp lí.

+ Vấn đề giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại cần được lưu ý.

Mục Lục